

THÔNG BÁO

Kết quả thi khảo sát năng lực Tiếng Anh đầu vào cho sinh viên ĐHCQ khóa 67

TT	SBD	Mã số	Họ và tên	Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1	1	2551183138	Đoàn Duy Anh	67KTH1	3.8	
2	2	2554023403	Doãn Hoàng Anh	67QT1	3.2	
3	3	2551050004	Đoàn Hữu Hoàng Anh	67CK1	Vắng thi	
4	4	2551041407	Đoàn Trung Anh	67CX3	2	
5	5	2551111703	Đồng Thế Anh	67CT3	4.2	Đạt
6	6	2551050005	Dương Đức Anh	67CK1	7.2	Đạt
7	7	2551282876	Dương Thế Anh	67KTRB1	Vắng thi	
8	8	2551193272	Dương Thị Hoài Anh	67CNSH2	Vắng thi	
9	9	2551093006	Dương Thị Ngọc Anh	67MT2	Vắng thi	
10	10	2554033553	Dương Thị Phương Anh	67KT2	4.8	Đạt
11	11	2554083686	Dương Thị Phương Anh	67TCNH1	5.2	Đạt
12	12	2551122317	Dương Việt Anh	67KTĐ2	Vắng thi	
13	13	2551183139	Hà Kiều Anh	67KTH1	Vắng thi	
14	14	2551242671	Hồ Bá Anh	67ĐTVT3	4.2	Đạt
15	15	2551131927	Hồ Hoài Anh	67GT1	2.8	
16	16	2554033555	Hoàng Châu Anh	67KT2	4.2	Đạt
17	17	2551282877	Hoàng Danh Duy Anh	67KTRB2	Vắng thi	
18	18	2554074570	Hoàng Đức Anh	67LG1	6.2	Đạt
19	19	2554123954	Hoàng Duy Anh	67CNTC	7.6	Đạt
20	20	2554083687	Hoàng Ngọc Anh	67TCNH1	Vắng thi	
21	21	2551041409	Hoàng Tuấn Anh	67CX3	2.4	
22	22	2554083688	Hoàng Việt Anh	67TCNH2	Vắng thi	
23	23	2554123955	Lê Đức Anh	67CNTC	4.8	Đạt
24	24	2551050006	Lê Đức Anh	67CK2	3	
25	25	2551024795	Lê Hoàng Anh	67N1	2.8	
26	26	2551242672	Lê Khắc Đức Anh	67ĐTVT2	4.2	Đạt
27	27	2551093007	Lê Nguyễn Đức Anh	67MT2	4.2	Đạt
28	28	2551093008	Lê Nguyễn Duy Anh	67MT1	4.8	Đạt
29	29	2551122319	Lê Nhật Anh	67KTĐ2	3.8	
30	30	2554023404	Lê Phan Quỳnh Anh	67KT1	4.2	Đạt
31	31	2553015266	Lê Phương Anh	67LUAT1	4	Đạt
32	32	2551193274	Lê Phương Anh	67CNSH1	Vắng thi	
33	33	2553015267	Lê Thị Vân Anh	67LUAT2	Vắng thi	
34	34	2551160715	Lê Thùy Anh	67HTTT1	3.2	
35	35	2551050007	Lê Tuấn Anh	67CK2	Vắng thi	
36	36	2551242673	Lê Tùng Anh	67ĐTVT1	6.2	Đạt
37	37	2551122321	Lương Đức Anh	67KTĐ3	Vắng thi	
38	38	2554023405	Lương Phương Anh	67QT1	5.6	Đạt
39	39	2554093818	Lương Thị Lan Anh	67KTA2	2.8	
40	40	2551011246	Lương Tuấn Anh	67C2	4.8	Đạt
41	41	2551075033	Lưu Tuấn Anh	67CTN1	Vắng thi	
42	42	2551122322	Lý Quốc Anh	67KTĐ3	7	Đạt
43	43	2551011247	Mạc Quốc Anh	67C1	4.6	Đạt
44	44	2551111706	Ngô Đức Anh	67CT1	Vắng thi	
45	45	2551193275	Ngô Quang Hoàng Anh	67CNSH1	Vắng thi	
46	46	2551170850	Ngô Thị Kiều Anh	67KTPM1	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
47	47	2553015268	Nguyễn Bảo	Anh	67LUAT1	2.6	
48	48	2551260983	Nguyễn Đức Hải	Anh	67TTNT2	Vắng thi	
49	49	2551111708	Nguyễn Đăng Quang	Anh	67CT3	Vắng thi	
50	50	2551034907	Nguyễn Đăng Quỳnh	Anh	67V2	3.4	
51	51	2551212529	Nguyễn Đăng Tuấn	Anh	67TDH2	6.8	Đạt
52	52	2551041412	Nguyễn Đạt	Anh	67CX1	Vắng thi	
53	53	2554033558	Nguyễn Diệp	Anh	67KT1	3.6	
54	54	2554044170	Nguyễn Đức	Anh	67KTXD1	2.2	
55	55	2551131929	Nguyễn Đức	Anh	67GT2	Vắng thi	
56	56	2551212530	Nguyễn Đức	Anh	67TDH1	4	Đạt
57	57	2551024797	Nguyễn Đức	Anh	67N2	Vắng thi	
58	58	2551230417	Nguyễn Đức	Anh	67KTO1	Vắng thi	
59	59	2551170851	Nguyễn Đức	Anh	67KTPM1	2.8	
60	60	2551282878	Nguyễn Đức	Anh	67KTRB1	3.6	
61	61	2554014030	Nguyễn Đức	Anh	67K1	6.4	Đạt
62	62	2551034908	Nguyễn Đức Huy	Anh	67V1	Vắng thi	
63	63	2551183142	Nguyễn Đức Việt	Anh	67KTH2	Vắng thi	
64	64	2551041413	Nguyễn Duy	Anh	67CX4	Vắng thi	
65	65	2551093009	Nguyễn Duy	Anh	67MT1	2.4	
66	66	2551122324	Nguyễn Duy Bảo	Anh	67KTĐ3	Vắng thi	
67	67	2551105138	Nguyễn Hà	Anh	67H1	5.4	Đạt
68	68	2551193276	Nguyễn Hà Phương	Anh	67CNSH1	Vắng thi	
69	69	2551142101	Nguyễn Hải	Anh	67QLXD2	Vắng thi	
70	70	2554083690	Nguyễn Hải	Anh	67TCNH1	5.8	Đạt
71	71	2551011248	Nguyễn Hải	Anh	67C1	3.8	
72	72	2551200168	Nguyễn Hải	Anh	67CĐT2	3.4	
73	73	2551183143	Nguyễn Hàn Quỳnh	Anh	67KTH1	Vắng thi	
74	74	2551142102	Nguyễn Hoàng	Anh	67QLXD3	2.4	
75	75	2551122325	Nguyễn Hoàng	Anh	67KTĐ1	2.6	
76	76	2551105139	Nguyễn Hoàng	Anh	67H2	Vắng thi	
77	77	2551193278	Nguyễn Khắc Nhật	Anh	67CNSH1	3.6	
78	78	2551193279	Nguyễn Lê Minh	Anh	67CNSH2	Vắng thi	
79	79	2551111709	Nguyễn Lê Thái	Anh	67CT3	Vắng thi	
80	80	2551160717	Nguyễn Mai	Anh	67HTTT1	3	
81	81	2554074572	Nguyễn Minh	Anh	67LG1	5.2	Đạt
82	82	2553025387	Nguyễn Minh	Anh	67LUAT KT2	5.6	Đạt
83	83	2551200169	Nguyễn Ngọc	Anh	67CĐT2	4	Đạt
84	84	2551230419	Nguyễn Nhật	Anh	67KTO1	3.6	
85	85	2551011251	Nguyễn Nhật Hoàng	Anh	67C1	2.6	
86	86	2553025388	Nguyễn Nhật Mỹ	Anh	67LUAT KT2	7	Đạt
87	87	2551142103	Nguyễn Phương	Anh	67QLXD3	3.4	
88	88	2551242675	Nguyễn Quang	Anh	67ĐTVT3	7.8	Đạt
89	89	2551212533	Nguyễn Quang	Anh	67TDH2	6.6	Đạt
90	90	2551105140	Nguyễn Quang	Anh	67H2	Vắng thi	
91	91	2551131930	Nguyễn Quốc	Anh	67GT1	Vắng thi	
92	92	2551183145	Nguyễn Quỳnh	Anh	67KTH2	5.2	Đạt
93	93	2551183144	Nguyễn Quỳnh	Anh	67KTH2	4.2	Đạt
94	94	2554014032	Nguyễn Quỳnh	Anh	67K2	2.6	
95	95	2551230420	Nguyễn Thế	Anh	67KTO1	5	Đạt
96	96	2551142106	Nguyễn Thế	Anh	67QLXD2	3.4	
97	97	2551131931	Nguyễn Thế	Anh	67GT1	4.8	Đạt
98	98	2551260984	Nguyễn Thế Hoàng	Anh	67TTNT2	7	Đạt
99	99	2551183147	Nguyễn Thị Lan	Anh	67KTH1	3	
100	100	2554033560	Nguyễn Thị Lan	Anh	67KT1	2	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
101	101	2551160720	Nguyễn Thị Lan	Anh	67HTTT2	4.4	Đạt
102	102	2553015269	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	67LUAT1	3.6	
103	103	2554093822	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	67KTA1	3	
104	104	2554044173	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	67KTXD2	4	Đạt
105	105	2554104719	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	67KTS	6.4	Đạt
106	106	2554093823	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	67KTA2	2.4	
107	107	2554023406	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	67QT2	4.6	Đạt
108	108	2553025389	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	67LUAT KT1	3.6	
109	109	2553025390	Nguyễn Thị Vân	Anh	67LUAT KT2	4.4	Đạt
110	110	2554064448	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	67QTDL1	4.8	Đạt
111	111	2551242676	Nguyễn Tuấn	Anh	67ĐTVT2	Vắng thi	
112	112	2551041416	Nguyễn Tuấn	Anh	67CX3	3	
113	113	2551041415	Nguyễn Tuấn	Anh	67CX4	Vắng thi	
114	114	2551242678	Nguyễn Tuấn	Anh	67ĐTVT3	4	Đạt
115	115	2553015271	Nguyễn Tuấn	Anh	67LUAT2	4.8	Đạt
116	116	2551075035	Nguyễn Tuấn	Anh	67CTN1	2.2	
117	117	2551170853	Nguyễn Tuấn	Anh	67KTPM2	3.8	
118	118	2553015270	Nguyễn Tuấn	Anh	67LUAT1	5	Đạt
119	119	2551271117	Nguyễn Tuấn	Anh	67ANM2	3.4	
120	120	2554123956	Nguyễn Tuệ	Anh	67CNTC	4	Đạt
121	121	2554014036	Nguyễn Vân	Anh	67K2	4.4	Đạt
122	122	2551170854	Nguyễn Văn Nhật	Anh	67KTPM2	Vắng thi	
123	123	2551242679	Nguyễn Văn Quyền	Anh	67ĐTVT3	4	Đạt
124	124	2551011254	Nguyễn Việt	Anh	67C2	3	
125	125	2551170855	Nguyễn Việt	Anh	67KTPM2	7.6	Đạt
126	126	2551105142	Nguyễn Việt	Anh	67H1	2.6	
127	127	2551122326	Nguyễn Việt	Anh	67KTĐ1	6.8	Đạt
128	128	2551093011	Nguyễn Xuân Tuệ	Anh	67MT2	3.6	
129	129	2551131932	Phạm Đức	Anh	67GT1	4.2	Đạt
130	130	2554054309	Phạm Duy Tuấn	Anh	67TMĐT1	3	
131	131	2554064450	Phạm Hồng	Anh	67QTDL2	4.6	Đạt
132	132	2553025391	Phạm Mai	Anh	67LUAT KT2	4.6	Đạt
133	133	2554093825	Phạm Phương	Anh	67KTA2	9	Đạt
134	134	2554023411	Phạm Phương	Anh	67QT2	7.2	Đạt
135	135	2551193280	Phạm Quỳnh	Anh	67CNSH2	Vắng thi	
136	136	2554093826	Phạm Thị Lan	Anh	67KTA2	3.2	
137	137	2551271119	Phạm Thị Mai	Anh	67ANM2	Vắng thi	
138	138	2554033562	Phạm Thị Ngọc	Anh	67KT2	5	Đạt
139	139	2551183148	Phạm Thị Ngọc	Anh	67KTH2	6.6	Đạt
140	140	2554083693	Phạm Thị Tú	Anh	67TCNH1	8.8	Đạt
141	141	2551193281	Phạm Tuấn	Anh	67CNSH1	3.8	
142	142	2551242682	Phạm Tuấn	Anh	67ĐTVT1	2.6	
143	143	2551011256	Phạm Tùng	Anh	67C2	2.6	
144	144	2554083694	Phạm Vân	Anh	67TCNH1	5	Đạt
145	145	2551093012	Phạm Việt	Anh	67MT2	4.8	Đạt
146	146	2551242683	Phan	Anh	67ĐTVT2	Vắng thi	
147	147	2553025392	Phan Duy Việt	Anh	67LUAT KT2	4.8	Đạt
148	148	2551170857	Phan Nhật	Anh	67KTPM1	3.4	
149	149	2551034911	Phan Việt	Anh	67V1	3.8	
150	150	2551041418	Phan Việt Hoàng	Anh	67CX2	Vắng thi	
151	151	2551193269	Đào Đức	An	67CNSH2	Vắng thi	
152	152	2551170845	Đinh Trường	An	67KTPM1	Vắng thi	
153	153	2551011243	Đỗ Văn Trường	An	67C2	Vắng thi	
154	154	2551282872	Hồ Đình	An	67KTRB2	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
155	155	2551041399	Huỳnh Văn	An	67CX2	2.6	
156	156	2553025384	Lại Đức	An	67LUAT KT2	Vắng thi	
157	157	2551271109	Lê Châu	An	67ANM1	Vắng thi	
158	158	2551183136	Nguyễn Bình	An	67KTH2	3.2	
159	159	2551050002	Nguyễn Bình	An	67CK1	Vắng thi	
160	160	2551122311	Nguyễn Đức	An	67KTĐ3	5.2	Đạt
161	161	2551142089	Nguyễn Đức	An	67QLXD2	Vắng thi	
162	162	2551200164	Nguyễn Duy	An	67CĐT1	3.4	
163	163	2551041400	Nguyễn Hoàng Chúc	An	67CX3	3.6	
164	164	2551271111	Nguyễn Mai	An	67ANM1	3.4	
165	165	2554074567	Nguyễn Thành	An	67LG2	6.4	Đạt
166	166	2553025385	Nguyễn Thị Hoài	An	67LUAT KT1	Vắng thi	
167	167	2551122312	Nguyễn Trọng	An	67KTĐ3	2.2	
168	168	2553025386	Nguyễn Trường	An	67LUAT KT1	Vắng thi	
169	169	2551122313	Nguyễn Văn	An	67KTĐ1	5.8	Đạt
170	170	2551212524	Nguyễn Văn	An	67TĐH1	3.4	
171	171	2552015522	Phạm Đăng	An	67CNK	Vắng thi	
172	172	2551260979	Phạm Hoàng	An	67TTNT2	7.8	Đạt
173	173	2553015261	Phạm Thành	An	67LUAT1	2.4	
174	174	2554044163	Phạm Thu	An	67KTXD2	4.8	Đạt
175	175	2551122314	Phạm Văn	An	67KTĐ1	Vắng thi	
176	176	2551075028	Trần Đức	An	67CTN1	4.2	Đạt
177	177	2554023401	Từ Nghĩa	An	67QT2	4.8	Đạt
178	178	2551242667	Vũ Nguyễn Hoàng	An	67ĐTVT3	6.8	Đạt
179	179	2554014025	Vũ Thùy	An	67K1	4.8	Đạt
180	180	2551050003	Vũ Trần	An	67CK1	4.2	Đạt
181	181	2551041402	Vũ Văn	An	67CX4	Vắng thi	
182	182	2551011244	Bùi Hoàng	Anh	67C1	3	
183	183	2554014026	Bùi Thị Phương	Anh	67K2	Vắng thi	
184	184	2553015262	Bùi Thị Vân	Anh	67LUAT2	Vắng thi	
185	185	2551111700	Bùi Việt	Anh	67CT2	8.6	Đạt
186	186	2554033550	Bùi Vũ Ngọc	Anh	67KT2	3.6	
187	187	2551200165	Cao Dương Tuấn	Anh	67CĐT2	Vắng thi	
188	188	2554014027	Cao Kỳ	Anh	67K1	3.4	
189	189	2553015263	Cao Thị Phương	Anh	67LUAT2	5.2	Đạt
190	190	2551200166	Chu Tuấn	Anh	67CĐT2	6.6	Đạt
191	191	2551122315	Cù Tuấn	Anh	67KTĐ1	5.2	Đạt
192	192	2551242668	Đặng Nguyễn Hoàng	Anh	67ĐTVT3	5.6	Đạt
193	193	2551193270	Đặng Nguyễn Nhật	Anh	67CNSH1	3.4	
194	194	2554014028	Đặng Phương	Anh	67K2	4.4	Đạt
195	195	2551041404	Đặng Quốc	Anh	67CX4	8.6	Đạt
196	196	2551183137	Đặng Thị Lan	Anh	67KTH1	3.2	
197	197	2554093813	Đào Ngọc	Anh	67KTA1	5.2	Đạt
198	198	2554093814	Đào Thị Trâm	Anh	67KTA2	7.8	Đạt
199	199	2551131926	Diêm Tuấn	Anh	67GT1	2.6	
200	200	2551011245	Đinh Đức	Anh	67C1	Vắng thi	
201	201	2551142093	Đinh Đức	Anh	67QLXD3	Vắng thi	
202	202	2553015264	Đỗ Hoàng	Anh	67LUAT1	3	
203	203	2551260980	Đỗ Hoàng	Anh	67TTNT2	Vắng thi	
204	204	2554033552	Đỗ Hoàng Kiều	Anh	67KT1	2.8	
205	205	2551105135	Đỗ Phương	Anh	67H1	5.4	Đạt
206	206	2551122316	Đỗ Quốc	Anh	67KTĐ3	5.4	Đạt
207	207	2554044165	Đỗ Thị Ngọc	Anh	67KTXD2	3.2	
208	208	2551212527	Đỗ Tuấn	Anh	67TĐH2	1.8	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
209	209	2554044166	Đỗ Việt	Anh	67KTXD1	3.6	
210	210	2551111702	Đỗ Việt	Anh	67CT2	3.6	
211	211	2551230421	Phùng Đức	Anh	67KTO1	4	Đạt
212	212	2553025393	Phùng Thị Quỳnh	Anh	67LUAT KT1	3.2	
213	213	2554123958	Phùng Trần Văn	Anh	67CNTC	3	
214	214	2554044176	Phùng Văn	Anh	67KTXD2	4	Đạt
215	215	2551093013	Tạ Việt	Anh	67MT2	Vắng thi	
216	216	2551060578	Tô Hồng	Anh	67CNTT1	9.8	Đạt
217	217	2554074573	Tô Minh	Anh	67LG2	4.8	Đạt
218	218	2551093014	Tổng Nguyên Nhật	Anh	67MT1	Vắng thi	
219	219	2554083696	Trần Bảo	Anh	67TCNH1	9.8	Đạt
220	220	2551170858	Trần Đức	Anh	67KTPM2	4.6	Đạt
221	221	2551041419	Trần Đức	Anh	67CX1	Vắng thi	
222	222	2551050013	Trần Hoàng Thế	Anh	67CK2	4.2	Đạt
223	223	2553015272	Trần Minh	Anh	67LUAT2	Vắng thi	
224	224	2551242684	Trần Phan	Anh	67ĐTVT3	Vắng thi	
225	225	2554104720	Trần Phương	Anh	67KTS	6	Đạt
226	226	2554014038	Trần Quang	Anh	67K1	4.8	Đạt
227	227	2554014039	Trần Quỳnh	Anh	67K1	3	
228	228	2554074574	Trần Quỳnh	Anh	67LG2	Vắng thi	
229	229	2554083697	Trần Thị Kiều	Anh	67TCNH2	Vắng thi	
230	230	2551160721	Trần Thị Vân	Anh	67HTTT1	4.4	Đạt
231	231	2551131934	Trần Tuấn	Anh	67GT2	5.8	Đạt
232	232	2551122327	Trần Việt	Anh	67KTĐ1	3.4	
233	233	2551230423	Trịnh Đức	Anh	67KTO1	7.8	Đạt
234	234	2551193283	Trịnh Huy	Anh	67CNŞH1	6	Đạt
235	235	2551105146	Trương Nguyễn Nguyên	Anh	67H1	2.8	
236	236	2554123960	Vũ Khả Nhật	Anh	67CNTC	Vắng thi	
237	237	2554083698	Vũ Minh	Anh	67TCNH2	3.2	
238	238	2554014042	Vũ Ngọc	Anh	67K2	5.6	Đạt
239	239	2553025394	Vũ Thảo	Anh	67LUAT KT2	4.4	Đạt
240	240	2554064453	Vũ Thị	Anh	67QTDL1	3.6	
241	241	2554074578	Vũ Thị Lan	Anh	67LG2	6	Đạt
242	242	2553015273	Vũ Thị Minh	Anh	67LUAT2	Vắng thi	
243	243	2554093830	Vũ Thị Ngọc	Anh	67KTA1	3.8	
244	244	2551093017	Vũ Thị Vân	Anh	67MT1	3.6	
245	245	2551260987	Vũ Trang	Anh	67TTNT1	8.6	Đạt
246	246	2551041422	Vũ Việt	Anh	67CX1	3.4	
247	247	2551131937	Vũ Việt	Anh	67GT2	8.6	Đạt
248	248	2551242686	Vương Duy	Anh	67ĐTVT2	Vắng thi	
249	249	2554044177	Cao Thị Ngọc	Ánh	67KTXD1	5	Đạt
250	250	2554033564	Đình Thị Minh	Ánh	67KT1	4.4	Đạt
251	251	2554123962	Hồ Thị Ngọc	Ánh	67CNTC	4	Đạt
252	252	2551183150	Khương Thị Ngọc	Ánh	67KTH1	Vắng thi	
253	253	2554104721	Mai Thị Quỳnh	Ánh	67KTS	3	
254	254	2551034915	Ngô Nguyệt	Ánh	67V1	Vắng thi	
255	255	2554033565	Ngô Thị	Ánh	67KT1	4.8	Đạt
256	256	2554093832	Ngô Thị Ngọc	Ánh	67KTA2	Vắng thi	
257	257	2553015274	Nguyễn Ngọc	Ánh	67LUAT1	3.8	
258	258	2551260988	Nguyễn Thị Hải	Ánh	67TTNT2	7.2	Đạt
259	259	2554023415	Nguyễn Thị Hải	Ánh	67QT1	5.8	Đạt
260	260	2551105147	Nguyễn Thị Minh	Ánh	67H2	2.4	
261	261	2554023416	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	67QT2	3.2	
262	262	2551075036	Phạm Khắc	Ánh	67CTN2	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
263	263	2554023417	Phạm Ngọc	Ánh	67QT2	5.4	Đạt
264	264	2554074579	Phạm Thị Ngọc	Ánh	67LG1	5	Đạt
265	265	2554014046	Phan Thị Minh	Ánh	67K1	2.8	
266	266	2551105148	Trịnh Ngọc	Ánh	67H2	Vắng thi	
267	267	2554014047	Trương Thị Hồng	Ánh	67K2	2.2	
268	268	2554083701	Vũ Thị Ngọc	Ánh	67TCNH1	4.8	Đạt
269	269	2551111711	Đỗ Anh	Ba	67CT1	3.2	
270	270	2551220307	Lê Việt	Bắc	67CTM2	Vắng thi	
271	271	2551050014	Nguyễn Xuân	Bắc	67CK1	5.4	Đạt
272	272	2551183151	Nguyễn Xuân	Bắc	67KTH1	3.6	
273	273	2551242688	Tạ Xuân	Bắc	67ĐTVT1	2.8	
274	274	2551131938	Tăng Bá	Bắc	67GT2	Vắng thi	
275	275	2553015275	Đình Hoàng	Bách	67LUAT2	3	
276	276	2551060582	Nguyễn Hoàng	Bách	67CNTT1	4.6	Đạt
277	277	2551230424	Nguyễn Hoàng	Bách	67KTO2	2.2	
278	278	2551111712	Trần Chí	Bách	67CT2	Vắng thi	
279	279	2551041424	Trần Gia	Bách	67CX1	2.6	
280	280	2551271124	Trần Xuân	Bách	67ANM1	Vắng thi	
281	281	2553025395	Trần Trọng	Bản	67LUAT KT1	8.6	Đạt
282	282	2551111713	Nguyễn Đình	Bang	67CT3	5	Đạt
283	283	2551282885	Trình Quốc	Bang	67KTRB1	4.8	Đạt
284	284	2554054314	Bạch Đăng	Bảo	67TMĐT1	Vắng thi	
285	285	2551220308	Đặng Quốc	Bảo	67CTM2	6.4	Đạt
286	286	2551041425	Đỗ Nguyên	Bảo	67CX4	5	Đạt
287	287	2551230425	Dương Gia	Bảo	67KTO2	4	Đạt
288	288	2551105149	Giáp Gia	Bảo	67H2	2.8	
289	289	2553015276	Hoàng Gia	Bảo	67LUAT1	2	
290	290	2552015525	Lê Gia	Bảo	67CNK	Vắng thi	
291	291	2551111715	Lê Trần Gia	Bảo	67CT1	5	Đạt
292	292	2551212536	Ngô Việt	Bảo	67TĐH1	3.8	
293	293	2551212537	Nguyễn Cảnh	Bảo	67TĐH2	5	Đạt
294	294	2551170861	Nguyễn Đăng	Bảo	67KTPM2	7.4	Đạt
295	295	2551220309	Nguyễn Đình	Bảo	67CTM2	3	
296	296	2551111717	Nguyễn Gia	Bảo	67CT3	4	Đạt
297	297	2551050015	Nguyễn Gia	Bảo	67CK2	3.6	
298	298	2554104723	Nguyễn Gia	Bảo	67KTS	3.8	
299	299	2551060584	Nguyễn Thái	Bảo	67CNTT2	2.2	
300	300	2551242689	Phạm An Gia	Bảo	67ĐTVT3	5	Đạt
301	301	2551011258	Phạm Anh	Bảo	67C1	Vắng thi	
302	302	2551111719	Phạm Gia	Bảo	67CT3	Vắng thi	
303	303	2554014051	Tạ Quốc	Bảo	67K1	4	Đạt
304	304	2551271125	Trần Đức	Bảo	67ANM2	4.2	Đạt
305	305	2551183152	Trần Gia	Bảo	67KTH2	Vắng thi	
306	306	2551193284	Trịnh Đức	Bảo	67CNSH2	3.4	
307	307	2551011259	Trịnh Gia	Bảo	67C2	2.8	
308	308	2551050016	Trịnh Quốc	Bảo	67CK2	Vắng thi	
309	309	2551131942	Hoàng Quang	Bích	67GT1	3	
310	310	2551282887	Lê Ngọc	Bích	67KTRB2	3.4	
311	311	2551034918	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	67V1	Vắng thi	
312	312	2554033567	Phạm Ngọc	Bích	67KT1	4.2	Đạt
313	313	2554054315	Phạm Ngọc	Bích	67TMĐT1	5.2	Đạt
314	314	2551122330	Phạm Ngọc	Bích	67KTĐ2	2.8	
315	315	2554064458	Bùi Thị Thanh	Bình	67QTDL1	Vắng thi	
316	316	2553015277	Đặng Đức	Bình	67LUAT2	8.4	Đạt

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
317	317	2551122331	Đặng Thanh	Bình	67KTĐ3	3	
318	318	2551105150	Đặng Tiểu	Bình	67H2	7	Đạt
319	319	2551122332	Hồ Văn	Bình	67KTĐ3	Vắng thi	
320	320	2554044182	Hoàng Lê Hải	Bình	67KTXD2	3.2	
321	321	2553025396	Hoàng Văn	Bình	67LUAT KT2	Vắng thi	
322	322	2551170862	Lê Đức	Bình	67KTPM2	3.4	
323	323	2551041430	Nguyễn Duy	Bình	67CX1	3.4	
324	324	2551122334	Nguyễn Kim Thanh	Bình	67KTĐ3	2.4	
325	325	2551220311	Nguyễn Thanh	Bình	67CTM1	3.2	
326	326	2551183153	Nguyễn Thanh	Bình	67KTH2	5.2	Đạt
327	327	2551093019	Nguyễn Văn	Bình	67MT2	3.4	
328	328	2551024804	Phạm Văn Thanh	Bình	67N2	4.8	Đạt
329	329	2554054316	Quách Thu	Bình	67TMĐT1	6.6	Đạt
330	330	2551160724	Trần	Bình	67HTTT2	8.2	Đạt
331	331	2551075038	Trần Văn	Bình	67CTN2	3.2	
332	332	2551050017	Trương Giang	Bình	67CK1	2.4	
333	333	2553025397	Vũ Đức	Bình	67LUAT KT1	Vắng thi	
334	334	2551060585	Mai Ngọc	Bút	67CNTT2	6.6	Đạt
335	335	2551242691	Lê Văn	Cần	67ĐTVT1	4	Đạt
336	336	2551220312	Bùi Hồng	Cần	67CTM2	Vắng thi	
337	337	2551282889	Nguyễn Huy	Cần	67KTRB1	2.8	
338	338	2551142115	Nguyễn Văn	Cảnh	67QLXD3	5.8	Đạt
339	339	2551170863	Tạ Văn	Cảnh	67KTPM2	3.6	
340	340	2551093020	Bùi Bảo	Châm	67MT2	4.2	Đạt
341	341	2551142116	Nguyễn Thị Bảo	Châm	67QLXD2	Vắng thi	
342	342	2551193286	Nguyễn Thị Thùy	Châm	67CNSH1	2.6	
343	343	2554033568	Lù Thị Huyền	Chân	67KT2	6.4	Đạt
344	344	2554093834	Trần Quỳnh	Chang	67KTA2	6.2	Đạt
345	345	2554064460	Bùi Bảo	Châu	67QTDL1	4.4	Đạt
346	346	2551193287	Đình Hà	Châu	67CNSH2	Vắng thi	
347	347	2551075039	Nguyễn Bảo	Châu	67CTN1	3.8	
348	348	2551034919	Nguyễn Minh	Châu	67V1	2.4	
349	349	2554074584	Nguyễn Thị Minh	Châu	67LG1	6.6	Đạt
350	350	2553015278	Phạm Minh	Châu	67LUAT1	4	Đạt
351	351	2554054317	Trịnh Thị Ngọc	Châu	67TMĐT1	6.2	Đạt
352	352	2551122335	Trương Văn	Châu	67KTĐ1	3.4	
353	353	2551131943	Vũ Minh	Châu	67GT1	9.4	Đạt
354	354	2551011263	Bùi Công	Chế	67C2	Vắng thi	
355	355	2553015279	Bùi Khánh	Chi	67LUAT2	Vắng thi	
356	356	2554023422	Đặng Quỳnh	Chi	67QT2	3.8	
357	357	2551282891	Đào Quỳnh	Chi	67KTRB2	6.2	Đạt
358	358	2553025398	Đỗ Hà	Chi	67LUAT KT2	6.6	Đạt
359	359	2554123963	Hoàng Hà	Chi	67CNTC	4.4	Đạt
360	360	2551242692	Khuất Hoàng Khánh	Chi	67ĐTVT1	5.6	Đạt
361	361	2554033570	Lê Hà	Chi	67KT2	3.2	
362	362	2554104724	Lê Quỳnh	Chi	67KTS	3	
363	363	2554104725	Nguyễn Linh	Chi	67KTS	Vắng thi	
364	364	2554074585	Nguyễn Quỳnh	Chi	67LG2	3	
365	365	2551183154	Nguyễn Thị Mai	Chi	67KTH2	Vắng thi	
366	366	2554044184	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	67KTXD2	4.6	Đạt
367	367	2554033572	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	67KT2	5	Đạt
368	368	2554054318	Phùng Thị Phương	Chi	67TMĐT2	4.8	Đạt
369	369	2551024806	Phùng Yên	Chi	67N1	5.4	Đạt
370	370	2553025399	Trần Huyền	Chi	67LUAT KT2	2.8	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
371	371	2554093835	Trần Thị Yên	Chi	67KTA1	2.8	
372	372	2554033573	Trịnh Kim	Chi	67KT2	7.2	Đạt
373	373	2551282892	Bùi Minh	Chiến	67KTRB1	4.6	Đạt
374	374	2551193290	Đỗ Thanh	Chiến	67CNSH2	Vắng thi	
375	375	2551160725	Dương Văn	Chiến	67HTTT1	2.4	
376	376	2551193291	Lương Mạnh	Chiến	67CNSH1	3.8	
377	377	2551011264	Nguyễn Huy	Chiến	67C1	Vắng thi	
378	378	2551183155	Nguyễn Tạ Quang	Chiến	67KTH1	3.4	
379	379	2551105151	Nguyễn Thê	Chiến	67H1	Vắng thi	
380	380	2551193292	Phạm Công	Chiến	67CNSH2	2.8	
381	381	2551093022	Phạm Đức	Chiến	67MT2	6	Đạt
382	382	2551111722	Phạm Minh	Chiến	67CT3	Vắng thi	
383	383	2551041431	Phạm Quang Minh	Chiến	67CX4	Vắng thi	
384	384	2551170864	Phạm Văn	Chiến	67KTPM1	2.6	
385	385	2551041432	Vũ Anh	Chiến	67CX1	4.6	Đạt
386	386	2551170865	Nguyễn Hải Long	Chiêu	67KTPM1	7.2	Đạt
387	387	2551170866	Nguyễn Duy	Chinh	67KTPM1	4	Đạt
388	388	2554104726	Nguyễn Thị Khánh	Chinh	67KTS	3.2	
389	389	2551260992	Vũ Ngọc	Chinh	67TTNT1	5	Đạt
390	390	2551122336	Đồng Văn	Chính	67KTĐ2	2.8	
391	391	2551142126	Nguyễn Việt	Cường	67QLXD2	Vắng thi	
392	392	2551041437	Phạm Duy	Cường	67CX3	4	Đạt
393	393	2551060592	Phạm Hùng	Cường	67CNTT2	Vắng thi	
394	394	2551212540	Trương Quốc	Cường	67TĐH1	Vắng thi	
395	395	2551142128	Vũ Đức	Cường	67QLXD1	3.6	
396	396	2551220314	Vũ Trí	Cường	67CTM1	Vắng thi	
397	397	2554014055	Đỗ Việt	Đặc	67K2	5.6	Đạt
398	398	2551041438	Mẫn Bá Bách	Đặc	67CX4	3.8	
399	399	2551034924	Đặng Văn	Đại	67V2	Vắng thi	
400	400	2551282896	Đào Trọng	Đại	67KTRB2	2.6	
401	401	2553015280	Đình Kim	Đại	67LUAT2	2.2	
402	402	2551230428	Dương Ngọc	Đại	67KTO1	2.6	
403	403	2551111728	Lê Xuân	Đại	67CT1	3.8	
404	404	2551034925	Nguyễn Bá	Đại	67V2	3.6	
405	405	2554093836	Nguyễn Đức	Đại	67KTA1	4	Đạt
406	406	2551193294	Nguyễn Long	Đại	67CNSH2	6	Đạt
407	407	2551041439	Nguyễn Văn	Đại	67CX1	3.8	
408	408	2551041440	Trần Chí	Đại	67CX2	Vắng thi	
409	409	2551122342	Vi Đức	Đại	67KTĐ3	Vắng thi	
410	410	2551122343	Vũ Văn	Đại	67KTĐ1	3.8	
411	411	2551242697	Hoàng Huy	Đàm	67ĐTVT3	5.8	Đạt
412	412	2551060594	Nguyễn Văn	Đạm	67CNTT1	Vắng thi	
413	413	2551131951	Lê Di	Đan	67GT1	3.2	
414	414	2554023424	Phan Thị Hồng	Đan	67QT1	3	
415	415	2551260999	Lý Trọng	Đàn	67TTNT1	4.6	Đạt
416	416	2551282897	Bùi Hải	Đảng	67KTRB1	3.8	
417	417	2551105155	Đặng Vũ Châu	Đảng	67H2	Vắng thi	
418	418	2551170869	Đình Minh	Đảng	67KTPM1	4.2	Đạt
419	419	2551131952	Dư Minh	Đảng	67GT2	3.4	
420	420	2551105156	Hà Hải	Đảng	67H1	7.4	Đạt
421	421	2551111730	Hoàng Hải	Đảng	67CT1	5.8	Đạt
422	422	2553015281	Lê Hải	Đảng	67LUAT1	Vắng thi	
423	423	2551041442	Lê Hải	Đảng	67CX2	4	Đạt
424	424	2551193295	Lự Hải	Đảng	67CNSH1	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
425	425	2551093025	Lương Hải	Đảng	67MT1	8.2	Đạt
426	426	2551105157	Lưu Hải	Đảng	67H2	3.2	
427	427	2551212542	Mạc Hải	Đảng	67TDH2	4.8	Đạt
428	428	2551075040	Nguyễn Hải	Đảng	67CTN1	Vắng thi	
429	429	2551160731	Nguyễn Hải	Đảng	67HTTT2	4.2	Đạt
430	430	2551011267	Nguyễn Hải	Đảng	67C2	3.6	
431	431	2551105158	Nguyễn Hải	Đảng	67H2	Vắng thi	
432	432	2551111731	Nguyễn Phúc Hải	Đảng	67CT3	6.6	Đạt
433	433	2551041443	Nguyễn Văn	Đảng	67CX3	4.6	Đạt
434	434	2551060596	Nguyễn Văn Hải	Đảng	67CNTT2	6	Đạt
435	435	2551261000	Phạm Hải	Đảng	67TTNT1	6.6	Đạt
436	436	2551142130	Trần Hải	Đảng	67QLXD3	Vắng thi	
437	437	2551011268	Trần Lê Hải	Đảng	67C1	2.6	
438	438	2554014057	Vũ Nguyễn Hải	Đảng	67K1	Vắng thi	
439	439	2554033575	Hoàng Thị	Đào	67KT1	2.4	
440	440	2554014058	Nguyễn Thị Trúc	Đào	67K1	6	Đạt
441	441	2551034926	Nông Trọng	Đạo	67V1	3.4	
442	442	2551170870	Trịnh Trọng	Đạo	67KTPM1	Vắng thi	
443	443	2551160733	Bùi Thành	Đạt	67HTTT1	Vắng thi	
444	444	2552015528	Bùi Tiến	Đạt	67CNK	Vắng thi	
445	445	2551050026	Cao Sỹ	Đạt	67CK2	3.4	
446	446	2551041447	Đặng Tiến	Đạt	67CX1	4	Đạt
447	447	2551193296	Đình Tiến	Đạt	67CNSH2	8.2	Đạt
448	448	2551220316	Đình Xuân	Đạt	67CTM1	5.8	Đạt
449	449	2551200186	Đỗ Quang	Đạt	67CĐT2	3.8	
450	450	2552015529	Đỗ Tiên	Đạt	67CNK	Vắng thi	
451	451	2551142132	Hà Tiên	Đạt	67QLXD2	3.8	
452	452	2551200187	Hà Tuấn	Đạt	67CĐT1	4.8	Đạt
453	453	2551122348	La Quang	Đạt	67KTĐ1	3.8	
454	454	2551212543	Lê Mạnh	Đạt	67TDH1	3.4	
455	455	2551271130	Lê Thành	Đạt	67ANM1	3	
456	456	2551131954	Lê Văn	Đạt	67GT1	Vắng thi	
457	457	2551200188	Lê Văn	Đạt	67CĐT1	4.2	Đạt
458	458	2554023426	Lương Tiến	Đạt	67QT2	4.6	Đạt
459	459	2551271131	Lưu Quốc	Đạt	67ANM1	4.6	Đạt
460	460	2551230429	Lý Bình	Đạt	67KTO1	4.6	Đạt
461	461	2551230430	Mai Tiên	Đạt	67KTO1	Vắng thi	
462	462	2551200190	Nguyễn Bá	Đạt	67CĐT1	5	Đạt
463	463	2551060597	Nguyễn Công Trí Thành	Đạt	67CNTT2	4.6	Đạt
464	464	2551105159	Nguyễn Đức Thành	Đạt	67H2	2.8	
465	465	2554044188	Nguyễn Hoàng Tiên	Đạt	67KTXD1	2.8	
466	466	2551242700	Nguyễn Mạnh	Đạt	67ĐTVT1	5	Đạt
467	467	2551075043	Nguyễn Quốc	Đạt	67CTN1	2.8	
468	468	2551041449	Nguyễn Thành	Đạt	67CX4	2.6	
469	469	2551282900	Nguyễn Thành	Đạt	67KTRB1	6	Đạt
470	470	2551220318	Nguyễn Tiên	Đạt	67CTM1	3.6	
471	471	2551024811	Nguyễn Tiên	Đạt	67N2	Vắng thi	
472	472	2552015530	Nguyễn Tiên	Đạt	67CNK	Vắng thi	
473	473	2551041450	Nguyễn Tiên	Đạt	67CX3	2.8	
474	474	2551160737	Nguyễn Tiên	Đạt	67HTTT2	8.8	Đạt
475	475	2551050028	Nguyễn Tiên	Đạt	67CK2	4	Đạt
476	476	2551131955	Nguyễn Tiên	Đạt	67GT2	3.2	
477	477	2551200192	Nguyễn Tiên	Đạt	67CĐT1	5	Đạt
478	478	2551212544	Nguyễn Tiên	Đạt	67TDH1	6	Đạt

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
479	479	2551041451	Nguyễn Văn Đạt		67CX3	Vắng thi	
480	480	2551200194	Nguyễn Văn Tiến Đạt		67CDT2	Vắng thi	
481	481	2553025401	Nguyễn Xuân Đạt		67LUAT KT1	3.4	
482	482	2551034927	Nguyễn Xuân Tuấn Đạt		67V1	Vắng thi	
483	483	2551170871	Phạm Đắc Phát Đạt		67KTPM2	5	Đạt
484	484	2551041452	Phạm Thành Đạt		67CX2	4	Đạt
485	485	2551212545	Phạm Tiến Đạt		67TĐH2	3	
486	486	2551183159	Phạm Tiến Đạt		67KTH1	3	
487	487	2551111734	Quản Tiến Đạt		67CT2	4.4	Đạt
488	488	2554074593	Trần Danh Đạt		67LG1	6.6	Đạt
489	489	2551093026	Trần Thành Đạt		67MT2	Vắng thi	
490	490	2551212546	Trần Thành Đạt		67TĐH1	7	Đạt
491	491	2553025402	Trần Tiến Đạt		67LUAT KT1	Vắng thi	
492	492	2551142133	Trần Tiến Đạt		67QLXD2	Vắng thi	
493	493	2551170872	Trần Trí Đạt		67KTPM1	Vắng thi	
494	494	2551242701	Trần Tuấn Đạt		67ĐTVT2	7	Đạt
495	495	2553015282	Trương Mạnh Đạt		67LUAT2	3.4	
496	496	2551041454	Vũ Hữu Đạt		67CX4	3.6	
497	497	2551111735	Vũ Quốc Đạt		67CT3	3.8	
498	498	2551271133	Vũ Thành Đạt		67ANM1	Vắng thi	
499	499	2551271132	Vũ Thành Đạt		67ANM2	3.6	
500	500	2551050030	Vũ Tiến Đạt		67CK1	3.2	
501	501	2553025403	Vũ Văn Đạt		67LUAT KT2	5	Đạt
502	502	2551111736	Đình Tân Đạt		67CT1	Vắng thi	
503	503	2551183160	Bùi Thị Điểm		67KTH1	3	
504	504	2554054319	Mạ Thị Quỳnh Điểm		67TMĐT2	4.8	Đạt
505	505	2551075044	Nguyễn Hà Điểm		67CTN1	4.6	Đạt
506	506	2553025404	Đào Ngọc Diệp		67LUAT KT1	Vắng thi	
507	507	2551160739	Nguyễn Thị Bích Diệp		67HTTT2	3.6	
508	508	2554023427	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		67QT1	3	
509	509	2553025405	Trần Thị Hồng Diệp		67LUAT KT2	4.8	Đạt
510	510	2551183161	Hoà Như Diệp		67KTH2	Vắng thi	
511	511	2551261002	Lưu Văn Diệp		67TTNT1	2.6	
512	512	2551093027	Phạm Tuấn Diệp		67MT2	3.2	
513	513	2554044190	Trần Phương Diệp		67KTXD1	Vắng thi	
514	514	2554023429	Đặng Huyền Diệu		67QT1	5.2	Đạt
515	515	2554023430	Đoàn Thị Huyền Diệu		67QT2	4.6	Đạt
516	516	2551060600	Phạm Nguyễn Minh Diệu		67CNTT1	4.2	Đạt
517	517	2554074594	Trần Thị Hồng Diệu		67LG2	4	Đạt
518	518	2551041455	Đình Mạnh Đình		67CX2	Vắng thi	
519	519	2551050032	Phạm Văn Đình		67CK1	Vắng thi	
520	520	2551183162	Đặng Thị Dịu		67KTH1	Vắng thi	
521	521	2554104728	Nguyễn Thị Dịu		67KTS	7.6	Đạt
522	522	2554054320	Nguyễn Thị Dịu		67TMĐT2	3.8	
523	523	2553025406	Trần Thị Dịu		67LUAT KT1	7	Đạt
524	524	2551220320	Lê Vũ Đô		67CTM1	Vắng thi	
525	525	2551282903	Trần Kim Đô		67KTRB1	6.2	Đạt
526	526	2551122354	Phạm Ngọc Đoan		67KTĐ3	Vắng thi	
527	527	2551050033	Nguyễn Ngọc Đoàn		67CK1	4.8	Đạt
528	528	2551111737	Phan Văn Đoàn		67CT1	3.2	
529	529	2551093028	Trần Mạnh Đoàn		67MT1	Vắng thi	
530	530	2551242703	Trần Ngọc Đoàn		67ĐTVT3	Vắng thi	
531	531	2551111738	Trần Văn Đoàn		67CT1	3.4	
532	532	2551075045	Hoàng Việt Doanh		67CTN2	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
533	533	2551193297	Nguyễn Ngọc Uyên	Doanh	67CNSH1	6	Đạt
534	534	2551183163	Triệu Tiến	Doanh	67KTH2	Vắng thi	
535	535	2551041456	Đào Hoàng	Đông	67CX3	3.2	
536	536	2551105162	Bùi Anh	Du	67H1	4.6	Đạt
537	537	2551142134	Vũ Xuân	Du	67QLXD3	3.4	
538	538	2551271134	Lê Văn	Đuẩn	67ANM2	3.2	
539	539	2551242704	Nguyễn Trọng	Đuẩn	67ĐTVT1	3	
540	540	2551041458	Phạm Văn	Đuẩn	67CX4	3.6	
541	541	2551041433	Trịnh Đăng	Chính	67CX2	Vắng thi	
542	542	2551111724	Trịnh Văn	Chính	67CT2	Vắng thi	
543	543	2551200178	Trần Văn	Chuẩn	67CĐT2	4.2	Đạt
544	544	2551183156	Đỗ Thanh	Chúc	67KTH1	3.8	
545	545	2551160728	Lưu Công	Chức	67HTTT1	Vắng thi	
546	546	2551105152	Lê Đức	Chung	67H2	3.4	
547	547	2551271126	Lương Thành	Chung	67ANM2	5.2	Đạt
548	548	2551131945	Nguyễn Đăng	Chung	67GT1	5.2	Đạt
549	549	2551200179	Nguyễn Thành	Chung	67CĐT1	5.8	Đạt
550	550	2551105153	Nguyễn Thành	Chung	67H2	3.4	
551	551	2554033574	Nguyễn Thị Ngọc	Chung	67KT2	2.6	
552	552	2551260993	Phạm Bá	Chung	67TTNT2	4.2	Đạt
553	553	2551131946	Hắc Văn	Chương	67GT2	3.4	
554	554	2551050018	Thái Văn	Chương	67CK1	7.4	Đạt
555	555	2551282893	Lê Quang	Chương	67KTRB1	4.6	Đạt
556	556	2551142122	Phạm Thế	Chuyên	67QLXD3	3	
557	557	2551212538	Nguyễn Doãn	Cơ	67TDH2	Vắng thi	
558	558	2551093023	An Thành	Công	67MT1	Vắng thi	
559	559	2551183157	Bùi Chí	Công	67KTH2	4.8	Đạt
560	560	2551230427	Cao Phan	Công	67KTO2	4.6	Đạt
561	561	2551050019	Hoàng Minh	Công	67CK2	8.8	Đạt
562	562	2551160729	Lê Văn	Công	67HTTT1	3.2	
563	563	2551111725	Ngô Anh	Công	67CT3	3.8	
564	564	2554123964	Nguyễn Chí	Công	67CNTC	4.8	Đạt
565	565	2551122337	Nguyễn Chiến	Công	67KTĐ3	Vắng thi	
566	566	2551122338	Nguyễn Đăng	Công	67KTĐ1	4.6	Đạt
567	567	2551041434	Nguyễn Duy	Công	67CX2	Vắng thi	
568	568	2551170868	Nguyễn Thành	Công	67KTPM1	Vắng thi	
569	569	2551060588	Nguyễn Văn	Công	67CNTT1	2.4	
570	570	2554044185	Phạm Nguyễn Thành	Công	67KTXD2	3.6	
571	571	2551183158	Phạm Thành	Công	67KTH1	Vắng thi	
572	572	2551034922	Phạm Thành	Công	67V1	Vắng thi	
573	573	2551050021	Trần Thế	Công	67CK2	Vắng thi	
574	574	2551111726	Vũ Hữu Thành	Công	67CT1	Vắng thi	
575	575	2551122339	Nguyễn Đình	Cương	67KTĐ2	Vắng thi	
576	576	2554074588	Nguyễn Hữu	Cương	67LG1	Vắng thi	
577	577	2551060589	Phạm Trí	Cương	67CNTT1	3.8	
578	578	2551131947	Trần Dương Biên	Cương	67GT1	Vắng thi	
579	579	2554083706	Trần Duy	Cương	67TCNH2	Vắng thi	
580	580	2551193293	Trần Hữu	Cương	67CNSH1	Vắng thi	
581	581	2551260995	Trần Văn	Cương	67TTNT1	5.6	Đạt
582	582	2551242694	Bùi Hữu	Cường	67ĐTVT2	Vắng thi	
583	583	2551060590	Bùi Văn Nam	Cường	67CNTT2	Vắng thi	
584	584	2553025400	Bùi Việt	Cường	67LUAT KT1	4.8	Đạt
585	585	2551271128	Đào Minh	Cường	67ANM2	Vắng thi	
586	586	2551024808	Đình Quốc	Cường	67N2	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
587	587	2551260996	Đỗ Hùng	Cường	67TTNT1	3.6	
588	588	2551011265	Lê Mạnh	Cường	67C1	Vắng thi	
589	589	2551212539	Lê Nguyễn Trọng	Cường	67TDH1	8	Đạt
590	590	2554074589	Lương Mạnh	Cường	67LG1	Vắng thi	
591	591	2551131948	Lương Phú	Cường	67GT2	Vắng thi	
592	592	2551282895	Nguyễn Đăng	Cường	67KTRB1	3	
593	593	2551160730	Nguyễn Đức	Cường	67HTTT1	8	Đạt
594	594	2551050022	Nguyễn Hữu	Cường	67CK1	6	Đạt
595	595	2551242695	Nguyễn Mạnh	Cường	67ĐTVT2	Vắng thi	
596	596	2551111727	Nguyễn Nam	Cường	67CT1	4.2	Đạt
597	597	2551041436	Nguyễn Sỹ	Cường	67CX3	3.2	
598	598	2551131950	Nguyễn Tiến	Cường	67GT2	6.8	Đạt
599	599	2551093024	Nguyễn Văn	Cường	67MT2	Vắng thi	
600	600	2551200183	Nguyễn Văn	Cường	67CĐT2	4.4	Đạt
601	601	2551011273	Vũ	Đuân	67C1	Vắng thi	
602	602	2551034929	Chào Minh	Đức	67V1	Vắng thi	
603	603	2551122355	Đặng Minh	Đức	67KTĐ3	3.6	
604	604	2551200198	Đặng Minh	Đức	67CĐT2	4.8	Đạt
605	605	2551220323	Đình Trọng	Đức	67CTM2	3.6	
606	606	2554074595	Đình Văn	Đức	67LG2	Vắng thi	
607	607	2551261005	Đình Văn	Đức	67TTNT1	3.8	
608	608	2551183164	Đỗ Trung	Đức	67KTH1	3.4	
609	609	2551242705	Đỗ Văn	Đức	67ĐTVT2	2.6	
610	610	2551050035	Đoàn Nguyên	Đức	67CK2	Vắng thi	
611	611	2554044191	Dư Minh	Đức	67KTXD1	7.2	Đạt
612	612	2551093029	Dương Quang	Đức	67MT2	Vắng thi	
613	613	2551193298	Hồ Trọng	Đức	67CNSH2	Vắng thi	
614	614	2551011275	Hoàng Anh	Đức	67C2	Vắng thi	
615	615	2553015283	Hoàng Dũng	Đức	67LUAT2	4.2	Đạt
616	616	2551282905	Lê Anh	Đức	67KTRB2	Vắng thi	
617	617	2551050036	Lê Anh	Đức	67CK2	3.4	
618	618	2553015284	Lê Anh	Đức	67LUAT1	Vắng thi	
619	619	2551011276	Lê Nguyễn Anh	Đức	67C2	2.6	
620	620	2551230434	Lê Tiến	Đức	67KTO2	4.2	Đạt
621	621	2551242709	Mai Trung	Đức	67ĐTVT2	2.8	
622	622	2554044192	Nguyễn Anh	Đức	67KTXD1	Vắng thi	
623	623	2551212548	Nguyễn Anh	Đức	67TDH1	3.6	
624	624	2551093030	Nguyễn Anh	Đức	67MT1	Vắng thi	
625	625	2551122356	Nguyễn Đăng Mạnh	Đức	67KTĐ3	8.8	Đạt
626	626	2551200200	Nguyễn Đình	Đức	67CĐT2	3.4	
627	627	2551111740	Nguyễn Đình Minh	Đức	67CT2	Vắng thi	
628	628	2551011277	Nguyễn Minh	Đức	67C1	Vắng thi	
629	629	2553025407	Nguyễn Minh	Đức	67LUAT KT2	3	
630	630	2551093031	Nguyễn Minh	Đức	67MT2	2.8	
631	631	2554044193	Nguyễn Quang	Đức	67KTXD2	6.2	Đạt
632	632	2551220327	Nguyễn Trung	Đức	67CTM2	4.4	Đạt
633	633	2551111741	Nguyễn Trung	Đức	67CT3	Vắng thi	
634	634	2551220326	Nguyễn Trung	Đức	67CTM1	9	Đạt
635	635	2551170874	Nguyễn Văn	Đức	67KTPM2	3.6	
636	636	2551242712	Phạm Minh	Đức	67ĐTVT1	Vắng thi	
637	637	2551271136	Phạm Minh	Đức	67ANM2	3.8	
638	638	2551261009	Phạm Minh	Đức	67TTNT1	3.4	
639	639	2551011278	Phạm Ngọc Minh	Đức	67C1	Vắng thi	
640	640	2551075047	Phạm Như	Đức	67CTN1	6	Đạt

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
641	641	2551230436	Phạm Văn Đức		67KTO2	2.2	
642	642	2551200202	Phan Việt Đức		67CDT2	Vắng thi	
643	643	2551093032	Tạ Mạnh Đức		67MT2	Vắng thi	
644	644	2551142141	Tông Việt Đức		67QLXD3	3.8	
645	645	2551060602	Trần Minh Đức		67CNTT2	3	
646	646	2551193299	Trần Minh Đức		67CNSH1	Vắng thi	
647	647	2551050039	Trần Minh Đức		67CK1	Vắng thi	
648	648	2551122358	Trần Trung Đức		67KTĐ3	4.2	Đạt
649	649	2551212549	Trần Văn Đức		67TĐH2	3	
650	650	2551242714	Trần Xuân Đức		67ĐTVT3	2.4	
651	651	2554074597	Trịnh Minh Đức		67LG2	6.2	Đạt
652	652	2551075048	Trịnh Trung Đức		67CTN2	Vắng thi	
653	653	2551041461	Vũ Anh Đức		67CX1	4	Đạt
654	654	2551122359	Vũ Minh Đức		67KTĐ2	8.4	Đạt
655	655	2551282906	Vũ Minh Đức		67KTRB1	5	Đạt
656	656	2554044195	Vũ Văn Đức		67KTXD2	4	Đạt
657	657	2551193300	Vũ Văn Đức		67CNSH1	3	
658	658	2554023431	Đặng Thị Thùy Dung		67QT1	2.8	
659	659	2551034931	Đào Thùy Dung		67V1	Vắng thi	
660	660	2551193301	Đinh Phương Dung		67CNSH2	8	Đạt
661	661	2554093838	Đinh Thị Nguyệt Dung		67KTA1	2.6	
662	662	2554064470	Dương Tạ Phương Dung		67QTDL2	5.6	Đạt
663	663	2554104731	Hán Kim Dung		67KTS	3.2	
664	664	2554044196	Lê Thị Dung		67KTXD1	3.2	
665	665	2553025408	Lê Thị Dung		67LUAT KT2	4.4	Đạt
666	666	2554033577	Lương Thùy Dung		67KT2	7	Đạt
667	667	2551183165	Ngân Thùy Dung		67KTH1	3.2	
668	668	2554033578	Nguyễn Mai Dung		67KT2	6.6	Đạt
669	669	2551183166	Phạm Phương Dung		67KTH1	Vắng thi	
670	670	2553025409	Phạm Thị Dung		67LUAT KT2	6.4	Đạt
671	671	2553025410	Triệu Ngọc Dung		67LUAT KT1	2.8	
672	672	2551041462	Bùi Anh Dũng		67CX2	Vắng thi	
673	673	2551111745	Bùi Tiến Dũng		67CT2	3.6	
674	674	2551193303	Bùi Trần Nam Dũng		67CNSH2	Vắng thi	
675	675	2554044197	Đinh Tiến Dũng		67KTXD1	Vắng thi	
676	676	2551160741	Đinh Trọng Dũng		67HTTT2	Vắng thi	
677	677	2551122360	Đinh Việt Dũng		67KTĐ1	4.4	Đạt
678	678	2551111746	Đỗ Mạnh Dũng		67CT3	4	Đạt
679	679	2554044198	Đỗ Thành Dũng		67KTXD2	Vắng thi	
680	680	2551041463	Đỗ Việt Dũng		67CX2	2.6	
681	681	2551041464	Đoàn Trí Dũng		67CX3	7.6	Đạt
682	682	2551122361	Hà Tường Dũng		67KTĐ2	3.6	
683	683	2551122362	Hoàng Anh Dũng		67KTĐ1	3.6	
684	684	2551093033	Hoàng Tiến Dũng		67MT1	Vắng thi	
685	685	2551034932	Lại Tiến Dũng		67V2	2.4	
686	686	2551271137	Lâm Văn Dũng		67ANM1	Vắng thi	
687	687	2551212550	Lê Nho Dũng		67TĐH2	2.8	
688	688	2551230440	Lê Tiến Dũng		67KTO1	3.4	
689	689	2554033580	Lê Tuấn Dũng		67KT1	4	Đạt
690	690	2551220330	Mai Việt Dũng		67CTM1	5.8	Đạt
691	691	2551111747	Ngô Tiến Dũng		67CT1	6	Đạt
692	692	2551160743	Nguyễn Dũng		67HTTT2	3.6	
693	693	2551050041	Nguyễn Anh Dũng		67CK2	4.6	Đạt
694	694	2551220331	Nguyễn Anh Dũng		67CTM2	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên	Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
695	695	2551011280	Nguyễn Cao Dũng	67C1	6.6	Đạt
696	696	2551200205	Nguyễn Công Dũng	67CDT2	7.6	Đạt
697	697	2551122363	Nguyễn Đăng Dũng	67KTĐ2	3.6	
698	698	2551075049	Nguyễn Đình Hoàng Dũng	67CTN1	4.4	Đạt
699	699	2551282907	Nguyễn Đức Dũng	67KTRB1	7	Đạt
700	700	2551230441	Nguyễn Duy Dũng	67KTO2	Vắng thi	
701	701	2551050042	Nguyễn Hoàng Dũng	67CK2	2	
702	702	2551200206	Nguyễn Khắc Dũng	67CDT2	Vắng thi	
703	703	2554123971	Nguyễn Mạnh Dũng	67CNTC	4.6	Đạt
704	704	2551212551	Nguyễn Mạnh Dũng	67TĐH1	Vắng thi	
705	705	2551230442	Nguyễn Mạnh Dũng	67KTO1	Vắng thi	
706	706	2551242716	Nguyễn Quang Dũng	67ĐTVT1	6	Đạt
707	707	2551282908	Nguyễn Quang Dũng	67KTRB1	4.4	Đạt
708	708	2551050044	Nguyễn Quang Dũng	67CK1	3.6	
709	709	2554014061	Nguyễn Tấn Dũng	67K1	Vắng thi	
710	710	2551193305	Nguyễn Tấn Dũng	67CNSH2	3.8	
711	711	2553025411	Nguyễn Tiến Dũng	67LUAT KT2	3.4	
712	712	2551034933	Nguyễn Tiến Dũng	67V1	3.2	
713	713	2551041466	Nguyễn Tiến Dũng	67CX4	Vắng thi	
714	714	2551220333	Nguyễn Tiến Dũng	67CTM1	3.8	
715	715	2553015285	Nguyễn Trí Dũng	67LUAT1	Vắng thi	
716	716	2551050045	Nguyễn Văn Dũng	67CK1	3.8	
717	717	2551122364	Nguyễn Văn Dũng	67KTĐ3	3.2	
718	718	2551212552	Nguyễn Văn Dũng	67TĐH1	Vắng thi	
719	719	2554054326	Nguyễn Việt Dũng	67TMĐT2	4.6	Đạt
720	720	2551111749	Phạm Tiên Dũng	67CT3	3.8	
721	721	2551122365	Phạm Tiên Dũng	67KTĐ1	4.4	Đạt
722	722	2554023434	Phạm Văn Dũng	67QT2	2.2	
723	723	2551170876	Phùng Quang Dũng	67KTPM1	Vắng thi	
724	724	2551142146	Tào Ngọc Dũng	67QLXD2	3	
725	725	2551041469	Trần Anh Dũng	67CX3	4.4	Đạt
726	726	2551131961	Trần Anh Dũng	67GT1	Vắng thi	
727	727	2551220335	Trần Anh Dũng	67CTM1	3	
728	728	2551111751	Trần Mạnh Dũng	67CT1	3.2	
729	729	2554044202	Trịnh Tiến Dũng	67KTXD1	Vắng thi	
730	730	2551111752	Vũ Đức Dũng	67CT3	Vắng thi	
731	731	2551170878	Vũ Tấn Dũng	67KTPM2	Vắng thi	
732	732	2551200207	Vũ Tiến Dũng	67CDT1	2.8	
733	733	2551011281	Vũ Tuấn Dũng	67C1	3.8	
734	734	2551122367	Cao Việt Dương	67KTĐ2	Vắng thi	
735	735	2554023435	Chu Thùy Dương	67QT1	4.2	Đạt
736	736	2551105166	Đặng Ninh Dương	67H1	Vắng thi	
737	737	2554083708	Đặng Thanh Ánh Dương	67TCNH2	5.2	Đạt
738	738	2551170879	Đặng Xuân Dương	67KTPM2	4	Đạt
739	739	2551131963	Đào Khánh Dương	67GT2	4	Đạt
740	740	2554033581	Đinh Thị Thùy Dương	67KT2	4.2	Đạt
741	741	2551230444	Đinh Tùng Dương	67KTO1	7	Đạt
742	742	2551261014	Đỗ Đại Dương	67TTNT1	5	Đạt
743	743	2554123972	Hoàng Đại Dương	67CNTC	4.2	Đạt
744	744	2551183168	Hoàng Ngọc Dương	67KTH2	Vắng thi	
745	745	2551220336	Kiều Tùng Dương	67CTM1	3.2	
746	746	2551011283	Lại Thùy Dương	67C2	3.6	
747	747	2551041471	Lê Anh Dương	67CX4	3.4	
748	748	2551200208	Lê Hoàng Dương	67CDT2	2.8	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
749	749	2553025413	Lê Thị Thùy	Dương	67LUAT KT2	4.2	Đạt
750	750	2551111754	Lê Tùng	Dương	67CT1	Vắng thi	
751	751	2551242718	Lê Văn	Dương	67ĐTVT1	Vắng thi	
752	752	2554044203	Nguyễn Ánh	Dương	67KTXD2	3.8	
753	753	2551261015	Nguyễn Ánh	Dương	67TTNT2	4.4	Đạt
754	754	2554044204	Nguyễn Công	Dương	67KTXD1	Vắng thi	
755	755	2551024816	Nguyễn Đình	Dương	67ACCA	6.8	Đạt
756	756	2551122368	Nguyễn Đức	Dương	67KTĐ1	6	Đạt
757	757	2551041473	Nguyễn Đức	Dương	67CX3	Vắng thi	
758	758	2554044205	Nguyễn Hữu	Dương	67KTXD1	3.6	
759	759	2551282909	Nguyễn Huy	Dương	67KTRB1	3.6	
760	760	2554074600	Nguyễn Minh	Dương	67LG1	5.4	Đạt
761	761	2551160744	Nguyễn Phúc	Dương	67HTTT2	7	Đạt
762	762	2551271140	Nguyễn Quang	Dương	67ANM1	4.6	Đạt
763	763	2551183169	Nguyễn Sỹ	Dương	67KTH2	Vắng thi	
764	764	2551193306	Nguyễn Thái Bình	Dương	67CNSH2	3	
765	765	2551230445	Nguyễn Thê	Dương	67KTO1	Vắng thi	
766	766	2554033584	Nguyễn Thị	Dương	67KT2	2.4	
767	767	2551183170	Nguyễn Thị	Dương	67KTH1	5.8	Đạt
768	768	2551183171	Nguyễn Thị Thùy	Dương	67KTH1	4.6	Đạt
769	769	2551105168	Nguyễn Thùy	Dương	67H1	3.2	
770	770	2551242719	Nguyễn Tùng	Dương	67ĐTVT2	6.6	Đạt
771	771	2551105169	Nguyễn Văn	Dương	67H2	3.4	
772	772	2554033586	Nguyễn Vũ Thùy	Dương	67KT1	3.8	
773	773	2551183172	Phạm Ngọc	Dương	67KTH2	Vắng thi	
774	774	2551111755	Phạm Thái	Dương	67CT1	Vắng thi	
775	775	2554074602	Phạm Thùy	Dương	67LG1	8.6	Đạt
776	776	2551160746	Quách Đăng	Dương	67HTTT1	7.8	Đạt
777	777	2551261017	Tạ Đình	Dương	67TTNT1	3.4	
778	778	2551220337	Trần Đăng	Dương	67CTM1	Vắng thi	
779	779	2551011284	Trần Quế	Dương	67C2	Vắng thi	
780	780	2553015286	Trần Thùy	Dương	67LUAT2	Vắng thi	
781	781	2554033587	Vũ Hương	Giang	67KT2	Vắng thi	
782	782	2551261018	Vũ Thị Hương	Giang	67TTNT2	4	Đạt
783	783	2553025416	Nguyễn Danh	Giàu	67LUAT KT1	3.4	
784	784	2551122375	Nguyễn Hữu Đoàn	Giỏi	67KTĐ2	5.4	Đạt
785	785	2551212560	Bùi Ngọc	Hà	67TĐH2	Vắng thi	
786	786	2551230451	Cù Mạnh	Hà	67KTO2	Vắng thi	
787	787	2551024820	Đặng Thu	Hà	67N2	2.8	
788	788	2551170882	Đỗ Nam	Hà	67KTPM2	2.8	
789	789	2551261019	Doãn Khánh	Hà	67TTNT2	4.6	Đạt
790	790	2554023437	Hoàng Thị Phương	Hà	67QT2	Vắng thi	
791	791	2551212561	Lê Hoàng	Hà	67TĐH1	3.4	
792	792	2553015289	Lê Trần Thu	Hà	67LUAT2	5.2	Đạt
793	793	2551041481	Lê Văn	Hà	67CX2	2.4	
794	794	2553015290	Mai Ngọc	Hà	67LUAT1	3	
795	795	2554064476	Mai Thu	Hà	67QTDL2	3.4	
796	796	2551041482	Nguyễn Công	Hà	67CX3	3	
797	797	2551011292	Nguyễn Đắc	Hà	67C2	Vắng thi	
798	798	2551242729	Nguyễn Đức	Hà	67ĐTVT1	6.8	Đạt
799	799	2551011293	Nguyễn Hải	Hà	67C2	Vắng thi	
800	800	2554033588	Nguyễn Hồng	Hà	67KT1	Vắng thi	
801	801	2551041483	Nguyễn Hùng Ngọc	Hà	67CX4	Vắng thi	
802	802	2553025417	Nguyễn Lê Thanh	Hà	67LUAT KT1	8.6	Đạt

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
803	803	2551122376	Nguyễn Mạnh	Hà	67KTĐ3	6	Đạt
804	804	2554044212	Nguyễn Phương	Hà	67KTXD1	3.4	
805	805	2554123977	Nguyễn Quang	Hà	67CNTC	7	Đạt
806	806	2554014067	Nguyễn Thanh	Hà	67K2	5.2	Đạt
807	807	2554093844	Nguyễn Thị Thu	Hà	67KTA1	3.8	
808	808	2553025418	Nguyễn Việt	Hà	67LUAT KT2	3.4	
809	809	2553015291	Nông Sơn	Hà	67LUAT1	2.8	
810	810	2554074610	Phùng Thu	Hà	67LG1	3.6	
811	811	2554014068	Trần Ngọc	Hà	67K2	7	Đạt
812	812	2551242730	Trần Nguyễn Thu	Hà	67ĐTVT3	Vắng thi	
813	813	2554083713	Vũ Thị	Hà	67TCNH1	5	Đạt
814	814	2554033590	Vũ Thu	Hà	67KT1	3.6	
815	815	2551111759	Bùi Quang	Hải	67CT2	3	
816	816	2551050049	Đỗ Đức	Hải	67CK1	3.8	
817	817	2551200214	Đỗ Thanh	Hải	67CĐT2	3.2	
818	818	2551200215	Đỗ Trọng	Hải	67CĐT1	6.6	Đạt
819	819	2551271145	Lê Đức	Hải	67ANM2	4.8	Đạt
820	820	2551271146	Lê Duy	Hải	67ANM2	4.8	Đạt
821	821	2551200216	Lê Ngọc	Hải	67CĐT2	Vắng thi	
822	822	2551122378	Lê Văn	Hải	67KTĐ2	3.8	
823	823	2551160748	Mai Vi Đức	Hải	67HTTT2	Vắng thi	
824	824	2551142155	Nguyễn Công Đông	Hải	67QLXD2	3.2	
825	825	2551242732	Nguyễn Đức	Hải	67ĐTVT1	3.2	
826	826	2551160749	Nguyễn Đức	Hải	67HTTT2	Vắng thi	
827	827	2551024821	Nguyễn Đức	Hải	67N1	Vắng thi	
828	828	2551242733	Nguyễn Hoàng	Hải	67ĐTVT2	Vắng thi	
829	829	2551122379	Nguyễn Hữu	Hải	67KTĐ2	5.6	Đạt
830	830	2551220342	Nguyễn Mạnh	Hải	67CTM1	Vắng thi	
831	831	2551041487	Nguyễn Minh	Hải	67CX1	5.4	Đạt
832	832	2554023439	Nguyễn Thị Thu	Hải	67QT1	3.8	
833	833	2551041488	Nguyễn Tiến	Hải	67CX3	Vắng thi	
834	834	2554083714	Nguyễn Trần Phi	Hải	67TCNH2	Vắng thi	
835	835	2551212562	Nguyễn Trịnh Hoàng	Hải	67TĐH2	Vắng thi	
836	836	2551242734	Nguyễn Văn	Hải	67ĐTVT3	2	
837	837	2551193309	Nguyễn Văn Tuấn	Hải	67CNSH1	Vắng thi	
838	838	2551230453	Phạm Hoàng	Hải	67KTO1	8.4	Đạt
839	839	2551271148	Phạm Hoàng	Hải	67ANM2	4	Đạt
840	840	2551131968	Phạm Hoàng	Hải	67GT1	9	Đạt
841	841	2551242735	Phạm Hoàng	Hải	67ĐTVT1	3.6	
842	842	2551242736	Phạm Quang	Hải	67ĐTVT3	Vắng thi	
843	843	2551060610	Trần Minh	Hải	67CNTT1	4.6	Đạt
844	844	2551242737	Trần Phạm	Hải	67ĐTVT2	3	
845	845	2551041490	Trịnh Minh	Hải	67CX4	6	Đạt
846	846	2554044213	Vũ Hoàng	Hải	67KTXD2	Vắng thi	
847	847	2554064477	Bùi Ngọc	Hân	67QTDL1	4.8	Đạt
848	848	2551230454	Lâm Ngọc	Hân	67KTO2	3.6	
849	849	2551105174	Lý Gia	Hân	67H2	Vắng thi	
850	850	2551170885	Nguyễn Văn	Hân	67KTPM1	6.2	Đạt
851	851	2551230455	Phạm Ngọc	Hân	67KTO2	Vắng thi	
852	852	2554023440	Bùi Thị Diệu	Hằng	67QT2	3.8	
853	853	2551261021	Chiu Nguyễn Thị	Hằng	67TTNT1	3.6	
854	854	2554054337	Dương Thị Bích	Hằng	67TMĐT2	4	Đạt
855	855	2554033593	Dương Thị Minh	Hằng	67KT2	4.4	Đạt
856	856	2551142156	Hoàng Minh	Hằng	67QLXD3	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
857	857	2554044214	Hoàng Thu	Hằng	67KTXD1	5	Đạt
858	858	2554083716	Lê Khánh	Hằng	67TCNH2	3.8	
859	859	2551105175	Nguyễn Ngọc Thúy	Hằng	67H1	3.6	
860	860	2554074612	Nguyễn Thanh	Hằng	67LG2	9.4	Đạt
861	861	2554033594	Nguyễn Thị	Hằng	67KT2	Vắng thi	
862	862	2554023441	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	67QT1	3.6	
863	863	2551034937	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	67V1	Vắng thi	
864	864	2554033595	Nguyễn Thị Thu	Hằng	67KT1	3.8	
865	865	2554023442	Nguyễn Thu	Hằng	67QT1	4	Đạt
866	866	2554093847	Nguyễn Thu	Hằng	67KTA1	4.2	Đạt
867	867	2551105176	Nguyễn Trần Bích	Hằng	67H2	4.4	Đạt
868	868	2554033596	Phạm Thị Nguyệt	Hằng	67KT1	Vắng thi	
869	869	2551160752	Trần Thị	Hằng	67HTTT2	Vắng thi	
870	870	2553015292	Trần Thị	Hằng	67LUAT2	Vắng thi	
871	871	2551142157	Vũ Thanh	Hằng	67QLXD1	Vắng thi	
872	872	2551034938	Đặng Thị Hồng	Hạnh	67V2	3.4	
873	873	2554054338	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	67TMĐT1	Vắng thi	
874	874	2554033597	Lê Thị Hồng	Hạnh	67KT2	4.2	Đạt
875	875	2554083718	Lưu Mỹ	Hạnh	67TCNH1	2.4	
876	876	2551142158	Nguyễn Thị	Hạnh	67QLXD1	3.6	
877	877	2551122380	Nguyễn Đức Anh	Hào	67KTĐ1	9.4	Đạt
878	878	2554044216	Nguyễn Hữu	Hào	67KTXD2	8.6	Đạt
879	879	2554064479	Nguyễn Song	Hào	67QTDL1	3.8	
880	880	2551131969	Ninh Quang	Hào	67GT1	5.2	Đạt
881	881	2551170886	Phan Anh	Hào	67KTPM1	Vắng thi	
882	882	2554093848	Lê Thu	Hào	67KTA2	4	Đạt
883	883	2551041491	Nguyễn Kim Nguyên	Hạo	67CX1	3.8	
884	884	2551093040	Nguyễn Thị	Hậu	67MT1	Vắng thi	
885	885	2554014071	Phạm Ngọc	Hậu	67K2	4	Đạt
886	886	2551242739	Phạm Văn	Hậu	67ĐTVT2	Vắng thi	
887	887	2551041493	Nguyễn Đức	Hiền	67CX2	2.6	
888	888	2551075056	Đào Thu	Hiền	67CTN1	3.2	
889	889	2551034939	Đinh Thị Thúy	Hiền	67V1	2.8	
890	890	2554083719	Đỗ Thị Thu	Hiền	67TCNH1	4.4	Đạt
891	891	2551193311	Dương Thu	Hiền	67CNSH1	Vắng thi	
892	892	2554044217	Hoàng Thị Ngọc	Hiền	67KTXD2	3.4	
893	893	2554074615	Hoàng Thúy	Hiền	67LG1	3.4	
894	894	2553025419	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	67LUAT KT2	5.4	Đạt
895	895	2551271149	Nguyễn Thị Thu	Hiền	67ANM1	6.2	Đạt
896	896	2553015293	Nguyễn Thu	Hiền	67LUAT2	Vắng thi	
897	897	2554054341	Nông Thị Thanh	Hiền	67TMĐT2	3.4	
898	898	2551122381	Phạm Ngọc	Hiền	67KTĐ3	Vắng thi	
899	899	2551142161	Phạm Thu	Hiền	67QLXD3	Vắng thi	
900	900	2554093849	Sầm Thị Thu	Hiền	67KTA1	4	Đạt
901	901	2554033598	Trần Thị	Hiền	67KT1	2.2	
902	902	2553025420	Võ Thúy	Hiền	67LUAT KT1	6.6	Đạt
903	903	2551122382	Đào Sỹ	Hiền	67KTĐ1	3.4	
904	904	2554083720	Lê Quang	Hiền	67TCNH2	3.6	
905	905	2551212564	Nguyễn Phan	Hiền	67TĐH2	3.4	
906	906	2551220343	Nguyễn Vinh	Hiền	67CTM2	3.2	
907	907	2551242742	Bùi Sỹ	Hiệp	67ĐTVT2	4.8	Đạt
908	908	2551170887	Bùi Vũ Hoàng	Hiệp	67KTPM2	6.8	Đạt
909	909	2554044219	Cao Hoàng	Hiệp	67KTXD2	2.2	
910	910	2551193312	Đào Đức	Hiệp	67CNSH1	8.6	Đạt

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
911	911	2551011294	Đào Hoàng	Hiệp	67C1	4.6	Đạt
912	912	2554083721	Doãn Đình	Hiệp	67TCNH2	8.4	Đạt
913	913	2551122383	Ngô Gia	Hiệp	67KTĐ2	3.8	
914	914	2552015533	Nguyễn Đức	Hiệp	67CNK	Vắng thi	
915	915	2551282911	Nguyễn Quang	Hiệp	67KTRB2	4.4	Đạt
916	916	2551111765	Nguyễn Tiến	Hiệp	67CT1	2.4	
917	917	2551024825	Nguyễn Tuấn	Hiệp	67N1	5.2	Đạt
918	918	2553025421	Nguyễn Văn	Hiệp	67LUAT KT2	2.8	
919	919	2551230457	Nguyễn Văn	Hiệp	67KTO1	3	
920	920	2551230458	Phạm Nghĩa	Hiệp	67KTO1	3.2	
921	921	2551160755	Vũ Bá	Hiệp	67HTTT2	2.2	
922	922	2551142163	Bùi Duy	Hiếu	67QLXD1	7	Đạt
923	923	2551131976	Bùi Minh	Hiếu	67GT1	2.4	
924	924	2551105182	Cái Trọng	Hiếu	67H1	2	
925	925	2551160756	Chu Ngọc	Hiếu	67HTTT1	4.2	Đạt
926	926	2551142164	Đàm Thận Minh	Hiếu	67QLXD3	Vắng thi	
927	927	2551041495	Đặng Đình	Hiếu	67CX4	7.6	Đạt
928	928	2551060612	Đặng Trung	Hiếu	67CNTT1	Vắng thi	
929	929	2551282912	Đào Minh	Hiếu	67KTRB1	Vắng thi	
930	930	2553025422	Đỗ Minh	Hiếu	67LUAT KT2	3.4	
931	931	2553015287	Vi Nam	Dương	67LUAT1	2.8	
932	932	2551093036	Vũ Công	Dương	67MT2	Vắng thi	
933	933	2551220338	Vũ Hải	Dương	67CTM1	Vắng thi	
934	934	2551050047	Vũ Minh	Dương	67CK2	Vắng thi	
935	935	2551122369	Vũ Tuấn	Dương	67KTĐ2	Vắng thi	
936	936	2551142151	Vũ Ngọc	Đương	67QLXD2	2.2	
937	937	2551131966	Đặng Lâm	Duy	67GT2	Vắng thi	
938	938	2551170880	Đình Quốc	Duy	67KTPM2	Vắng thi	
939	939	2551024818	Đỗ Đăng	Duy	67N1	Vắng thi	
940	940	2551041474	Đỗ Đức	Duy	67CX3	2.2	
941	941	2551122371	Đỗ Quốc	Duy	67KTĐ2	Vắng thi	
942	942	2551111756	Hoàng Đình	Duy	67CT2	Vắng thi	
943	943	2551271142	Lã Anh	Duy	67ANM2	6.8	Đạt
944	944	2551011285	Lê Xuân	Duy	67C2	Vắng thi	
945	945	2551200211	Nguyễn Đăng	Duy	67CĐT1	Vắng thi	
946	946	2551093037	Nguyễn Đình	Duy	67MT1	Vắng thi	
947	947	2551122372	Nguyễn Đức	Duy	67KTĐ3	9.2	Đạt
948	948	2551242722	Nguyễn Đức	Duy	67ĐTVT2	3.6	
949	949	2551111757	Nguyễn Khương	Duy	67CT3	3	
950	950	2551011288	Nguyễn Lâm	Duy	67C2	4.4	Đạt
951	951	2551242724	Nguyễn Ngọc	Duy	67ĐTVT2	Vắng thi	
952	952	2551200213	Nguyễn Nhật Anh	Duy	67CĐT2	7.6	Đạt
953	953	2551220341	Nguyễn Quang	Duy	67CTM2	Vắng thi	
954	954	2551011289	Nguyễn Văn	Duy	67C2	3	
955	955	2551122373	Nguyễn Văn	Duy	67KTĐ1	3.4	
956	956	2551105172	Nguyễn Văn	Duy	67H1	4.6	Đạt
957	957	2551183174	Nguyễn Vũ	Duy	67KTH1	3	
958	958	2551242725	Phạm Đức	Duy	67ĐTVT2	7	Đạt
959	959	2551242726	Phạm Phú	Duy	67ĐTVT1	2.8	
960	960	2551041476	Phạm Văn	Duy	67CX1	Vắng thi	
961	961	2551212557	Trần Đức	Duy	67TDH2	6.4	Đạt
962	962	2551041478	Trần Khánh	Duy	67CX4	Vắng thi	
963	963	2551242727	Trần Khánh	Duy	67ĐTVT3	7.4	Đạt
964	964	2554083710	Vũ Đức	Duy	67TCNH2	3.8	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
965	965	2551105173	Cao Mỹ	Duyên	67H1	8	Đạt
966	966	2551271143	Hoàng Thị Thu	Duyên	67ANM2	3.8	
967	967	2554093841	Lê Thị	Duyên	67KTA1	3.8	
968	968	2554054329	Nguyễn Thị	Duyên	67TMĐT2	2.2	
969	969	2554074605	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	67LG2	Vắng thi	
970	970	2554014065	Nguyễn Thị Thu	Duyên	67K2	3	
971	971	2553025415	Phuong Mỹ	Duyên	67LUAT KT2	Vắng thi	
972	972	2551093038	Trần Mỹ	Duyên	67MT2	3	
973	973	2551060607	Vũ Thị	Duyên	67CNTT1	4.4	Đạt
974	974	2554074606	Y Kuin	Êban	67LG2	3	
975	975	2551041479	Đặng Hoàng	Giang	67CX1	8.6	Đạt
976	976	2554083711	Đỗ Trường	Giang	67TCNH1	Vắng thi	
977	977	2554014066	Hoàng Thị Hương	Giang	67K1	5.8	Đạt
978	978	2554074607	Lã Thị Thu	Giang	67LG1	8	Đạt
979	979	2554074608	Lý Long	Giang	67LG1	9	Đạt
980	980	2551034936	Nguyễn Hương	Giang	67V2	3.4	
981	981	2554054330	Nguyễn Hương	Giang	67TMĐT1	5.4	Đạt
982	982	2554054332	Nguyễn Thị	Giang	67TMĐT2	5.4	Đạt
983	983	2554054333	Nguyễn Thị	Giang	67TMĐT1	3.4	
984	984	2551193308	Nguyễn Thị Hương	Giang	67CNSH2	4.8	Đạt
985	985	2551041480	Nguyễn Tiến	Giang	67CX1	2.8	
986	986	2551230450	Nguyễn Trường	Giang	67KTO1	4.2	Đạt
987	987	2551075054	Phạm Trà	Giang	67CTN2	2.4	
988	988	2551183175	Phạm Trà	Giang	67KTH2	Vắng thi	
989	989	2551111758	Trần Duy	Giang	67CT1	3.8	
990	990	2551242728	Trần Trường	Giang	67ĐTVT1	9	Đạt
991	991	2551200218	Đoàn Trung	Hiếu	67CĐT2	9.4	Đạt
992	992	2554054344	Hoàng Anh	Hiếu	67TMĐT2	6.2	Đạt
993	993	2551024826	Hoàng Công Trung	Hiếu	67N2	Vắng thi	
994	994	2551075057	Hoàng Đăng	Hiếu	67CTN2	2.6	
995	995	2553015294	Hoàng Trung	Hiếu	67LUAT1	Vắng thi	
996	996	2551111767	Hoàng Trung	Hiếu	67CT2	4.6	Đạt
997	997	2551282913	Lê Duy	Hiếu	67KTRB2	6	Đạt
998	998	2551105183	Lê Hữu	Hiếu	67H1	6.6	Đạt
999	999	2551041497	Lê Trung	Hiếu	67CX3	3.2	
1000	1000	2551034940	Lê Trung	Hiếu	67V2	Vắng thi	
1001	1001	2551041498	Mai Đức	Hiếu	67CX4	8	Đạt
1002	1002	2551212567	Ngô Công	Hiếu	67TDH2	Vắng thi	
1003	1003	2551230459	Nguyễn Chí	Hiếu	67KTO2	5	Đạt
1004	1004	2551075059	Nguyễn Đình	Hiếu	67CTN1	2.2	
1005	1005	2551230460	Nguyễn Đức	Hiếu	67KTO2	Vắng thi	
1006	1006	2551075060	Nguyễn Đức	Hiếu	67CTN2	3.4	
1007	1007	2551050053	Nguyễn Khắc	Hiếu	67CK1	9	Đạt
1008	1008	2553025423	Nguyễn Khắc	Hiếu	67LUAT KT1	2	
1009	1009	2551024827	Nguyễn Mậu	Hiếu	67N2	Vắng thi	
1010	1010	2551060614	Nguyễn Minh	Hiếu	67CNTT1	5.6	Đạt
1011	1011	2553025424	Nguyễn Trung	Hiếu	67LUAT KT1	Vắng thi	
1012	1012	2551050055	Nguyễn Trung	Hiếu	67CK2	2.6	
1013	1013	2551060615	Nguyễn Trung	Hiếu	67CNTT2	6.4	Đạt
1014	1014	2551111769	Nguyễn Xuân	Hiếu	67CT3	8.4	Đạt
1015	1015	2553025425	Phạm Đức	Hiếu	67LUAT KT2	8	Đạt
1016	1016	2551041499	Phạm Minh	Hiếu	67CX3	Vắng thi	
1017	1017	2551041500	Phạm Trung	Hiếu	67CX4	3.8	
1018	1018	2554023446	Phùng Anh	Hiếu	67QT1	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1019	1019	2551183180	Phùng Trung	Hiếu	67KTH1	Vắng thi	
1020	1020	2551242747	Tạ Minh	Hiếu	67ĐTVT3	Vắng thi	
1021	1021	2554093851	Tạ Quang	Hiếu	67KTA2	4.4	Đạt
1022	1022	2551131977	Tông Việt	Hiếu	67GT2	3	
1023	1023	2551230462	Trần Đức	Hiếu	67KTO1	8	Đạt
1024	1024	2551220344	Trần Minh	Hiếu	67CTM2	3	
1025	1025	2551242748	Trần Trung	Hiếu	67ĐTVT3	Vắng thi	
1026	1026	2554083722	Trần Văn	Hiếu	67TCNH1	2.6	
1027	1027	2551105186	Trương Nguyên	Hiếu	67H2	3.8	
1028	1028	2553015295	Vũ Đức	Hiếu	67LUAT2	Vắng thi	
1029	1029	2551093041	Vũ Duy	Hiếu	67MT2	Vắng thi	
1030	1030	2551212569	Vũ Văn	Hiếu	67TĐH1	2.8	
1031	1031	2551041501	Nguyễn Trung	Hiếu	67CX4	6	Đạt
1032	1032	2551111770	Đình Quang	Hiếu	67CT2	Vắng thi	
1033	1033	2554054345	Dương Ngọc	Hiếu	67TMĐT2	6	Đạt
1034	1034	2551011296	Dương Văn	Hiếu	67C1	Vắng thi	
1035	1035	2551193313	Nguyễn Thương	Hiếu	67CNSH2	2.8	
1036	1036	2551011297	Trần Như	Hiếu	67C1	Vắng thi	
1037	1037	2554083723	Lê Thị	Hoa	67TCNH2	2.2	
1038	1038	2554113941	Nguyễn Phương	Hoa	67ACCA	5.8	Đạt
1039	1039	2554074619	Nguyễn Thị	Hoa	67LG1	4	Đạt
1040	1040	2554093853	Phạm Thị Mai	Hoa	67KTA1	2.8	
1041	1041	2551075063	Phạm Thị Thanh	Hoa	67CTN2	Vắng thi	
1042	1042	2551193314	Tông Thị	Hoa	67CNSH2	Vắng thi	
1043	1043	2554023448	Trần Ngọc	Hoa	67QT1	5.4	Đạt
1044	1044	2551142168	Trần Thanh	Hoa	67QLXD2	2.6	
1045	1045	2554054346	Nguyễn Thu	Hoà	67TMĐT2	3.4	
1046	1046	2551230463	Trần Ngọc	Hoà	67KTO1	Vắng thi	
1047	1047	2551230464	Đào Việt	Hòa	67KTO2	2	
1048	1048	2551122386	Hoàng Đình	Hòa	67KTĐ2	4	Đạt
1049	1049	2551183181	Lê Thị Thu	Hòa	67KTH2	3.6	
1050	1050	2554064482	Lương Thị Thúy	Hòa	67QTDL1	4.8	Đạt
1051	1051	2551105187	Mai Thị Phương	Hòa	67H1	3.2	
1052	1052	2551041502	Nguyễn Đức	Hòa	67CX4	Vắng thi	
1053	1053	2551142170	Nguyễn Khánh	Hòa	67QLXD1	6.4	Đạt
1054	1054	2551282915	Nguyễn Trọng	Hòa	67KTRB1	Vắng thi	
1055	1055	2551242749	Phạm Thanh	Hòa	67ĐTVT1	Vắng thi	
1056	1056	2551230466	Trần Văn	Hòa	67KTO1	3.8	
1057	1057	2551093042	Nguyễn Minh	Họa	67MT2	2.6	
1058	1058	2551261028	Nguyễn Thu	Hoài	67TTNT2	Vắng thi	
1059	1059	2551105188	Phạm Kinh	Hoan	67H2	5.2	Đạt
1060	1060	2551220346	Phạm Nhật	Hoan	67CTM2	2.6	
1061	1061	2551024828	Phan Quốc	Hoan	67N2	Vắng thi	
1062	1062	2551041503	Phan Thanh	Hoan	67CX1	5.4	Đạt
1063	1063	2551041504	Đình Lê	Hoàn	67CX2	4.2	Đạt
1064	1064	2551261029	Ngô Quang	Hoàn	67TTNT2	2.8	
1065	1065	2551111771	Nguyễn Đức	Hoàn	67CT3	2.6	
1066	1066	2551282916	Nguyễn Đức	Hoàn	67KTRB1	3.8	
1067	1067	2551261030	Nguyễn Việt	Hoàn	67TTNT1	3.4	
1068	1068	2551041505	Bùi Phi	Hoàng	67CX3	Vắng thi	
1069	1069	2551122387	Chữ Việt	Hoàng	67KTĐ3	3.2	
1070	1070	2551183182	Đặng Minh	Hoàng	67KTH1	2.8	
1071	1071	2551131980	Đặng Việt	Hoàng	67GT2	5.2	Đạt
1072	1072	2551111772	Đào Minh	Hoàng	67CT2	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1073	1073	2551170888	Đào Việt Huy	Hoàng	67KTPM1	Vắng thi	
1074	1074	2551093043	Đình Huy	Hoàng	67MT2	Vắng thi	
1075	1075	2551170889	Đình Vũ	Hoàng	67KTPM1	Vắng thi	
1076	1076	2554074620	Đỗ Vũ	Hoàng	67LG2	5.2	Đạt
1077	1077	2551282917	Đoàn Vũ Huy	Hoàng	67KTRB1	2.8	
1078	1078	2551212572	Hà Sỹ	Hoàng	67TDH1	Vắng thi	
1079	1079	2551193315	Kim Việt	Hoàng	67CNSH1	4.6	Đạt
1080	1080	2551230468	Lại Minh	Hoàng	67KTO2	5	Đạt
1081	1081	2551212573	Lê Huy	Hoàng	67TDH2	2.2	
1082	1082	2551230469	Lê Việt	Hoàng	67KTO1	3.2	
1083	1083	2551034948	Lô Việt	Hoàng	67V2	Vắng thi	
1084	1084	2551041506	Nguyễn Anh	Hoàng	67CX4	3.6	
1085	1085	2554044224	Nguyễn Bá	Hoàng	67KTXD2	4.2	Đạt
1086	1086	2551111773	Nguyễn Đoàn Huy	Hoàng	67CT1	2.4	
1087	1087	2554074621	Nguyễn Đức	Hoàng	67LG2	8.6	Đạt
1088	1088	2551193316	Nguyễn Đức	Hoàng	67CNSH2	Vắng thi	
1089	1089	2551050060	Nguyễn Duy	Hoàng	67CK1	2.8	
1090	1090	2554083727	Nguyễn Duy	Hoàng	67TCNH2	3.4	
1091	1091	2551011300	Nguyễn Gia	Hoàng	67C1	3	
1092	1092	2551220347	Nguyễn Huy	Hoàng	67CTM2	5	Đạt
1093	1093	2551122388	Nguyễn Huy	Hoàng	67KTĐ3	Vắng thi	
1094	1094	2551041508	Nguyễn Huy	Hoàng	67CX3	1.8	
1095	1095	2551200222	Nguyễn Huy	Hoàng	67CĐT1	3	
1096	1096	2554023450	Nguyễn Minh	Hoàng	67QT1	Vắng thi	
1097	1097	2554054347	Nguyễn Việt	Hoàng	67TMĐT2	Vắng thi	
1098	1098	2551261031	Nguyễn Việt	Hoàng	67TTNT1	8.2	Đạt
1099	1099	2551041509	Phạm Huy	Hoàng	67CX4	2.8	
1100	1100	2551041510	Phạm Mậu Huy	Hoàng	67CX2	3.2	
1101	1101	2551050061	Phạm Văn	Hoàng	67CK1	2.8	
1102	1102	2551050062	Phan Vũ	Hoàng	67CK2	Vắng thi	
1103	1103	2551041512	Phùng Huy	Hoàng	67CX3	Vắng thi	
1104	1104	2551282921	Sái Minh	Hoàng	67KTRB2	2.2	
1105	1105	2551060617	Tạ Huy	Hoàng	67CNTT2	3.4	
1106	1106	2551230472	Tăng Hữu	Hoàng	67KTO1	5.2	Đạt
1107	1107	2551131981	Thân Trần	Hoàng	67GT1	Vắng thi	
1108	1108	2551212575	Tô Văn	Hoàng	67TDH2	3	
1109	1109	2551170891	Trần Huy	Hoàng	67KTPM1	Vắng thi	
1110	1110	2551131982	Trần Lâm	Hoàng	67GT1	Vắng thi	
1111	1111	2551183183	Tráng Việt	Hoàng	67KTH2	3.2	
1112	1112	2551041513	Trịnh Lê	Hoàng	67CX1	4.2	Đạt
1113	1113	2551041514	Trương Việt	Hoàng	67CX1	2.8	
1114	1114	2551041516	Trương Việt	Hoàng	67CX1	2.2	
1115	1115	2551122389	Trương Việt	Hoàng	67KTĐ1	Vắng thi	
1116	1116	2551131984	Trương Xuân	Hoàng	67GT1	Vắng thi	
1117	1117	2551212576	Vũ Hồng	Hoàng	67TDH1	4.6	Đạt
1118	1118	2551230473	Vũ Huy	Hoàng	67KTO2	2.6	
1119	1119	2551200223	Vũ Huy	Hoàng	67CĐT2	6	Đạt
1120	1120	2551050063	Vũ Việt	Hoàng	67CK2	3.6	
1121	1121	2551242752	Vũ Quang	Hoạt	67ĐTVT2	4.2	Đạt
1122	1122	2551242753	Nguyễn Văn	Học	67ĐTVT2	4.4	Đạt
1123	1123	2551041517	Nguyễn Hoàn	Hội	67CX3	Vắng thi	
1124	1124	2554054348	Đặng Xuân	Hội	67TMĐT1	2.2	
1125	1125	2554054349	Nguyễn Thúy	Hội	67TMĐT2	3.8	
1126	1126	2554074622	Nguyễn Tiên	Hội	67LG1	4.6	Đạt

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1127	1127	2551160758	Nguyễn Tiến	Hợi	67HTTT1	2.6	
1128	1128	2551111774	Nguyễn Văn	Hợi	67CT2	2.2	
1129	1129	2554074623	Phạm Thị	Hợi	67LG2	3	
1130	1130	2551131985	Trịnh Văn	Hợi	67GT1	3.8	
1131	1131	2554074624	Mẫn Thị	Hồng	67LG1	5.8	Đạt
1132	1132	2553015296	Ngô Thị	Hồng	67LUAT1	2.6	
1133	1133	2551193318	Nguyễn Ánh	Hồng	67CNSH2	Vắng thi	
1134	1134	2554023451	Nguyễn Thị	Hồng	67QT2	3	
1135	1135	2551034949	Phùng Thị	Hồng	67V1	Vắng thi	
1136	1136	2551060618	Nguyễn Trịnh Hòa	Hợp	67CNTT2	6	Đạt
1137	1137	2554023452	Nguyễn Quang	Huân	67QT2	3.8	
1138	1138	2551111775	Vũ Văn	Huân	67CT1	4.2	Đạt
1139	1139	2551193319	Đào Văn	Huân	67CNSH1	Vắng thi	
1140	1140	2551041518	Đỗ Văn	Huân	67CX2	3	
1141	1141	2551170893	Lương Hữu	Huân	67KTPM2	3.8	
1142	1142	2551060619	Lý Thu	Huế	67CNTT1	5.8	Đạt
1143	1143	2554083729	Nguyễn Phương	Huế	67TCNH1	5.6	Đạt
1144	1144	2554054350	Phạm Thị	Huế	67TMĐT2	4.6	Đạt
1145	1145	2551183184	Vũ Thị	Huế	67KTH1	Vắng thi	
1146	1146	2553025427	Bùi Thị Kim	Huệ	67LUAT KT2	3.6	
1147	1147	2551105189	Bùi Việt	Hùng	67H1	4.4	Đạt
1148	1148	2551160760	Đàm Việt	Hùng	67HTTT2	Vắng thi	
1149	1149	2551160761	Đặng Đình	Hùng	67HTTT1	Vắng thi	
1150	1150	2551041519	Đặng Quốc	Hùng	67CX3	Vắng thi	
1151	1151	2551193320	Đỗ Trọng	Hùng	67CNSH2	3.2	
1152	1152	2553015297	Hà Mạnh	Hùng	67LUAT1	2.4	
1153	1153	2551034950	Hoàng Minh	Hùng	67V2	Vắng thi	
1154	1154	2553025428	Hoàng Phi	Hùng	67LUAT KT2	3.2	
1155	1155	2554054352	Lê Đăng Tuấn	Hùng	67TMĐT1	3.8	
1156	1156	2551111776	Nguyễn Đình	Hùng	67CT3	8.8	Đạt
1157	1157	2551282922	Nguyễn Doãn	Hùng	67KTRB2	5.2	Đạt
1158	1158	2551230475	Nguyễn Đức	Hùng	67KTO1	2.6	
1159	1159	2551122390	Nguyễn Duy	Hùng	67KTĐ2	1.8	
1160	1160	2551041520	Nguyễn Duy	Hùng	67CX2	Vắng thi	
1161	1161	2551193321	Nguyễn Duy	Hùng	67CNSH1	4	Đạt
1162	1162	2551230476	Nguyễn Mạnh	Hùng	67KTO2	3.2	
1163	1163	2551041521	Nguyễn Minh	Hùng	67CX1	Vắng thi	
1164	1164	2551050064	Nguyễn Ngọc	Hùng	67CK2	6.2	Đạt
1165	1165	2551282923	Nguyễn Sinh	Hùng	67KTRB2	4.8	Đạt
1166	1166	2551200224	Nguyễn Sinh	Hùng	67CĐT1	Vắng thi	
1167	1167	2551122391	Nguyễn Thái	Hùng	67KTĐ1	4.8	Đạt
1168	1168	2551142175	Nguyễn Trịnh Công	Hùng	67QLXD2	2.8	
1169	1169	2551093047	Nguyễn Trọng	Hùng	67MT2	Vắng thi	
1170	1170	2551282924	Nguyễn Văn	Hùng	67KTRB2	Vắng thi	
1171	1171	2551060625	Phí Thị Thu	Hương	67CNTT1	4.2	Đạt
1172	1172	2554054357	Trần Quỳnh	Hương	67TMĐT2	3.6	
1173	1173	2551093051	Lê Thị Thu	Hương	67MT2	Vắng thi	
1174	1174	2554104744	Lê Thu	Hương	67KTS	3.4	
1175	1175	2551060626	Nguyễn Thị Thu	Hương	67CNTT1	5.8	Đạt
1176	1176	2554064492	Nguyễn Thu	Hương	67QTDL1	2.6	
1177	1177	2551011306	Đình Đức	Hương	67C2	4.4	Đạt
1178	1178	2551041531	Bùi Gia	Huy	67CX2	Vắng thi	
1179	1179	2553015304	Bùi Quang	Huy	67LUAT2	3.6	
1180	1180	2551183186	Cao Đăng	Huy	67KTH2	5.4	Đạt

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1181	1181	2551242758	Chu Đức	Huy	67ĐTVT2	2.2	
1182	1182	2551193324	Đàm Lê	Huy	67CNSH2	Vắng thi	
1183	1183	2551220351	Đặng Gia	Huy	67CTM2	3.2	
1184	1184	2551242759	Đặng Gia	Huy	67ĐTVT1	4.2	Đạt
1185	1185	2551220352	Đặng Mạnh	Huy	67CTM2	5.8	Đạt
1186	1186	2551282927	Đình Gia	Huy	67KTRB1	4.6	Đạt
1187	1187	2551271157	Đỗ Hoàn Quang	Huy	67ANM1	Vắng thi	
1188	1188	2551131989	Đỗ Ngọc	Huy	67GT2	Vắng thi	
1189	1189	2551041532	Đỗ Quang	Huy	67CX3	Vắng thi	
1190	1190	2551200229	Đoàn Quốc	Huy	67CĐT1	7.8	Đạt
1191	1191	2551271159	Đồng Duy Quang	Huy	67ANM2	Vắng thi	
1192	1192	2551050068	Dương Gia	Huy	67CK1	2.4	
1193	1193	2551041533	Dương Quang	Huy	67CX1	Vắng thi	
1194	1194	2553015305	Dương Văn	Huy	67LUAT2	3.2	
1195	1195	2551242761	Hà Quang	Huy	67ĐTVT1	Vắng thi	
1196	1196	2553025433	Hoàng Dương	Huy	67LUAT KT2	6	Đạt
1197	1197	2553015306	Hoàng Gia	Huy	67LUAT1	3.6	
1198	1198	2551212580	Khổng Minh	Huy	67TĐH1	3.4	
1199	1199	2551212581	Lê Đăng	Huy	67TĐH2	3.8	
1200	1200	2551131990	Lê Phan Mạnh	Huy	67GT2	7.2	Đạt
1201	1201	2551142183	Lê Quang	Huy	67QLXD3	Vắng thi	
1202	1202	2551200230	Lê Quang	Huy	67CĐT2	Vắng thi	
1203	1203	2551060628	Lê Quang	Huy	67CNTT1	6.8	Đạt
1204	1204	2551041534	Lê Quốc	Huy	67CX4	3.6	
1205	1205	2551142184	Lê Vũ Quang	Huy	67QLXD1	4.2	Đạt
1206	1206	2551212583	Mai Lương	Huy	67TĐH1	6	Đạt
1207	1207	2551011308	Mai Vũ Tuấn	Huy	67C1	Vắng thi	
1208	1208	2551122395	Ngô Quang	Huy	67KTĐ1	Vắng thi	
1209	1209	2551170896	Ngô Quốc	Huy	67KTPM2	3.6	
1210	1210	2551131991	Nguyễn Đình	Huy	67GT2	Vắng thi	
1211	1211	2551261036	Nguyễn Đức	Huy	67TTNT1	8.2	Đạt
1212	1212	2551122396	Nguyễn Duy	Huy	67KTĐ3	4.4	Đạt
1213	1213	2551170897	Nguyễn Gia	Huy	67KTPM1	8.2	Đạt
1214	1214	2554023459	Nguyễn Gia	Huy	67QT2	Vắng thi	
1215	1215	2551142185	Nguyễn Gia	Huy	67QLXD2	Vắng thi	
1216	1216	2551075071	Nguyễn Gia	Huy	67CTN1	Vắng thi	
1217	1217	2551200232	Nguyễn Hoàng	Huy	67CĐT2	7.2	Đạt
1218	1218	2551041536	Nguyễn Hữu	Huy	67CX1	3	
1219	1219	2551034953	Nguyễn Hữu	Huy	67V1	4.4	Đạt
1220	1220	2551041538	Nguyễn Lê	Huy	67CX1	3.8	
1221	1221	2551271161	Nguyễn Phan Hoàng	Huy	67ANM2	2.8	
1222	1222	2551024836	Nguyễn Quang	Huy	67N2	4.8	Đạt
1223	1223	2551212584	Nguyễn Quang	Huy	67TĐH1	4.8	Đạt
1224	1224	2551060630	Nguyễn Quang	Huy	67CNTT2	6.2	Đạt
1225	1225	2551093053	Nguyễn Quốc	Huy	67MT2	3	
1226	1226	2554093858	Phạm Đức	Huy	67KTA2	5.2	Đạt
1227	1227	2551230481	Phạm Hoàng Quốc	Huy	67KTO1	Vắng thi	
1228	1228	2551193325	Phạm Quang	Huy	67CNSH1	Vắng thi	
1229	1229	2551131992	Phạm Quang	Huy	67GT1	1.8	
1230	1230	2551122399	Phạm Quốc	Huy	67KTĐ2	3	
1231	1231	2551011310	Phạm Quốc	Huy	67C2	Vắng thi	
1232	1232	2553015308	Phạm Tiên	Huy	67LUAT1	2.4	
1233	1233	2551131993	Phạm Trọng	Huy	67GT2	Vắng thi	
1234	1234	2551041541	Phạm Văn	Huy	67CX4	3.6	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1235	1235	2551060631	Phạm Việt	Huy	67CNTT2	2.4	
1236	1236	2551242763	Phạm Vũ	Huy	67ĐTVT1	Vắng thi	
1237	1237	2551261038	Phan Quang	Huy	67TTNT1	3.2	
1238	1238	2551271163	Trần Đức	Huy	67ANM2	Vắng thi	
1239	1239	2551122400	Trần Gia	Huy	67KTĐ3	Vắng thi	
1240	1240	2551050071	Trần Nguyễn	Huy	67CK1	6.8	Đạt
1241	1241	2551041542	Trần Sách	Huy	67CX2	3.6	
1242	1242	2551200233	Trịnh Bá Gia	Huy	67CĐT1	4.6	Đạt
1243	1243	2551105197	Trịnh Gia	Huy	67H1	3	
1244	1244	2551034954	Vũ Hoàng Gia	Huy	67V1	Vắng thi	
1245	1245	2551242764	Vũ Quang	Huy	67ĐTVT2	4	Đạt
1246	1246	2551193326	Vũ Quốc	Huy	67CNSH2	Vắng thi	
1247	1247	2551220354	Vương Thành	Huy	67CTM1	Vắng thi	
1248	1248	2553025434	Bùi Thị Thu	Huyền	67LUAT KT2	Vắng thi	
1249	1249	2554023460	Đặng Khánh	Huyền	67QT2	7.4	Đạt
1250	1250	2554033603	Đỗ Khánh	Huyền	67KT2	4.6	Đạt
1251	1251	2554033604	Hà Thị Thu	Huyền	67KT1	Vắng thi	
1252	1252	2554033605	Hồ Thanh	Huyền	67KT1	Vắng thi	
1253	1253	2551193327	Hoàng Thị	Huyền	67CNSH2	3.6	
1254	1254	2551011312	Hoàng Thị Khánh	Huyền	67C2	3.4	
1255	1255	2553025435	Lê Minh	Huyền	67LUAT KT1	6.8	Đạt
1256	1256	2554093861	Mạc Thị Khánh	Huyền	67KTA2	3	
1257	1257	2554083737	Mai Thu	Huyền	67TCNH1	5.8	Đạt
1258	1258	2551183187	Nguyễn Khánh	Huyền	67KTH1	9	Đạt
1259	1259	2554104747	Nguyễn Khánh	Huyền	67KTS	5.4	Đạt
1260	1260	2551093054	Nguyễn Ngọc	Huyền	67MT1	Vắng thi	
1261	1261	2554014078	Nguyễn Nhật	Huyền	67K2	3.8	
1262	1262	2554083738	Nguyễn Thanh	Huyền	67TCNH2	4.2	Đạt
1263	1263	2554074629	Nguyễn Thị	Huyền	67LG2	Vắng thi	
1264	1264	2554044233	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	67KTXD2	3.2	
1265	1265	2551034956	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	67V2	Vắng thi	
1266	1266	2554023461	Nguyễn Thu	Huyền	67QT1	5.4	Đạt
1267	1267	2554093862	Phạm Khánh	Huyền	67KTA1	3.8	
1268	1268	2553025436	Phạm Thị Thanh	Huyền	67LUAT KT2	Vắng thi	
1269	1269	2554064495	Trần Khánh	Huyền	67QTDL1	2.8	
1270	1270	2553015309	Trần Phương	Huyền	67LUAT1	8.6	Đạt
1271	1271	2554033609	Trần Thị Thanh	Huyền	67KT2	4	Đạt
1272	1272	2554014079	Vũ Thị Thanh	Huyền	67K1	3.8	
1273	1273	2552015541	Hà Gia	Huỳnh	67CNK	Vắng thi	
1274	1274	2551050072	Nguyễn Công	Huỳnh	67CK1	4.2	Đạt
1275	1275	2551170899	Nguyễn Văn	Huỳnh	67KTPM2	1.6	
1276	1276	2553015310	Vũ Văn	Huỳnh	67LUAT1	Vắng thi	
1277	1277	2551142186	Lê Đại	Huỳnh	67QLXD3	3.4	
1278	1278	2554104748	Nguyễn Văn	Huỳnh	67KTS	3.8	
1279	1279	2551220355	Đặng Duy	Khải	67CTM2	2.8	
1280	1280	2553015311	Lê Đình	Khải	67LUAT2	Vắng thi	
1281	1281	2554044234	Lê Văn	Khải	67KTXD2	3	
1282	1282	2551200234	Lê Văn	Khải	67CĐT1	Vắng thi	
1283	1283	2551011313	Lưu Quang	Khải	67C1	2.2	
1284	1284	2551212585	Phạm Công	Khải	67TĐH2	3.2	
1285	1285	2551282934	Phan Văn	Khải	67KTRB2	Vắng thi	
1286	1286	2551041544	Lê Đức	Khang	67CX3	Vắng thi	
1287	1287	2554044235	Lê Phú	Khang	67KTXD2	8.2	Đạt
1288	1288	2554044236	Lê Phúc	Khang	67KTXD1	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1289	1289	2551034957	Lương Trí	Khang	67V1	4.4	Đạt
1290	1290	2551034958	Nguyễn Mạnh	Khang	67V2	Vắng thi	
1291	1291	2554093864	Nguyễn Minh	Khang	67KTA1	5.6	Đạt
1292	1292	2551170901	Nguyễn Quang	Khang	67KTPM1	Vắng thi	
1293	1293	2551111791	Phạm Tuấn	Khang	67CT1	2	
1294	1294	2553015312	Trần Đức	Khang	67LUAT1	2.8	
1295	1295	2553015313	Lê Bảo	Khanh	67LUAT2	3.2	
1296	1296	2551212586	Lê Triệu Bảo	Khanh	67TDH1	6.6	Đạt
1297	1297	2551193328	Bùi Gia	Khánh	67CNSH1	6	Đạt
1298	1298	2551261042	Bùi Ngọc	Khánh	67TTNT1	3.8	
1299	1299	2551193329	Bùi Văn	Khánh	67CNSH1	Vắng thi	
1300	1300	2553015314	Đặng Nam	Khánh	67LUAT1	2.6	
1301	1301	2551011315	Đặng Nam	Khánh	67C2	Vắng thi	
1302	1302	2551131997	Đình Nam	Khánh	67GT2	7.6	Đạt
1303	1303	2554044237	Đình Vũ Bảo	Khánh	67KTXD1	5	Đạt
1304	1304	2551041545	Dương Quốc	Khánh	67CX4	Vắng thi	
1305	1305	2551011317	Dương Quốc	Khánh	67C2	Vắng thi	
1306	1306	2551271166	Hà Quốc	Khánh	67ANM1	8.4	Đạt
1307	1307	2551220356	Hoàng Ngọc	Khánh	67CTM2	5	Đạt
1308	1308	2551093056	Hoàng Quốc	Khánh	67MT2	4	Đạt
1309	1309	2551111793	Kiều Nam	Khánh	67CT2	2.4	
1310	1310	2553025437	Lê Công	Khánh	67LUAT KT2	2.8	
1311	1311	2551282938	Lê Duy	Khánh	67KTRB2	Vắng thi	
1312	1312	2551282939	Lê Duy	Khánh	67KTRB2	5.2	Đạt
1313	1313	2551142189	Lê Ngọc	Khánh	67QLXD2	4.8	Đạt
1314	1314	2554083742	Lê Phúc	Khánh	67TCNH2	Vắng thi	
1315	1315	2551011318	Ngô Đông	Khánh	67C2	6.2	Đạt
1316	1316	2551111795	Nguyễn	Khánh	67CT1	3.2	
1317	1317	2551282940	Nguyễn Cao	Khánh	67KTRB2	8	Đạt
1318	1318	2551060635	Nguyễn Duy	Khánh	67CNTT1	8.4	Đạt
1319	1319	2551111796	Nguyễn Duy	Khánh	67CT2	2	
1320	1320	2551242768	Nguyễn Gia	Khánh	67ĐTVT3	Vắng thi	
1321	1321	2553015298	Nguyễn Văn	Hùng	67LUAT2	3.4	
1322	1322	2553015299	Nguyễn Xuân	Hùng	67LUAT2	Vắng thi	
1323	1323	2551282925	Nguyễn Xuân	Hùng	67KTRB1	3.4	
1324	1324	2551142176	Phạm Hải Thái	Hùng	67QLXD2	5	Đạt
1325	1325	2551111777	Quách Tuấn	Hùng	67CT3	Vắng thi	
1326	1326	2551131986	Tô Hoàng	Hùng	67GT2	Vắng thi	
1327	1327	2551111778	Trần Mạnh	Hùng	67CT2	3.4	
1328	1328	2553015300	Vũ Thế	Hùng	67LUAT2	5	Đạt
1329	1329	2551230478	Đỗ Duy	Hung	67KTO1	Vắng thi	
1330	1330	2551041525	Đỗ Hùng	Hung	67CX4	3.4	
1331	1331	2551111781	Đoàn Duy	Hung	67CT3	6.2	Đạt
1332	1332	2551230479	Đoàn Hữu	Hung	67KTO2	Vắng thi	
1333	1333	2551041526	Hoàng Tuấn	Hung	67CX4	5.8	Đạt
1334	1334	2554044226	Lâm Quang	Hung	67KTXD1	Vắng thi	
1335	1335	2554083731	Lê Duy	Hung	67TCNH1	8.4	Đạt
1336	1336	2551142178	Lê Quốc	Hung	67QLXD3	4.6	Đạt
1337	1337	2551041527	Lê Tuấn	Hung	67CX1	2.6	
1338	1338	2551111782	Ma Ngọc	Hung	67CT1	Vắng thi	
1339	1339	2551131987	Mai Ngọc	Hung	67GT1	2.2	
1340	1340	2551075066	Nguyễn Bá	Hung	67CTN1	Vắng thi	
1341	1341	2551122392	Nguyễn Duy	Hung	67KTĐ1	4.6	Đạt
1342	1342	2551093048	Nguyễn Duy	Hung	67MT1	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1343	1343	2553015301	Nguyễn Gia	Hung	67LUAT1	3.8	
1344	1344	2554083732	Nguyễn Gia	Hung	67TCNH1	3.2	
1345	1345	2551242756	Nguyễn Khánh	Hung	67ĐTVT3	Vắng thi	
1346	1346	2554044228	Nguyễn Minh	Hung	67KTXD1	4.6	Đạt
1347	1347	2551011303	Nguyễn Quốc	Hung	67C2	Vắng thi	
1348	1348	2551093050	Nguyễn Sỹ	Hung	67MT1	Vắng thi	
1349	1349	2551111784	Nguyễn Trọng	Hung	67CT2	3.2	
1350	1350	2554093856	Nguyễn Tuấn	Hung	67KTA1	9	Đạt
1351	1351	2553025430	Nguyễn Việt	Hung	67LUAT KT1	Vắng thi	
1352	1352	2554064489	Nguyễn Xuân	Hung	67QTDL2	4.8	Đạt
1353	1353	2554083733	Phạm Gia	Hung	67TCNH2	8.8	Đạt
1354	1354	2553025431	Phạm Gia	Hung	67LUAT KT1	Vắng thi	
1355	1355	2554044229	Phạm Quang	Hung	67KTXD2	Vắng thi	
1356	1356	2551200225	Phạm Tuấn	Hung	67CĐT2	4	Đạt
1357	1357	2551193322	Phạm Việt	Hung	67CNŞH1	Vắng thi	
1358	1358	2551075068	Tôn Thất Vĩnh	Hung	67CTN2	Vắng thi	
1359	1359	2551220350	Trần Duy	Hung	67CTM1	4	Đạt
1360	1360	2552015535	Trần Nguyên	Hung	67CNK	Vắng thi	
1361	1361	2551050066	Trần Tuấn	Hung	67CK2	Vắng thi	
1362	1362	2551060623	Triệu Quốc	Hung	67CNTT2	Vắng thi	
1363	1363	2551200227	Vũ Ngô	Hung	67CĐT2	4.6	Đạt
1364	1364	2554033602	Bùi Thị Diệu	Huong	67KT1	4	Đạt
1365	1365	2553015302	Cao Thị Mai	Huong	67LUAT1	2.8	
1366	1366	2554023456	Đặng Quỳnh	Huong	67QT1	4.8	Đạt
1367	1367	2553025432	Đào Thị Lan	Huong	67LUAT KT2	2.8	
1368	1368	2554104743	Đoàn Thị	Huong	67KTS	4.2	Đạt
1369	1369	2551183185	Hoàng Thu	Huong	67KTH2	4.6	Đạt
1370	1370	2554054353	Lê Nguyễn Tuyết	Huong	67TMĐT1	4.8	Đạt
1371	1371	2551034951	Lê Thị Thu	Huong	67V2	Vắng thi	
1372	1372	2554083734	Nguyễn Hoàng Diệu	Huong	67TCNH2	3.6	
1373	1373	2551142180	Nguyễn Thị Ngọc	Huong	67QLXD3	3.8	
1374	1374	2551193323	Nguyễn Thị Xuân	Huong	67CNŞH1	5.4	Đạt
1375	1375	2553015303	Nguyễn Thiên	Huong	67LUAT1	Vắng thi	
1376	1376	2554023457	Nguyễn Thu	Huong	67QT2	3	
1377	1377	2551011305	Phạm Thị Diễm	Huong	67C2	4	Đạt
1378	1378	2554054355	Phạm Thị Thu	Huong	67TMĐT2	3.8	
1379	1379	2554093857	Phạm Thị Thu	Huong	67KTA2	5.2	Đạt
1380	1380	2554054356	Phạm Vũ Thanh	Huong	67TMĐT2	4.6	Đạt
1381	1381	2553025438	Nguyễn Lê Gia	Khánh	67LUAT KT1	4.4	Đạt
1382	1382	2551111797	Nguyễn Nam	Khánh	67CT3	Vắng thi	
1383	1383	2551105198	Nguyễn Nam	Khánh	67H2	Vắng thi	
1384	1384	2551242769	Nguyễn Nam	Khánh	67ĐTVT2	Vắng thi	
1385	1385	2551050075	Nguyễn Quốc	Khánh	67CK2	3.4	
1386	1386	2551271169	Nguyễn Quốc	Khánh	67ANM1	Vắng thi	
1387	1387	2551111799	Nguyễn Quốc	Khánh	67CT1	Vắng thi	
1388	1388	2551105199	Nguyễn Quốc	Khánh	67H1	5.6	Đạt
1389	1389	2551183188	Nguyễn Quốc	Khánh	67KTH2	7	Đạt
1390	1390	2554054361	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	67TMĐT2	4.2	Đạt
1391	1391	2551041548	Nguyễn Văn	Khánh	67CX1	Vắng thi	
1392	1392	2551041547	Nguyễn Văn	Khánh	67CX4	4.4	Đạt
1393	1393	2551111801	Phạm Quang	Khánh	67CT2	2.6	
1394	1394	2551060636	Phạm Trần Gia	Khánh	67CNTT2	7.4	Đạt
1395	1395	2551212588	Trần Đào Nam	Khánh	67TĐH2	8.8	Đạt
1396	1396	2551200235	Trần Duy	Khánh	67CĐT1	4.2	Đạt

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1397	1397	2551220357	Trần Lê Nam	Khánh	67CTM2	3	
1398	1398	2553015315	Trần Ngọc	Khánh	67LUAT2	Vắng thi	
1399	1399	2552015543	Trịnh Xuân	Khánh	67CNK	Vắng thi	
1400	1400	2551261044	Trương Hồng Nhật	Khánh	67TTNT1	3.8	
1401	1401	2554074632	Vì Lâm	Khánh	67LG2	4.2	Đạt
1402	1402	2551122403	Vũ Đình	Khánh	67KTĐ2	2.6	
1403	1403	2551093057	Vũ Duy	Khánh	67MT2	Vắng thi	
1404	1404	2551105200	Vũ Xuân	Khánh	67H1	4	Đạt
1405	1405	2551200236	Vương Văn	Khánh	67CĐT1	3.8	
1406	1406	2551230485	Hà Văn	Khiêm	67KTO1	Vắng thi	
1407	1407	2551131999	Nguyễn Gia	Khiêm	67V1	5.6	Đạt
1408	1408	2551230486	Nguyễn Khắc	Khiêm	67KTO1	3.4	
1409	1409	2551200237	Nguyễn Trung	Khiêm	67CĐT2	4	Đạt
1410	1410	2551132000	Bùi Anh	Khoa	67GT2	Vắng thi	
1411	1411	2551242772	Bùi Đăng	Khoa	67ĐTVT2	4.8	Đạt
1412	1412	2554074633	Chu Văn	Khoa	67LG1	4.2	Đạt
1413	1413	2551183189	Đào Việt	Khoa	67KTH2	7.2	Đạt
1414	1414	2554074634	Đoàn Công	Khoa	67LG2	4.4	Đạt
1415	1415	2551050077	Lê Đăng	Khoa	67CK1	7.4	Đạt
1416	1416	2554054362	Nguyễn Anh	Khoa	67TMĐT1	3	
1417	1417	2552015544	Nguyễn Chí Anh	Khoa	67CNK	Vắng thi	
1418	1418	2551282941	Nguyễn Xuân Anh	Khoa	67KTRB2	7	Đạt
1419	1419	2551041551	Vũ Đăng	Khoa	67CX2	3.2	
1420	1420	2551050078	Nguyễn Văn	Khoan	67CK1	3	
1421	1421	2551050079	Bùi Minh	Khôi	67CK2	Vắng thi	
1422	1422	2554023462	Dương Đình	Khôi	67QT2	2.8	
1423	1423	2551041552	Lê Nhật	Khôi	67CX3	Vắng thi	
1424	1424	2551011321	Nguyễn Duy	Khôi	67C2	5.4	Đạt
1425	1425	2551011322	Nguyễn Hữu	Khôi	67C2	Vắng thi	
1426	1426	2551041553	Nguyễn Ngọc	Khôi	67CX2	4.6	Đạt
1427	1427	2553015316	Nguyễn Văn	Khôi	67LUAT2	Vắng thi	
1428	1428	2551041554	Phạm Khắc Đăng	Khôi	67CX1	9.6	Đạt
1429	1429	2551193330	Trương Văn	Khởi	67CNSH2	Vắng thi	
1430	1430	2551093058	Nguyễn Ngọc Minh	Khuê	67MT2	6	Đạt
1431	1431	2551122405	Nguyễn Đình	Khuong	67KTĐ2	Vắng thi	
1432	1432	2551220358	Nguyễn Nhân	Khuong	67CTM1	Vắng thi	
1433	1433	2551041555	Nguyễn Văn	Khuyên	67CX4	3.6	
1434	1434	2551282942	Đàm Trung	Kiên	67KTRB1	3	
1435	1435	2551193331	Đào Văn	Kiên	67CNSH2	5.6	Đạt
1436	1436	2551230488	Đỗ Chí	Kiên	67KTO1	5.4	Đạt
1437	1437	2553025439	Đỗ Trung	Kiên	67LUAT KT2	6.2	Đạt
1438	1438	2551050080	Đỗ Trung	Kiên	67CK2	Vắng thi	
1439	1439	2551122406	Đỗ Việt	Kiên	67KTĐ3	3.6	
1440	1440	2554083745	Hà Đức	Kiên	67TCNH2	8.2	Đạt
1441	1441	2551282943	Hà Trọng	Kiên	67KTRB1	4.8	Đạt
1442	1442	2551122407	Hoàng Trung	Kiên	67KTĐ2	3.4	
1443	1443	2553015317	Lâm Chí	Kiên	67LUAT2	2.4	
1444	1444	2551041556	Lê Trung	Kiên	67CX3	3.2	
1445	1445	2551160768	Lò Đức	Kiên	67HTTT1	Vắng thi	
1446	1446	2551111803	Nguyễn Hữu	Kiên	67CT2	2.6	
1447	1447	2551011324	Nguyễn Hữu	Kiên	67C2	Vắng thi	
1448	1448	2551183190	Nguyễn Trọng	Kiên	67KTH1	Vắng thi	
1449	1449	2553025440	Nguyễn Trung	Kiên	67LUAT KT1	Vắng thi	
1450	1450	2553025441	Nguyễn Trung	Kiên	67LUAT KT1	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1451	1451	2551200238	Nguyễn Trung	Kiên	67CĐT1	Vắng thi	
1452	1452	2551142192	Nguyễn Trung	Kiên	67QLXD1	Vắng thi	
1453	1453	2551041557	Nguyễn Trung	Kiên	67CX3	Vắng thi	
1454	1454	2551105202	Nguyễn Trung	Kiên	67H1	4.6	Đạt
1455	1455	2551105203	Nguyễn Trung	Kiên	67H1	Vắng thi	
1456	1456	2551170905	Phùng Trí	Kiên	67KTPM2	Vắng thi	
1457	1457	2551041558	Trần Hữu	Kiên	67CX2	8.2	Đạt
1458	1458	2551041559	Trần Trí	Kiên	67CX3	3.4	
1459	1459	2551060642	Vi Trung	Kiên	67CNTT1	4	Đạt
1460	1460	2551271171	Vũ Trung	Kiên	67ANM2	Vắng thi	
1461	1461	2551282944	Dương Anh	Kiệt	67KTRB2	5.8	Đạt
1462	1462	2554023463	Lê Văn Tuấn	Kiệt	67QT1	3.6	
1463	1463	2551242775	Nguyễn Tuấn	Kiệt	67ĐTVT1	Vắng thi	
1464	1464	2554023464	Phạm Tuấn	Kiệt	67QT1	Vắng thi	
1465	1465	2551011326	Trần Danh	Kiệt	67C1	Vắng thi	
1466	1466	2551041561	Nguyễn Hữu	Kiều	67CX1	3.2	
1467	1467	2551060643	Lê Văn Cao	Kỳ	67CNTT1	Vắng thi	
1468	1468	2551122409	Ngô Tài	Kỳ	67KTĐ1	5.6	Đạt
1469	1469	2554104750	Nguyễn Hoàng	Kỳ	67KTS	6.8	Đạt
1470	1470	2551093062	Vũ Xuân	Kỳ	67MT1	Vắng thi	
1471	1471	2551193333	Lê Công	Lai	67CNSH2	2.6	
1472	1472	2551122410	Nguyễn Văn	Lai	67KTĐ1	3.2	
1473	1473	2551034959	Đỗ Thiên	Lam	67V1	Vắng thi	
1474	1474	2551242776	Đào Duy	Lâm	67ĐTVT2	8.8	Đạt
1475	1475	2554093866	Đỗ Thị Quỳnh	Lâm	67KTA2	3.2	
1476	1476	2551034961	Đỗ Tùng	Lâm	67V2	Vắng thi	
1477	1477	2551041562	Dương Bảo	Lâm	67CX1	Vắng thi	
1478	1478	2551160770	Dương Hoàng	Lâm	67HTTT2	3.4	
1479	1479	2551200239	Dương Phúc	Lâm	67CĐT1	4	Đạt
1480	1480	2551041563	Hoàng Ngọc	Lâm	67CX1	Vắng thi	
1481	1481	2551271172	Ngô Hoàng Hải	Lâm	67ANM1	9.2	Đạt
1482	1482	2551212592	Nguyễn Ngọc	Lâm	67TĐH2	3.2	
1483	1483	2551060645	Nguyễn Ngọc	Lâm	67CNTT1	3.4	
1484	1484	2551242777	Nguyễn Thành	Lâm	67ĐTVT3	Vắng thi	
1485	1485	2551230489	Nguyễn Thiện	Lâm	67KTO2	3.6	
1486	1486	2551041565	Nguyễn Tùng	Lâm	67CX2	5.4	Đạt
1487	1487	2551212593	Nguyễn Tùng	Lâm	67TĐH1	4	Đạt
1488	1488	2551183191	Nguyễn Tùng	Lâm	67KTH2	Vắng thi	
1489	1489	2551105204	Phạm Bảo	Lâm	67H2	Vắng thi	
1490	1490	2551200240	Phạm Bảo	Lâm	67CĐT1	3.2	
1491	1491	2551041566	Phạm Hoàng Hải	Lâm	67CX1	3.8	
1492	1492	2551230490	Phạm Thanh	Lâm	67KTO1	3.4	
1493	1493	2553025443	Phạm Trần Khánh	Lâm	67LUAT KT2	Vắng thi	
1494	1494	2551212594	Phạm Văn	Lâm	67TĐH1	Vắng thi	
1495	1495	2551093063	Phùng Quang	Lâm	67MT2	5.4	Đạt
1496	1496	2554113942	Trần Quang	Lâm	67ACCA	Vắng thi	
1497	1497	2551024840	Trần Sách	Lâm	67N1	3	
1498	1498	2551011327	Bùi Thái	Lâm	67C2	Vắng thi	
1499	1499	2551193335	Lê Hương	Lan	67CNSH2	3.2	
1500	1500	2554023465	Lê Thị Phương	Lan	67QT2	5.4	Đạt
1501	1501	2554123987	Mai Ngọc	Lan	67CNTC	Vắng thi	
1502	1502	2551105205	Nguyễn Ngọc	Lan	67H1	3.6	
1503	1503	2554054363	Nguyễn Thị	Lan	67TMĐT1	Vắng thi	
1504	1504	2553015318	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	67LUAT2	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1505	1505	2553025444	Phạm Thị Mai	Lan	67LUAT KT2	3.4	
1506	1506	2554023467	Tạ Mai	Lan	67QT2	7.2	Đạt
1507	1507	2554023468	Trịnh Thị	Lan	67QT1	Vắng thi	
1508	1508	2553015319	Vũ Ngọc	Lan	67LUAT1	Vắng thi	
1509	1509	2551122413	Nguyễn Quang	Lân	67KTĐ1	3.8	
1510	1510	2551132005	Phạm Ngọc	Lân	67GT2	Vắng thi	
1511	1511	2554023469	Nguyễn Phương	Lanh	67ACCA	Vắng thi	
1512	1512	2551193336	Đinh Thị	Lành	67CNSH1	3.2	
1513	1513	2551282946	Trịnh Ngọc Quốc	Lập	67KTRB2	2.6	
1514	1514	2551193337	Nguyễn Hải	Lê	67CNSH1	Vắng thi	
1515	1515	2553025445	Nguyễn Thành	Lê	67LUAT KT2	4.2	Đạt
1516	1516	2553025446	Nguyễn Thị Thanh	Lê	67LUAT KT1	Vắng thi	
1517	1517	2554093867	Hoàng Thị Mỹ	Lệ	67KTA2	4.6	Đạt
1518	1518	2554023470	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	67QT1	3.6	
1519	1519	2551034963	Nguyễn Thanh	Liên	67V2	Vắng thi	
1520	1520	2551132006	Trần Quốc	Liên	67GT1	2.8	
1521	1521	2551183192	Lương Phương	Liên	67KTH2	Vắng thi	
1522	1522	2554064501	Bùi Thị Hải	Linh	67QTDL1	4.8	Đạt
1523	1523	2554023471	Bùi Thị Thuỳ	Linh	67QT2	4	Đạt
1524	1524	2553015320	Cao Phương	Linh	67LUAT2	Vắng thi	
1525	1525	2551271173	Đặng Nhật	Linh	67ANM1	Vắng thi	
1526	1526	2554014082	Đặng Thùy	Linh	67K2	3.4	
1527	1527	2551193338	Đào Khánh	Linh	67CNSH2	2.6	
1528	1528	2554074640	Đỗ Giang	Linh	67LG2	6.4	Đạt
1529	1529	2554054365	Đỗ Khánh	Linh	67TMĐT2	3.4	
1530	1530	2551160771	Đỗ Thái	Linh	67HTTT2	Vắng thi	
1531	1531	2553025447	Đỗ Thị Mai	Linh	67LUAT KT2	3.4	
1532	1532	2554033614	Đỗ Thị Thùy	Linh	67KT2	6.2	Đạt
1533	1533	2551105206	Đỗ Thùy	Linh	67H2	Vắng thi	
1534	1534	2551142196	Đỗ Văn	Linh	67QLXD1	1.8	
1535	1535	2551075077	Đỗ Xuân	Linh	67CTN2	2.8	
1536	1536	2554023472	Doãn Ngọc	Linh	67QT1	4.4	Đạt
1537	1537	2551142197	Đoàn Nhật	Linh	67QLXD2	Vắng thi	
1538	1538	2553025448	Dương Thùy	Linh	67LUAT KT2	Vắng thi	
1539	1539	2553015321	Hà Khánh	Linh	67LUAT1	Vắng thi	
1540	1540	2551193339	Hoàng Ngọc Thùy	Linh	67CNSH2	6.8	Đạt
1541	1541	2553025449	Hoàng Thị Diệu	Linh	67LUAT KT1	Vắng thi	
1542	1542	2554044244	Lại Phương	Linh	67KTXD2	Vắng thi	
1543	1543	2554033616	Lê Khánh	Linh	67KT2	Vắng thi	
1544	1544	2554093868	Lê Phương	Linh	67KTA2	Vắng thi	
1545	1545	2551183193	Lê Thị Mỹ	Linh	67KTH1	6.8	Đạt
1546	1546	2554093869	Lê Tuệ	Linh	67KTA2	Vắng thi	
1547	1547	2553025450	Lê Văn	Linh	67LUAT KT1	3.4	
1548	1548	2554014084	Lương Nguyễn Gia	Linh	67K2	3.2	
1549	1549	2554083749	Lý Diệu Ngọc	Linh	67TCNH2	3.4	
1550	1550	2554023473	Ngô Thị Khánh	Linh	67QT2	4	Đạt
1551	1551	2554033617	Nguyễn Đặng Khánh	Linh	67KT2	6.2	Đạt
1552	1552	2551105207	Nguyễn Diệu	Linh	67H1	3.6	
1553	1553	2551160773	Nguyễn Diệu	Linh	67HTTT1	3.6	
1554	1554	2553025451	Nguyễn Gia	Linh	67LUAT KT1	Vắng thi	
1555	1555	2554044245	Nguyễn Hải	Linh	67KTXD2	Vắng thi	
1556	1556	2551212595	Nguyễn Hoàng	Linh	67TĐH1	7.6	Đạt
1557	1557	2551105208	Nguyễn Hoàng Hà	Linh	67H2	Vắng thi	
1558	1558	2553025452	Nguyễn Ngọc	Linh	67LUAT KT1	4	Đạt

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1559	1559	2554123991	Nguyễn Ngọc	Linh	67CNTC	3.8	
1560	1560	2554023475	Nguyễn Ngọc	Linh	67QT2	Vắng thi	
1561	1561	2551111808	Nguyễn Thắng	Lợi	67CT1	3.4	
1562	1562	2551093066	Nguyễn Tuấn	Lợi	67MT1	2.4	
1563	1563	2551271177	Vũ Đức	Lợi	67ANM2	3.8	
1564	1564	2551024849	Đào Gia	Long	67N2	4.4	Đạt
1565	1565	2551111809	Đoàn Trọng	Long	67CT2	Vắng thi	
1566	1566	2551170912	Hoàng Tuấn	Long	67KTPM2	Vắng thi	
1567	1567	2551170913	Lâm Hải	Long	67KTPM1	7.2	Đạt
1568	1568	2553025457	Lê Duy	Long	67LUAT KT2	4.2	Đạt
1569	1569	2551060646	Lê Hải	Long	67CNTT1	2.8	
1570	1570	2551212600	Lê Hải	Long	67TĐH1	4.2	Đạt
1571	1571	2551282947	Lê Hoàng Tuấn	Long	67KTRB2	Vắng thi	
1572	1572	2551093068	Lê Thành	Long	67MT1	4.2	Đạt
1573	1573	2551111810	Lê Xuân	Long	67CT3	3.6	
1574	1574	2551230492	Ngô Quang	Long	67KTO1	5.2	Đạt
1575	1575	2551122419	Nguyễn Bảo	Long	67KTĐ1	7.6	Đạt
1576	1576	2551093070	Nguyễn Đức	Long	67MT2	Vắng thi	
1577	1577	2551093069	Nguyễn Đức	Long	67MT2	Vắng thi	
1578	1578	2551200241	Nguyễn Đức	Long	67CĐT2	2.8	
1579	1579	2552015547	Nguyễn Gia	Long	67CNK	Vắng thi	
1580	1580	2551075082	Nguyễn Hoàng	Long	67CTN2	2.4	
1581	1581	2551111812	Nguyễn Huỳnh	Long	67CT1	4	Đạt
1582	1582	2554123995	Nguyễn Phan Tuấn	Long	67CNTC	4	Đạt
1583	1583	2551170916	Nguyễn Quang	Long	67KTPM1	3.6	
1584	1584	2551170915	Nguyễn Quang	Long	67KTPM1	3	
1585	1585	2551122421	Nguyễn Thành	Long	67KTĐ2	3	
1586	1586	2551160780	Nguyễn Thành	Long	67HTTT1	3.4	
1587	1587	2551261047	Nguyễn Thành	Long	67TTNT2	3.2	
1588	1588	2551271178	Nguyễn Tuấn	Long	67ANM2	Vắng thi	
1589	1589	2551024852	Nguyễn Văn	Long	67N1	4	Đạt
1590	1590	2551011334	Phạm Duy	Long	67C1	3.8	
1591	1591	2551170917	Phương Văn Tiến	Long	67KTPM2	3.8	
1592	1592	2551200243	Tạ Bảo	Long	67CĐT2	3.6	
1593	1593	2551041574	Tạ Thành	Long	67CX4	2.4	
1594	1594	2554074645	Trần Châu	Long	67LG1	Vắng thi	
1595	1595	2551111814	Trần Đức	Long	67CT1	Vắng thi	
1596	1596	2551242784	Trần Đức	Long	67ĐTVT3	4.2	Đạt
1597	1597	2553025458	Trần Gia	Long	67LUAT KT2	3.4	
1598	1598	2551220360	Trần Hoàng	Long	67CTM1	Vắng thi	
1599	1599	2551041575	Trịnh Nguyễn Văn	Long	67CX2	2.6	
1600	1600	2551111817	Trịnh Thành	Long	67CT1	3.4	
1601	1601	2553015326	Vì Hải	Long	67LUAT1	3.4	
1602	1602	2551230494	Vũ Duy	Long	67KTO2	6.4	Đạt
1603	1603	2551193344	Vũ Thành	Long	67CNSH2	3	
1604	1604	2551041576	Vũ Trí	Long	67CX3	4.2	Đạt
1605	1605	2551011335	Vy Xuân	Long	67C2	4.2	Đạt
1606	1606	2554074646	Vũ Thị	Lựa	67LG1	2	
1607	1607	2551183199	Nguyễn Thành	Luân	67KTH1	2.8	
1608	1608	2551111819	Lê Đình	Lực	67CT2	2.8	
1609	1609	2551170918	Nguyễn Văn	Lực	67KTPM2	Vắng thi	
1610	1610	2551230495	Vì Văn	Lực	67KTO1	3.2	
1611	1611	2551212601	Đặng Đức	Lương	67TĐH2	Vắng thi	
1612	1612	2551261048	Hoàng Gia	Lương	67TTNT1	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1613	1613	2551261049	Lương Đức	Lương	67TTNT2	4.4	Đạt
1614	1614	2554023482	Nguyễn Đức	Lương	67QT2	7.2	Đạt
1615	1615	2551220362	Nguyễn Xuân	Lương	67CTM1	Vắng thi	
1616	1616	2551230496	Phạm Đình	Lương	67KTO2	2.8	
1617	1617	2551024853	Trần Đức	Lương	67N1	2.8	
1618	1618	2551111821	Trần Đức	Lương	67CT3	2.8	
1619	1619	2551034971	Đoàn Ngọc	Luyên	67V1	Vắng thi	
1620	1620	2551242786	Dương Thị	Luyên	67ĐTVT3	2	
1621	1621	2553015327	Bùi Khánh	Ly	67LUAT1	3	
1622	1622	2554123997	Chu Thị Khánh	Ly	67CNTC	2.6	
1623	1623	2554014088	Công Nghĩa Hương	Ly	67K1	6.4	Đạt
1624	1624	2554054373	Giang Thị Cẩm	Ly	67TMĐT2	3	
1625	1625	2553025459	Lê Cẩm	Ly	67LUAT KT1	Vắng thi	
1626	1626	2551060648	Lê Thị	Ly	67CNTT2	3.6	
1627	1627	2553025460	Lưu Hương	Ly	67LUAT KT1	Vắng thi	
1628	1628	2554014090	Nguyễn Hà Khánh	Ly	67K1	5.2	Đạt
1629	1629	2551034972	Nguyễn Kim	Ly	67V2	2.4	
1630	1630	2554074647	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	67LG2	5.2	Đạt
1631	1631	2554083754	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	67TCNH1	3.2	
1632	1632	2551105214	Nguyễn Thị Hương	Ly	67H1	3.8	
1633	1633	2554083755	Phạm Khánh	Ly	67TCNH1	2.2	
1634	1634	2551170920	Phạm Khánh	Ly	67KTPM2	Vắng thi	
1635	1635	2551034973	Phan Thị Cẩm	Ly	67V2	2.8	
1636	1636	2553025461	Phan Thị Khánh	Ly	67LUAT KT1	Vắng thi	
1637	1637	2554014091	Hoàng Thị Tuyết	Mai	67K2	4.8	Đạt
1638	1638	2554054375	Lại Thị Tuyết	Mai	67TMĐT1	7.2	Đạt
1639	1639	2554123998	Lê Ngọc	Mai	67CNTC	2.8	
1640	1640	2551183200	Nguyễn Ngọc	Mai	67KTH2	Vắng thi	
1641	1641	2553025462	Nguyễn Ngọc	Mai	67LUAT KT2	2.4	
1642	1642	2554083757	Nguyễn Phương	Mai	67TCNH1	3.2	
1643	1643	2554074649	Nguyễn Thị	Mai	67LG2	3.2	
1644	1644	2554023484	Nguyễn Thị	Mai	67QT1	3.6	
1645	1645	2554104754	Nguyễn Thị Hương	Mai	67KTS	4.6	Đạt
1646	1646	2554074650	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	67LG2	5.2	Đạt
1647	1647	2554054376	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	67TMĐT2	4.2	Đạt
1648	1648	2554074651	Nguyễn Thị Thanh	Mai	67LG2	Vắng thi	
1649	1649	2551193346	Nguyễn Thị Thuý	Mai	67CNSH2	Vắng thi	
1650	1650	2554054377	Nguyễn Thu	Mai	67TMĐT2	4.2	Đạt
1651	1651	2554023485	Phạm Thị Thanh	Mai	67QT1	3.2	
1652	1652	2554014093	Trần Xuân	Mai	67K1	4.8	Đạt
1653	1653	2551193347	Trương Thị Tuyết	Mai	67CNSH1	2.6	
1654	1654	2551193348	Vũ Thị	Mai	67CNSH1	4	Đạt
1655	1655	2554104755	Vũ Thị Ngọc	Mai	67KTS	3.8	
1656	1656	2551282950	Bùi Đức	Mạnh	67KTRB2	6.2	Đạt
1657	1657	2551111823	Bùi Đức	Mạnh	67CT1	7.4	Đạt
1658	1658	2551220363	Bùi Duy	Mạnh	67CTM1	4	Đạt
1659	1659	2551111824	Bùi Văn	Mạnh	67CT3	4.4	Đạt
1660	1660	2551041578	Đình Duy	Mạnh	67CX2	4.6	Đạt
1661	1661	2551271181	Hồ Bá	Mạnh	67ANM2	7	Đạt
1662	1662	2551230497	Hoàng Phúc Duy	Mạnh	67KTO2	4	Đạt
1663	1663	2551142208	Hoàng Truyền	Mạnh	67QLXD3	6.4	Đạt
1664	1664	2551122422	Hoàng Việt	Mạnh	67KTĐ1	3.4	
1665	1665	2551183201	Lê Đức	Mạnh	67KTH2	Vắng thi	
1666	1666	2551041579	Lê Văn	Mạnh	67CX2	2.4	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1667	1667	2551183202	Lương Đức	Mạnh	67KTH2	3	
1668	1668	2551122424	Lưu Quang	Mạnh	67KTĐ3	7.8	Đạt
1669	1669	2551212602	Lưu Văn	Mạnh	67TĐH2	3.4	
1670	1670	2551212603	Ngô Văn	Mạnh	67TĐH1	3.8	
1671	1671	2554023486	Nguyễn Đình	Mạnh	67QT2	Vắng thi	
1672	1672	2551122425	Nguyễn Đình	Mạnh	67KTĐ2	3.4	
1673	1673	2551220364	Nguyễn Đình	Mạnh	67CTM1	Vắng thi	
1674	1674	2551142210	Nguyễn Đức	Mạnh	67QLXD1	4.6	Đạt
1675	1675	2551242788	Nguyễn Đức	Mạnh	67ĐTVT1	3.2	
1676	1676	2551212604	Nguyễn Duy	Mạnh	67TĐH2	6.6	Đạt
1677	1677	2551132011	Nguyễn Huy	Mạnh	67GT1	Vắng thi	
1678	1678	2551261051	Nguyễn Ngọc	Mạnh	67TTNT1	Vắng thi	
1679	1679	2551212605	Nguyễn Thế	Mạnh	67TĐH2	3	
1680	1680	2551024856	Nguyễn Văn	Mạnh	67N1	Vắng thi	
1681	1681	2551220365	Nguyễn Văn	Mạnh	67CTM1	Vắng thi	
1682	1682	2554023487	Phạm Đức	Mạnh	67QT2	2.4	
1683	1683	2551122427	Phan Đức	Mạnh	67KTĐ3	3	
1684	1684	2551160783	Phan Đức	Mạnh	67HTTT2	4.8	Đạt
1685	1685	2551050088	Tạ Văn	Mạnh	67CK1	4.2	Đạt
1686	1686	2551132012	Tô Đức	Mạnh	67GT1	5.4	Đạt
1687	1687	2552015550	Trương Xuân	Mạnh	67CNK	Vắng thi	
1688	1688	2551050089	Vũ Thạch	Mạnh	67CK2	3.2	
1689	1689	2551230498	Vũ Xuân	Mạnh	67KTO1	3.2	
1690	1690	2551142212	Hoàng Vương	Mao	67QLXD2	2	
1691	1691	2551230499	Nguyễn Duy	May	67KTO1	3.8	
1692	1692	2551242789	Bùi Đức	Minh	67ĐTVT3	3.4	
1693	1693	2551193350	Bùi Duy Nhật	Minh	67CNSH2	4.4	Đạt
1694	1694	2551041580	Bùi Nhật	Minh	67CX2	7.8	Đạt
1695	1695	2554023488	Bùi Nhật	Minh	67QT1	5.4	Đạt
1696	1696	2551261053	Bùi Quang	Minh	67TTNT2	6.8	Đạt
1697	1697	2551230500	Đàm Quang	Minh	67KTO1	3.8	
1698	1698	2551111826	Đặng Ngọc	Minh	67CT3	6.6	Đạt
1699	1699	2553025463	Đặng Nhật	Minh	67LUAT KT1	4	Đạt
1700	1700	2553025464	Đặng Tuấn	Minh	67LUAT KT1	5.8	Đạt
1701	1701	2551142214	Đình Nhật	Minh	67QLXD3	3.8	
1702	1702	2551142216	Đình Thế	Minh	67QLXD2	Vắng thi	
1703	1703	2554104758	Đỗ Đức	Minh	67KTS	7.2	Đạt
1704	1704	2551111827	Đỗ Hoàn	Minh	67CT1	2.2	
1705	1705	2551212606	Đỗ Lê	Minh	67TĐH1	Vắng thi	
1706	1706	2554093883	Đỗ Quang	Minh	67KTA1	Vắng thi	
1707	1707	2551242791	Đỗ Xuân	Minh	67ĐTVT1	3	
1708	1708	2551132014	Đoàn Nguyễn Hải	Minh	67GT1	3.4	
1709	1709	2554074653	Đoàn Quang	Minh	67LG2	2.8	
1710	1710	2551261054	Dương Nhật Bình	Minh	67TTNT2	Vắng thi	
1711	1711	2554093872	Nguyễn Ngọc	Linh	67KTA2	Vắng thi	
1712	1712	2554083750	Nguyễn Ngọc	Linh	67TCNH1	5.2	Đạt
1713	1713	2551193340	Nguyễn Thị Hoài	Linh	67CNSH1	2.8	
1714	1714	2554054368	Nguyễn Thị Khánh	Linh	67TMĐT1	6	Đạt
1715	1715	2553025453	Nguyễn Thị Kiều	Linh	67LUAT KT2	2.4	
1716	1716	2551024845	Nguyễn Thị Phương	Linh	67N2	3.2	
1717	1717	2551011331	Nguyễn Thị Thùy	Linh	67C1	5.2	Đạt
1718	1718	2554113944	Nguyễn Thuý	Linh	67ACCA	Vắng thi	
1719	1719	2554014085	Nguyễn Thùy	Linh	67K1	10	Đạt
1720	1720	2554083752	Nguyễn Thùy	Linh	67TCNH1	7.8	Đạt

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1721	1721	2553025454	Nguyễn Thùy	Linh	67LUAT KT2	3.8	
1722	1722	2551034966	Nguyễn Thùy	Linh	67V1	2.6	
1723	1723	2551132007	Nguyễn Trang	Linh	67GT1	2.6	
1724	1724	2551024846	Nguyễn Tuệ	Linh	67N1	Vắng thi	
1725	1725	2551183194	Nguyễn Văn	Linh	67KTH2	3.2	
1726	1726	2551122415	Nguyễn Văn	Linh	67KTĐ3	5.4	Đạt
1727	1727	2551122416	Phạm Hoàng	Linh	67KTĐ2	Vắng thi	
1728	1728	2554074644	Phạm Khánh	Linh	67LG2	5	Đạt
1729	1729	2554064506	Phạm Nguyễn Ngọc	Linh	67QTDL1	2.6	
1730	1730	2554033619	Phạm Phương	Linh	67KT1	8.2	Đạt
1731	1731	2554093875	Phạm Thị	Linh	67KTA2	4.4	Đạt
1732	1732	2551160775	Phạm Thị	Linh	67HTTT2	7	Đạt
1733	1733	2551160776	Phạm Thị Diệu	Linh	67HTTT1	2.8	
1734	1734	2551193341	Phạm Thị Mỹ	Linh	67CNSH2	Vắng thi	
1735	1735	2554123992	Phạm Thị Phương	Linh	67CNTC	5.4	Đạt
1736	1736	2554014086	Phạm Thị Trang	Linh	67K2	3.6	
1737	1737	2554054370	Phạm Thùy	Linh	67TMĐT1	2.8	
1738	1738	2551011332	Phan Khánh	Linh	67C1	2.6	
1739	1739	2551034967	Phan Thị Phương	Linh	67V2	2.2	
1740	1740	2553025455	Phan Tuấn	Linh	67LUAT KT2	3.4	
1741	1741	2551075078	Trần Diệu	Linh	67CTN2	2.4	
1742	1742	2551183196	Trần Ngọc Đăng	Linh	67KTH2	Vắng thi	
1743	1743	2551183197	Trần Nhật	Linh	67KTH1	5	Đạt
1744	1744	2553025456	Trần Phương	Linh	67LUAT KT1	3.6	
1745	1745	2551132008	Trần Quang	Linh	67GT2	Vắng thi	
1746	1746	2551034968	Trần Thị Khánh	Linh	67CTN1	3	
1747	1747	2554023478	Trần Thị Mỹ	Linh	67QT2	3.6	
1748	1748	2551193342	Trần Thị Phương	Linh	67CNSH2	3.4	
1749	1749	2553015322	Trần Thị Thùy	Linh	67LUAT2	Vắng thi	
1750	1750	2554023479	Trương Khánh	Linh	67QT1	4	Đạt
1751	1751	2553015323	Trương Ngọc	Linh	67LUAT1	3.8	
1752	1752	2551041568	Trương Thị Thuỳ	Linh	67CX2	3	
1753	1753	2551193343	Vũ Yên Kiều	Linh	67CNSH1	3	
1754	1754	2553015324	Đặng Thị Ngọc	Loan	67LUAT1	2.8	
1755	1755	2554033622	Nguyễn Thanh	Loan	67KT1	3	
1756	1756	2551050085	Nhữ Hồng	Loan	67CK2	4.4	Đạt
1757	1757	2551242780	Đình Phúc	Lộc	67ĐTVT3	5.4	Đạt
1758	1758	2551170911	Đình Tiến	Lộc	67KTPM2	Vắng thi	
1759	1759	2551160779	Đỗ Tấn	Lộc	67HTTT1	Vắng thi	
1760	1760	2554093877	Hoàng Đại	Lộc	67KTA1	Vắng thi	
1761	1761	2551220359	Lê Đức	Lộc	67CTM2	6.2	Đạt
1762	1762	2551122417	Nguyễn Đức	Lộc	67KTĐ3	4.2	Đạt
1763	1763	2551041569	Nguyễn Xuân	Lộc	67CX3	2.6	
1764	1764	2551122418	Phạm Bảo	Lộc	67KTĐ3	2.6	
1765	1765	2551212597	Phạm Văn	Lộc	67TĐH2	Vắng thi	
1766	1766	2551142204	Tạ Văn	Lộc	67QLXD3	4.8	Đạt
1767	1767	2551271175	Tô Thế	Lộc	67ANM1	3.8	
1768	1768	2551105211	Lê Văn	Lợi	67H2	Vắng thi	
1769	1769	2551041570	Nguyễn Khắc	Lợi	67CX4	3	
1770	1770	2551024848	Nguyễn Kiên	Lợi	67N2	2.6	
1771	1771	2551060650	Dương Vũ Quân	Minh	67CNTT2	6.2	Đạt
1772	1772	2551034974	Hoàng Nhật	Minh	67V2	8	Đạt
1773	1773	2551212607	Lâm Văn	Minh	67TĐH2	2.8	
1774	1774	2551132015	Lê Công	Minh	67GT2	3.2	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1775	1775	2551160786	Lê Đức	Minh	67HTTT2	Vắng thi	
1776	1776	2551230502	Lê Hà Nhật	Minh	67KTO2	Vắng thi	
1777	1777	2551200248	Lê Quang	Minh	67CDT2	2	
1778	1778	2551034975	Lê Quang	Minh	67V2	2.8	
1779	1779	2551111829	Lưu Đức	Minh	67CT2	6.2	Đạt
1780	1780	2551170922	Ngô Quang	Minh	67KTPM2	3.4	
1781	1781	2551142218	Nguyễn Bảo Ngọc	Minh	67QLXD1	3.2	
1782	1782	2551282953	Nguyễn Công	Minh	67KTRB1	Vắng thi	
1783	1783	2551093071	Nguyễn Công	Minh	67MT2	Vắng thi	
1784	1784	2551220367	Nguyễn Đăng Tuấn	Minh	67CTM2	3.2	
1785	1785	2551212609	Nguyễn Đoàn Quang	Minh	67TDH2	3.8	
1786	1786	2553015329	Nguyễn Đức	Minh	67LUAT2	Vắng thi	
1787	1787	2552015551	Nguyễn Đức	Minh	67CNK	Vắng thi	
1788	1788	2551212610	Nguyễn Đức	Minh	67TDH2	Vắng thi	
1789	1789	2551075086	Nguyễn Đức	Minh	67CTN1	3.4	
1790	1790	2551230503	Nguyễn Gia	Minh	67KTO2	3.4	
1791	1791	2551132016	Nguyễn Hoàng	Minh	67GT1	2.8	
1792	1792	2554033625	Nguyễn Hồng	Minh	67KT1	4.8	Đạt
1793	1793	2551132017	Nguyễn Hữu Hoàng	Minh	67GT1	7.2	Đạt
1794	1794	2551183203	Nguyễn Khắc	Minh	67KTH1	5.4	Đạt
1795	1795	2551212612	Nguyễn Phúc Hoàng	Minh	67TDH1	3.2	
1796	1796	2551041583	Nguyễn Quang	Minh	67CX2	5.4	Đạt
1797	1797	2551034976	Nguyễn Quang	Minh	67V1	3.2	
1798	1798	2554014095	Nguyễn Quang	Minh	67K1	7.2	Đạt
1799	1799	2551271184	Nguyễn Quang	Minh	67ANM1	2.6	
1800	1800	2551193351	Nguyễn Quang	Minh	67CNSH1	5.6	Đạt
1801	1801	2551122428	Nguyễn Thanh	Minh	67KTĐ3	2.6	
1802	1802	2551034977	Nguyễn Thị Ánh	Minh	67V2	3.4	
1803	1803	2551041584	Nguyễn Trần Bình	Minh	67CX4	4	Đạt
1804	1804	2551122429	Nguyễn Tuấn	Minh	67KTĐ2	Vắng thi	
1805	1805	2551282954	Nguyễn Văn	Minh	67KTRB1	3.4	
1806	1806	2554083760	Nguyễn Văn	Minh	67TCNH1	2.8	
1807	1807	2551111831	Nguyễn Xuân	Minh	67CT1	Vắng thi	
1808	1808	2553015330	Phạm Bình	Minh	67LUAT2	4.6	Đạt
1809	1809	2551142224	Phạm Hà Công	Minh	67QLXD3	Vắng thi	
1810	1810	2551132019	Phạm Nhật	Minh	67GT2	Vắng thi	
1811	1811	2551041586	Phạm Quang	Minh	67CX1	3.2	
1812	1812	2554104760	Phạm Quang	Minh	67KTS	8.6	Đạt
1813	1813	2554044257	Phạm Quang	Minh	67KTXD1	Vắng thi	
1814	1814	2553015331	Phạm Quang	Minh	67LUAT1	8.2	Đạt
1815	1815	2553025465	Phạm Trần Tuấn	Minh	67LUAT KT1	6	Đạt
1816	1816	2551230504	Phạm Văn	Minh	67KTO1	1.6	
1817	1817	2553015332	Phan Công	Minh	67LUAT1	4.6	Đạt
1818	1818	2553015333	Phan Hoàng	Minh	67LUAT1	5	Đạt
1819	1819	2553015334	Phan Nhật	Minh	67LUAT1	2.2	
1820	1820	2551050094	Tạ Duy	Minh	67CK2	3	
1821	1821	2553025466	Trần Duy	Minh	67LUAT KT1	Vắng thi	
1822	1822	2554074655	Trần Quang	Minh	67LG1	4.2	Đạt
1823	1823	2551242795	Trần Quang	Minh	67ĐTVT3	Vắng thi	
1824	1824	2554023491	Trần Tuấn	Minh	67QT1	Vắng thi	
1825	1825	2551170923	Trần Văn	Minh	67KTPM1	4	Đạt
1826	1826	2554014096	Triệu Bảo	Minh	67K2	3.8	
1827	1827	2551230506	Vũ Đình	Minh	67KTO2	2.2	
1828	1828	2551230507	Vũ Đức	Minh	67KTO1	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1829	1829	2551282956	Vũ Hồng Quang	Minh	67KTRB2	7.6	Đạt
1830	1830	2551105215	Vũ Nhật	Minh	67H1	3.2	
1831	1831	2554044260	Vũ Văn	Minh	67KTXD2	Vắng thi	
1832	1832	2554074656	Ngô Thị Ánh	Mười	67LG2	6.4	Đạt
1833	1833	2551160790	Bùi Ngọc Hà	My	67HTTT1	3.4	
1834	1834	2551142227	Bùi Thị Trà	My	67QLXD1	Vắng thi	
1835	1835	2554033627	Đỗ Trần Trà	My	67KT1	2.6	
1836	1836	2551193353	Lê Hà	My	67CNSH2	2.4	
1837	1837	2553025467	Lê Thị Khánh	My	67LUAT KT1	Vắng thi	
1838	1838	2551132021	Lưu Thị Trà	My	67GT1	3.6	
1839	1839	2554014098	Nguyễn Đỗ Hà	My	67K2	4.8	Đạt
1840	1840	2551193354	Nguyễn Hà	My	67CNSH1	3.6	
1841	1841	2554104761	Nguyễn Hà	My	67KTS	6.6	Đạt
1842	1842	2551193355	Nguyễn Thị	My	67CNSH1	3.2	
1843	1843	2553015336	Nguyễn Thị Kiều	My	67LUAT1	3.4	
1844	1844	2551261057	Nguyễn Thị Trà	My	67TTNT2	4	Đạt
1845	1845	2554014099	Nguyễn Thị Trà	My	67K1	Vắng thi	
1846	1846	2554023492	Nguyễn Thị Trà	My	67QT2	3	
1847	1847	2551060652	Phạm Hà	My	67CNTT1	3.2	
1848	1848	2554054382	Phạm Trà	My	67TMĐT2	5.8	Đạt
1849	1849	2551024859	Trương Hà	My	67N1	2.6	
1850	1850	2554023493	Vũ Thị Trà	My	67QT1	3.8	
1851	1851	2554033628	Nguyễn Thị Hồng	Mỹ	67KT2	3.4	
1852	1852	2551041587	Bùi Phương	Nam	67CX2	3.4	
1853	1853	2551170924	Chu Ngọc	Nam	67KTPM2	6	Đạt
1854	1854	2554074657	Đậu Văn	Nam	67LG2	Vắng thi	
1855	1855	2551282957	Đình Hoài	Nam	67KTRB2	Vắng thi	
1856	1856	2554074658	Hồ Nghĩa	Nam	67LG1	Vắng thi	
1857	1857	2553025468	Lê Công	Nam	67LUAT KT2	Vắng thi	
1858	1858	2554044262	Lê Đức	Nam	67KTXD2	3.4	
1859	1859	2553025469	Lê Hoài	Nam	67LUAT KT2	Vắng thi	
1860	1860	2551132023	Lê Khả	Nam	67GT2	Vắng thi	
1861	1861	2551183204	Lê Phương	Nam	67KTH2	Vắng thi	
1862	1862	2551011340	Lương Hoàng	Nam	67C1	3.8	
1863	1863	2551220370	Nguy Phan	Nam	67CTM2	Vắng thi	
1864	1864	2551093072	Nguyễn Bá	Nam	67MT1	3.8	
1865	1865	2551050098	Nguyễn Đình	Nam	67CK1	7.2	Đạt
1866	1866	2551132024	Nguyễn Đình Hoài	Nam	67GT1	7.8	Đạt
1867	1867	2551093073	Nguyễn Đức	Nam	67MT2	Vắng thi	
1868	1868	2551041589	Nguyễn Hải	Nam	67CX4	Vắng thi	
1869	1869	2551105216	Nguyễn Hải	Nam	67H2	4	Đạt
1870	1870	2551050099	Nguyễn Hải	Nam	67CK2	Vắng thi	
1871	1871	2551041590	Nguyễn Hoài	Nam	67CX2	Vắng thi	
1872	1872	2551220371	Nguyễn Hoài	Nam	67CTM2	Vắng thi	
1873	1873	2551142230	Nguyễn Hoàng	Nam	67QLXD2	Vắng thi	
1874	1874	2551024861	Nguyễn Hoàng	Nam	67N1	6.2	Đạt
1875	1875	2551271186	Nguyễn Hoàng	Nam	67ANM1	5.8	Đạt
1876	1876	2551132025	Nguyễn Ngọc	Nam	67GT2	Vắng thi	
1877	1877	2554104763	Nguyễn Nhật	Nam	67KTS	Vắng thi	
1878	1878	2551122434	Nguyễn Quang	Nam	67KTĐ1	3	
1879	1879	2551034978	Nguyễn Trần Hải	Nam	67V1	2.8	
1880	1880	2551200253	Nguyễn Việt	Nam	67CĐT2	8.2	Đạt
1881	1881	2551105217	Nguyễn Xuân Hoài	Nam	67H1	4.8	Đạt
1882	1882	2551041591	Phạm Hoàng	Nam	67CX3	3.4	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1883	1883	2551011342	Phạm Nghĩa Hải	Nam	67C1	8	Đạt
1884	1884	2551200254	Phạm Ngọc Hải	Nam	67CDT1	4	Đạt
1885	1885	2551050100	Phan Hải	Nam	67CK2	3.6	
1886	1886	2551122436	Phan Văn	Nam	67KTĐ1	Vắng thi	
1887	1887	2554023494	Trần Vũ	Nam	67QT2	3.4	
1888	1888	2553015339	Cao Thanh	Nga	67LUAT1	Vắng thi	
1889	1889	2551034979	Đào Thị Huyền	Nga	67V2	Vắng thi	
1890	1890	2554093887	Đình Thuý	Nga	67KTA1	3	
1891	1891	2554027481	Dương Thanh	Nga	67QT1	Vắng thi	
1892	1892	2554074659	Lương Thị	Nga	67LG1	3.6	
1893	1893	2554083763	Nguyễn Thị	Nga	67TCNH2	3.8	
1894	1894	2554054384	Nguyễn Thị Thanh	Nga	67TMĐT1	Vắng thi	
1895	1895	2553025470	Nguyễn Thị Thúy	Nga	67LUAT KT1	Vắng thi	
1896	1896	2551183205	Nguyễn Thiên	Nga	67KTH2	8.6	Đạt
1897	1897	2554023495	Phạm Thị	Nga	67QT2	3	
1898	1898	2551142236	Trịnh Hằng	Nga	67QLXD1	Vắng thi	
1899	1899	2554083764	Trịnh Thuý	Nga	67TCNH2	3.2	
1900	1900	2554074660	Vũ Thị Hằng	Nga	67LG2	Vắng thi	
1901	1901	2554033629	Phan Thị	Nga	67KT2	2.6	
1902	1902	2554083765	Bùi Thị Bảo	Ngân	67TCNH1	5.6	Đạt
1903	1903	2554044264	Đặng Thị Kim	Ngân	67KTXD2	4.8	Đạt
1904	1904	2551183206	Đỗ Kim	Ngân	67KTH1	7	Đạt
1905	1905	2551160794	Hồ Thị Quỳnh	Ngân	67HTTT1	3.8	
1906	1906	2553025471	Lê Vũ Khánh	Ngân	67LUAT KT2	8.2	Đạt
1907	1907	2553025472	Ngô Thị Kim	Ngân	67LUAT KT2	3.6	
1908	1908	2554033630	Nguyễn Thanh	Ngân	67KT1	2	
1909	1909	2551060654	Nguyễn Thị	Ngân	67CNTT2	4.8	Đạt
1910	1910	2554014103	Phạm Gia Bảo	Ngân	67K1	Vắng thi	
1911	1911	2554014104	Trịnh Thị Kim	Ngân	67K1	2.8	
1912	1912	2551261059	Cao Thị Ánh	Ngân	67TTNT2	Vắng thi	
1913	1913	2553025473	Trương Thị Thúy	Ngân	67LUAT KT1	4	Đạt
1914	1914	2551170926	Doãn Tuấn	Nghĩa	67KTPM1	6.8	Đạt
1915	1915	2551122438	Hồ Quang	Nghĩa	67KTĐ1	3.8	
1916	1916	2551105218	Hoàng Trọng	Nghĩa	67H1	3.8	
1917	1917	2551011347	Lê Chính	Nghĩa	67C1	Vắng thi	
1918	1918	2551132027	Nguyễn Trọng	Nghĩa	67GT1	Vắng thi	
1919	1919	2551041596	Nguyễn Trung	Nghĩa	67CX1	5	Đạt
1920	1920	2554023498	Trần Minh	Nghĩa	67QT2	3.6	
1921	1921	2553025474	Trần Trung	Nghĩa	67LUAT KT1	2.6	
1922	1922	2551011348	Vũ Thế	Nghĩa	67C2	2.8	
1923	1923	2551183207	Đặng Bảo	Ngọc	67KTH1	Vắng thi	
1924	1924	2551160797	Đặng Thuý	Ngọc	67HTTT2	Vắng thi	
1925	1925	2551183208	Đào Bích	Ngọc	67KTH1	3	
1926	1926	2551160798	Đào Thị Ánh	Ngọc	67HTTT1	2.6	
1927	1927	2551282960	Đỗ Bá	Ngọc	67KTRB1	4.8	Đạt
1928	1928	2551212616	Hoàng Bá	Ngọc	67TDH1	4	Đạt
1929	1929	2554064520	Khương Hoài	Ngọc	67QTDL2	2	
1930	1930	2551132029	Lại Hồng	Ngọc	67GT2	3.2	
1931	1931	2554113945	Lê Khánh	Ngọc	67ACCA	3.8	
1932	1932	2554074662	Ngô Tiểu	Ngọc	67LG1	3.6	
1933	1933	2553015341	Nguyễn Bảo	Ngọc	67LUAT1	6.6	Đạt
1934	1934	2554044267	Nguyễn Bảo	Ngọc	67KTXD1	Vắng thi	
1935	1935	2554054385	Nguyễn Bích	Ngọc	67TMĐT1	4.2	Đạt
1936	1936	2551111839	Nguyễn Bích	Ngọc	67CT2	2.2	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1937	1937	2551183209	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	67KTH2	7.8	Đạt
1938	1938	2551170929	Nguyễn Đình	Ngọc	67KTPM1	Vắng thi	
1939	1939	2554033634	Nguyễn Hà Bảo	Ngọc	67KT2	3.6	
1940	1940	2553025475	Nguyễn Khánh	Ngọc	67LUAT KT1	Vắng thi	
1941	1941	2554054386	Nguyễn Minh	Ngọc	67TMĐT1	3.2	
1942	1942	2554093891	Nguyễn Minh	Ngọc	67KTA2	2.6	
1943	1943	2551183210	Nguyễn Minh	Ngọc	67KTH1	4.6	Đạt
1944	1944	2551271188	Nguyễn Thanh	Ngọc	67ANM2	Vắng thi	
1945	1945	2554054387	Nguyễn Thị	Ngọc	67TMĐT1	4.4	Đạt
1946	1946	2554093892	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	67KTA2	3	
1947	1947	2551193357	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	67CNSH1	3.6	
1948	1948	2554033635	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	67KT1	5.4	Đạt
1949	1949	2554033636	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	67KT2	5.8	Đạt
1950	1950	2551060656	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	67CNTT2	5.8	Đạt
1951	1951	2551282963	Nguyễn Tuấn	Nhật	67KTRB2	6.2	Đạt
1952	1952	2551041601	Phạm Vũ Long	Nhật	67CX1	6.6	Đạt
1953	1953	2551220374	Phan Khắc Minh	Nhật	67CTM1	3.2	
1954	1954	2551011352	Trần Long	Nhật	67C1	3.8	
1955	1955	2551271194	Trương Quốc	Nhật	67ANM1	Vắng thi	
1956	1956	2551142238	Vì Văn	Nhật	67QLXD3	4	Đạt
1957	1957	2551170931	Vũ Trần Long	Nhật	67KTPM1	4.4	Đạt
1958	1958	2554033639	Bùi Thị Ngọc	Nhi	67KT1	4	Đạt
1959	1959	2554093897	Bùi Yên	Nhi	67KTA1	5.6	Đạt
1960	1960	2551093079	Cao Thị Yên	Nhi	67MT2	4.2	Đạt
1961	1961	2554014106	Đặng Yên	Nhi	67K1	3	
1962	1962	2553015344	Đào Ý	Nhi	67LUAT1	4.6	Đạt
1963	1963	2553015345	Hà Yên	Nhi	67LUAT2	4.4	Đạt
1964	1964	2554064521	Hoàng Ngọc Bảo	Nhi	67QTDL1	6.2	Đạt
1965	1965	2554093898	Hoàng Tuyết	Nhi	67KTA2	Vắng thi	
1966	1966	2551160803	Ngô Uyển	Nhi	67HTTT1	Vắng thi	
1967	1967	2551183215	Ngô Yên	Nhi	67KTH2	4.2	Đạt
1968	1968	2551193361	Nguyễn Khánh	Nhi	67CNSH1	2.8	
1969	1969	2551193362	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhi	67CNSH1	Vắng thi	
1970	1970	2551193363	Nguyễn Thảo	Nhi	67CNSH1	2.8	
1971	1971	2554033640	Nguyễn Thị Yên	Nhi	67KT2	2.4	
1972	1972	2554023503	Nguyễn Tú	Nhi	67QT1	3	
1973	1973	2551093080	Nguyễn Yên	Nhi	67MT2	8.6	Đạt
1974	1974	2551105222	Phạm Ngọc Thanh	Nhi	67H2	3	
1975	1975	2554014107	Tạ Thị Yên	Nhi	67K1	Vắng thi	
1976	1976	2551193365	Trần Yên	Nhi	67CNSH1	4.4	Đạt
1977	1977	2551105223	Vũ Tuyết	Nhi	67H1	2	
1978	1978	2551200262	Trần Đình	Nhiệm	67CĐT2	3.4	
1979	1979	2551093081	Bùi Thị Quỳnh	Như	67MT2	3.2	
1980	1980	2551024866	Chu Thế	Như	67N1	Vắng thi	
1981	1981	2551261063	Đào Cẩm	Như	67TTNT2	6	Đạt
1982	1982	2554083769	Lưu Lâm	Như	67TCNH2	4.6	Đạt
1983	1983	2554033642	Nguyễn Bùi Quỳnh	Như	67KT2	3.4	
1984	1984	2554093901	Vũ Thị Quỳnh	Như	67KTA1	5.6	Đạt
1985	1985	2551170932	Đỗ Hồng	Nhung	67KTPM2	6.4	Đạt
1986	1986	2554014110	Đỗ Tuyết	Nhung	67K1	Vắng thi	
1987	1987	2554033644	Hoàng Thị Cẩm	Nhung	67KT2	2.2	
1988	1988	2553015347	Lê Thị	Nhung	67LUAT2	Vắng thi	
1989	1989	2551183217	Ngô Hồng	Nhung	67KTH1	2.2	
1990	1990	2554054393	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	67TMĐT2	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
1991	1991	2554023506	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	67QT1	4.8	Đạt
1992	1992	2554104766	Phạm Thị	Nhung	67KTS	3.2	
1993	1993	2554104767	Tăng Phương	Nhung	67KTS	Vắng thi	
1994	1994	2554033645	Trần Thị Hồng	Nhung	67KT1	3.2	
1995	1995	2554033646	Vũ Thị Hồng	Nhung	67KT2	4.2	Đạt
1996	1996	2551122443	Đình Hoàng	Ninh	67KTĐ3	2.4	
1997	1997	2551011354	Hồ Tiên	Ninh	67C2	4.2	Đạt
1998	1998	2553025480	Ngô Thị Hà	Ninh	67LUAT KT2	3	
1999	1999	2551183218	Phan Thị Ngọc	Ninh	67KTH1	Vắng thi	
2000	2000	2551230514	Trương Hoàng	Ninh	67KTO2	6.2	Đạt
2001	2001	2554093902	Bùi Hồng	Nụ	67KTA2	8.2	Đạt
2002	2002	2551183220	Nguyễn Thị Kim	Oanh	67KTH1	7	Đạt
2003	2003	2551093083	Trần Kim	Oanh	67MT1	Vắng thi	
2004	2004	2554054395	Trần Thị Phương	Oanh	67TMĐT2	3.4	
2005	2005	2554093905	Trịnh Gia	Oanh	67KTA1	2.4	
2006	2006	2554033648	Nguyễn Thị	Phấn	67KT1	4	Đạt
2007	2007	2554023507	Nguyễn Việt	Pháp	67QT2	Vắng thi	
2008	2008	2551111842	Cao Đức	Phát	67CT1	4.8	Đạt
2009	2009	2551093084	Đào Mạnh	Phát	67MT1	2.4	
2010	2010	2551230515	Đào Trọng Nhật	Phát	67KTO1	7.2	Đạt
2011	2011	2551041602	Đoàn Đại	Phát	67CX1	Vắng thi	
2012	2012	2551261064	Đồng Văn Hữu	Phát	67TTNT2	5.4	Đạt
2013	2013	2551050104	Lê Quang	Phát	67CK1	4.4	Đạt
2014	2014	2551132033	Nguyễn Duy	Phát	67GT1	3.2	
2015	2015	2551041603	Phạm Thế	Phát	67CX1	3.6	
2016	2016	2551142241	Phạm Văn	Phát	67QLXD3	4.6	Đạt
2017	2017	2551242801	Phạm Văn	Phát	67ĐTVT2	3.4	
2018	2018	2551011355	Phan Huy	Phát	67C2	2.6	
2019	2019	2551200263	Trịnh Hưng	Phát	67CĐT1	5.6	Đạt
2020	2020	2551261066	Nguyễn Tuấn	Phi	67TTNT1	4.2	Đạt
2021	2021	2551200264	Nguyễn Văn Trường	Phi	67CĐT1	5.2	Đạt
2022	2022	2551132034	Phạm Đức	Phi	67GT2	Vắng thi	
2023	2023	2551050105	Bùi Thanh	Phong	67CK2	5.2	Đạt
2024	2024	2551142243	Cao Duy	Phong	67QLXD2	Vắng thi	
2025	2025	2551093085	Đặng Tấn	Phong	67MT1	3.2	
2026	2026	2551132035	Đặng Tuấn	Phong	67GT2	Vắng thi	
2027	2027	2551122444	Đình Phú	Phong	67KTĐ1	4	Đạt
2028	2028	2551041604	Đình Thanh	Phong	67CX2	8.4	Đạt
2029	2029	2551200265	Đỗ Khắc	Phong	67CĐT2	Vắng thi	
2030	2030	2553025481	Đoàn Quốc	Phong	67LUAT KT1	Vắng thi	
2031	2031	2553015348	Đồng Quang	Phong	67LUAT1	3.4	
2032	2032	2551271199	Dương Tuấn	Phong	67ANM2	5	Đạt
2033	2033	2551093086	Hoàng Đình	Phong	67MT1	Vắng thi	
2034	2034	2551193366	Hoàng Hải	Phong	67CNSH1	Vắng thi	
2035	2035	2554124006	Lê Anh	Phong	67CNTC	6.4	Đạt
2036	2036	2551142245	Lê Quốc	Phong	67QLXD2	Vắng thi	
2037	2037	2551122446	Lê Thanh	Phong	67KTĐ2	6.2	Đạt
2038	2038	2551111844	Lê Tuấn	Phong	67CT2	3.8	
2039	2039	2551160807	Mai Hiệp	Phong	67HTTT2	6.4	Đạt
2040	2040	2551075097	Nguyễn Đức	Phong	67CTN1	6.6	Đạt
2041	2041	2551183221	Nguyễn Gia	Phong	67KTH1	2.6	
2042	2042	2551011356	Nguyễn Văn	Phong	67C1	3.8	
2043	2043	2554124007	Phạm Gia	Phong	67CNTC	2.4	
2044	2044	2551212619	Tạ Hiếu	Phong	67TDH2	2.8	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2045	2045	2551220375	Trần Thế Nhật	Phong	67CTM2	3.4	
2046	2046	2551041608	Trần Tuấn	Phong	67CX3	4.2	Đạt
2047	2047	2551111847	Trần Việt	Phong	67CT3	Vắng thi	
2048	2048	2551050108	Trịnh Hải	Phong	67CK2	Vắng thi	
2049	2049	2551050109	Vũ Hữu	Phong	67CK2	Vắng thi	
2050	2050	2551212620	Vũ Xuân	Phong	67TDH2	7.4	Đạt
2051	2051	2551212621	Đặng Sỹ	Phú	67TDH1	6.6	Đạt
2052	2052	2551220376	Đậu Quốc	Phú	67CTM1	3.4	
2053	2053	2551261067	Hoàng Thanh	Phú	67TTNT1	3.6	
2054	2054	2551050110	Lã Thiên	Phú	67CK1	5.8	Đạt
2055	2055	2551230516	Lê Minh	Phú	67KTO2	6.4	Đạt
2056	2056	2554014112	Lê Xuân	Phú	67K2	4	Đạt
2057	2057	2551183222	Nguyễn Đăng Đại	Phú	67KTH1	5.6	Đạt
2058	2058	2551200267	Nguyễn Quang	Phú	67CDT1	7.6	Đạt
2059	2059	2551261068	Phạm Xuân	Phú	67TTNT2	4.8	Đạt
2060	2060	2551242804	Trần Đức	Phú	67ĐTVT1	3.8	
2061	2061	2554054397	Vũ Hải	Phú	67TMĐT2	6.4	Đạt
2062	2062	2554083771	Vương Quốc	Phú	67TCNH1	4	Đạt
2063	2063	2554014113	Âu Khải	Phúc	67K1	5.6	Đạt
2064	2064	2551041609	Đặng Minh	Phúc	67CX4	2.4	
2065	2065	2554083772	Đặng Minh	Phúc	67TCNH2	2.6	
2066	2066	2551041610	Đào Minh	Phúc	67CX4	3.6	
2067	2067	2551242805	Đình Hoàng	Phúc	67ĐTVT3	4.8	Đạt
2068	2068	2551193367	Đỗ Trọng	Phúc	67CNSH2	Vắng thi	
2069	2069	2551132037	Hoàng Anh	Phúc	67GT1	4.4	Đạt
2070	2070	2551220377	Khúc Hoàng	Phúc	67CTM2	4	Đạt
2071	2071	2551261069	Lê Hoàng	Phúc	67TTNT1	4.8	Đạt
2072	2072	2551183223	Lê Hồng	Phúc	67KTH2	Vắng thi	
2073	2073	2554054398	Lương Văn	Phúc	67TMĐT1	2.8	
2074	2074	2551041611	Nguyễn Hồng	Phúc	67CX1	3	
2075	2075	2551122449	Nguyễn Hồng	Phúc	67KTĐ2	Vắng thi	
2076	2076	2551220378	Nguyễn Hồng	Phúc	67CTM2	Vắng thi	
2077	2077	2554044270	Nguyễn Thị	Phúc	67KTXD1	Vắng thi	
2078	2078	2551183224	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	67KTH1	4.4	Đạt
2079	2079	2554014114	Nguyễn Thu	Phúc	67K2	8.4	Đạt
2080	2080	2551093088	Nguyễn Trọng	Phúc	67MT2	4.6	Đạt
2081	2081	2551230518	Nguyễn Văn	Phúc	67KTO1	3	
2082	2082	2551105225	Nguyễn Vũ Hồng	Phúc	67H1	4	Đạt
2083	2083	2551075099	Phạm Văn	Phúc	67CTN2	Vắng thi	
2084	2084	2551142249	Phan Ngọc	Phúc	67QLXD1	2.6	
2085	2085	2554125844	Phùng Trần Hữu	Phúc	67TTNT2	Vắng thi	
2086	2086	2551093089	Tạ Hữu	Phúc	67MT1	Vắng thi	
2087	2087	2551041612	Trần Quý	Phúc	67CX4	5	Đạt
2088	2088	2551075100	Trần Tiên	Phúc	67CTN1	3.6	
2089	2089	2551041613	Vũ Đăng	Phúc	67CX1	3.2	
2090	2090	2551212622	Lê Thiện	Phước	67TDH1	6.8	Đạt
2091	2091	2551132038	Lê Xuân	Phước	67GT2	1.6	
2092	2092	2553025482	Trịnh Minh	Phước	67LUAT KT1	2.4	
2093	2093	2551111850	Văn Công	Phước	67CT3	3.4	
2094	2094	2554044271	Bùi Mai	Phương	67KTXD1	2.8	
2095	2095	2551193368	Bùi Minh	Phương	67CNSH1	4.8	Đạt
2096	2096	2551230520	Bùi Tuấn	Phương	67KTO2	3.2	
2097	2097	2551034987	Đào Ngọc Hà	Phương	67V1	4.6	Đạt
2098	2098	2554074670	Hoàng Minh	Phương	67LG1	4.8	Đạt

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2099	2099	2551261070	Hoàng Trần	Phương	67TTNT1	4.2	Đạt
2100	2100	2551105226	Lê Anh	Phương	67H1	Vắng thi	
2101	2101	2554054388	Ninh Phạm Như	Ngọc	67TMĐT2	4	Đạt
2102	2102	2551261060	Phạm Bích	Ngọc	67TTNT2	7.6	Đạt
2103	2103	2553025476	Phạm Nguyên	Ngọc	67LUAT KT2	Vắng thi	
2104	2104	2553015342	Phạm Thị Hồng	Ngọc	67LUAT2	Vắng thi	
2105	2105	2554074663	Phùng Minh	Ngọc	67LG2	Vắng thi	
2106	2106	2554023499	Trần Thị Minh	Ngọc	67QT2	3.6	
2107	2107	2551034984	Trương Bảo	Ngọc	67V2	Vắng thi	
2108	2108	2551105219	Trương Thế	Ngọc	67H2	Vắng thi	
2109	2109	2551075089	Trương Thị Minh	Ngọc	67CTN2	5.6	Đạt
2110	2110	2553025477	Vũ Thị Bích	Ngọc	67LUAT KT2	Vắng thi	
2111	2111	2551230509	Bùi Chung	Nguyên	67KTO1	Vắng thi	
2112	2112	2551122441	Cao Việt	Nguyên	67KTĐ1	1.2	
2113	2113	2551193358	Chu Phan Đăng	Nguyên	67CNSH2	Vắng thi	
2114	2114	2551041597	Đàm Lữ Hạnh	Nguyên	67CX1	Vắng thi	
2115	2115	2551041598	Đào Huy	Nguyên	67CX2	2.2	
2116	2116	2553025478	Đỗ Đức	Nguyên	67LUAT KT2	4.6	Đạt
2117	2117	2551282961	Lê Anh	Nguyên	67KTRB2	4.8	Đạt
2118	2118	2553015343	Lê Doãn	Nguyên	67LUAT2	2.2	
2119	2119	2551282962	Lê Đức	Nguyên	67KTRB2	2.6	
2120	2120	2551242798	Nguyễn Duy Hoàng	Nguyên	67ĐTVT1	3.6	
2121	2121	2551271192	Nguyễn Gia	Nguyên	67ANM1	Vắng thi	
2122	2122	2551075091	Nguyễn Khôi	Nguyên	67CTN1	Vắng thi	
2123	2123	2551024863	Nguyễn Minh	Nguyên	67N2	Vắng thi	
2124	2124	2552025571	Nguyễn Phúc	Nguyên	67NKN	Vắng thi	
2125	2125	2551122442	Nguyễn Tài	Nguyên	67KTĐ3	8.4	Đạt
2126	2126	2551200257	Nguyễn Thành	Nguyên	67CĐT2	Vắng thi	
2127	2127	2551132031	Nguyễn Thành	Nguyên	67GT2	3	
2128	2128	2551093076	Nguyễn Thị Lương	Nguyên	67MT2	Vắng thi	
2129	2129	2553025479	Nguyễn Thủy	Nguyên	67LUAT KT1	5.4	Đạt
2130	2130	2554074665	Phạm Nguyễn Minh	Nguyên	67LG1	7	Đạt
2131	2131	2551093077	Phạm Thảo	Nguyên	67MT1	2.6	
2132	2132	2551230510	Thái Hoàng	Nguyên	67KTO1	Vắng thi	
2133	2133	2551230511	Tô Việt	Nguyên	67KTO2	2.6	
2134	2134	2551060658	Trần Khôi	Nguyên	67CNTT1	Vắng thi	
2135	2135	2554074666	Trần Khôi	Nguyên	67LG2	7.4	Đạt
2136	2136	2551105220	Vũ Đình	Nguyên	67H1	Vắng thi	
2137	2137	2551132032	Vũ Tường	Nguyên	67GT1	2.2	
2138	2138	2551183212	Chu Thị	Nguyễn	67KTH1	6	Đạt
2139	2139	2554083767	Lê Ánh	Nguyễn	67TCNH1	3.8	
2140	2140	2551160801	Phạm Minh	Nguyễn	67HTTT1	Vắng thi	
2141	2141	2551183213	Trịnh Doãn	Nhâm	67KTH2	Vắng thi	
2142	2142	2551142237	Lý Anh	Nhàn	67QLXD1	2.6	
2143	2143	2551024864	Nguyễn Thanh	Nhàn	67N2	Vắng thi	
2144	2144	2554093896	Trần Thanh	Nhàn	67KTA2	Vắng thi	
2145	2145	2551060659	Đỗ Duy	Nhân	67CNTT1	4.4	Đạt
2146	2146	2551075094	Lê Đức	Nhân	67CTN1	8	Đạt
2147	2147	2551200258	Lê Đức	Nhân	67CĐT2	6.6	Đạt
2148	2148	2551170930	Nguyễn Đức	Nhân	67KTPM2	3	
2149	2149	2551093078	Trần Huy	Nhân	67MT1	Vắng thi	
2150	2150	2551075095	Trịnh Quang	Nhân	67CTN1	3	
2151	2151	2551050101	Đỗ Trần Minh	Nhật	67CK2	Vắng thi	
2152	2152	2551160802	Hoàng Minh	Nhật	67HTTT2	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2153	2153	2551041600	Kim Đức	Nhật	67CX4	2.6	
2154	2154	2551050102	Lê Phú	Nhật	67CK1	3	
2155	2155	2551111841	Ngô Trung	Nhật	67CT3	3.6	
2156	2156	2551060660	Nguyễn Đức	Nhật	67CNTT2	2.8	
2157	2157	2551200259	Nguyễn Gia	Nhật	67CDT1	5.2	Đạt
2158	2158	2551230513	Nguyễn Hữu	Nhật	67KTO1	3	
2159	2159	2551220373	Nguyễn Long	Nhật	67CTM1	3.2	
2160	2160	2551212618	Nguyễn Minh	Nhật	67TĐH1	7.2	Đạt
2161	2161	2551122452	Lê Đình Trần	Phương	67KTĐ3	4.6	Đạt
2162	2162	2551183225	Lê Thị	Phương	67KTH1	Vắng thi	
2163	2163	2551132039	Lê Tuấn	Phương	67GT1	2	
2164	2164	2554054399	Ngô Thị Thu	Phương	67TMĐT1	2.6	
2165	2165	2554014116	Ngô Thu	Phương	67K2	4.4	Đạt
2166	2166	2554014117	Ngô Thu	Phương	67K2	6.2	Đạt
2167	2167	2551242807	Nguyễn Đức	Phương	67ĐTVT3	Vắng thi	
2168	2168	2554023510	Nguyễn Mai	Phương	67QT1	3.4	
2169	2169	2551183226	Nguyễn Ngọc Ngân	Phương	67KTH2	9	Đạt
2170	2170	2553025484	Nguyễn Thị	Phương	67LUAT KT2	4	Đạt
2171	2171	2553015350	Nguyễn Thị	Phương	67LUAT2	Vắng thi	
2172	2172	2551034990	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	67V1	2.4	
2173	2173	2551142250	Nguyễn Thu	Phương	67QLXD2	Vắng thi	
2174	2174	2553025485	Nguyễn Thu	Phương	67LUAT KT2	3.2	
2175	2175	2554074671	Phạm Nguyễn Anh	Phương	67LG2	Vắng thi	
2176	2176	2554074672	Phạm Thị Minh	Phương	67LG1	3.6	
2177	2177	2551111851	Phan Xuân	Phương	67CT1	4	Đạt
2178	2178	2551142251	Trần Hà	Phương	67QLXD3	5.6	Đạt
2179	2179	2554033649	Trần Thị Minh	Phương	67KT2	Vắng thi	
2180	2180	2553025486	Trần Thị Thanh	Phương	67LUAT KT1	3.6	
2181	2181	2551050114	Vũ Hữu Minh	Phương	67CK1	Vắng thi	
2182	2182	2551142252	Vũ Thị Thanh	Phương	67QLXD3	2	
2183	2183	2554033650	Đỗ Thị Bích	Phương	67KT2	2.8	
2184	2184	2553025487	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	67LUAT KT2	4.2	Đạt
2185	2185	2553025488	Phùng Kim	Phương	67LUAT KT1	Vắng thi	
2186	2186	2554093907	Vũ Minh	Phương	67KTA1	7.4	Đạt
2187	2187	2554083774	Vũ Thị	Phương	67TCNH2	5.4	Đạt
2188	2188	2551212623	Bùi Minh	Quân	67TĐH2	6	Đạt
2189	2189	2551111852	Đỗ Anh	Quân	67CT2	4.8	Đạt
2190	2190	2551242809	Đoàn Mạnh	Quân	67ĐTVT1	8.6	Đạt
2191	2191	2551075102	Dương Anh	Quân	67CTN2	9.2	Đạt
2192	2192	2551122453	Dương Văn	Quân	67KTĐ1	3	
2193	2193	2551111853	Hà Phạm Anh	Quân	67CT1	5.6	Đạt
2194	2194	2551122454	Hồ Khắc Hải	Quân	67KTĐ3	2.6	
2195	2195	2551041614	Hoàng Anh	Quân	67CX4	Vắng thi	
2196	2196	2551111854	Lê Minh	Quân	67CT3	4	Đạt
2197	2197	2551041615	Lê Minh	Quân	67CX2	2.6	
2198	2198	2551282969	Lê Văn	Quân	67KTRB2	2.4	
2199	2199	2551122455	Lò Văn	Quân	67KTĐ1	2.8	
2200	2200	2551183227	Lưu Hồng	Quân	67KTH2	Vắng thi	
2201	2201	2551111856	Ngô Minh	Quân	67CT1	6.6	Đạt
2202	2202	2551230523	Nguyễn Anh	Quân	67KTO2	Vắng thi	
2203	2203	2551050115	Nguyễn Anh	Quân	67CK2	Vắng thi	
2204	2204	2551271202	Nguyễn Đức	Quân	67ANM2	6.8	Đạt
2205	2205	2553015352	Nguyễn Hữu	Quân	67LUAT1	3.4	
2206	2206	2551132042	Nguyễn Minh	Quân	67GT2	3.6	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2207	2207	2551142254	Nguyễn Thanh	Quân	67QLXD2	Vắng thi	
2208	2208	2554044275	Nguyễn Trọng	Quân	67KTXD1	Vắng thi	
2209	2209	2551261072	Nguyễn Xuân	Quân	67TTNT1	3.2	
2210	2210	2551111858	Phạm Văn	Quân	67CT2	2.4	
2211	2211	2551075103	Phan Nguyên	Quân	67CTN1	3.8	
2212	2212	2551271203	Phan Tất	Quân	67ANM1	3.2	
2213	2213	2551230524	Tạ Anh	Quân	67KTO2	3.4	
2214	2214	2551230525	Thiều Thủ	Quân	67KTO1	6	Đạt
2215	2215	2551122456	Trần Đắc	Quân	67KTĐ2	Vắng thi	
2216	2216	2551075104	Trần Hoàng	Quân	67CTN1	Vắng thi	
2217	2217	2551242811	Trần Hồng	Quân	67ĐTVT2	6.4	Đạt
2218	2218	2551011359	Trần Minh	Quân	67C2	2.6	
2219	2219	2551122457	Trần Nhật	Quân	67KTĐ2	Vắng thi	
2220	2220	2551212625	Trần Văn	Quân	67TDH1	4.6	Đạt
2221	2221	2551093092	Trần Việt Minh	Quân	67MT2	3.8	
2222	2222	2551200271	Triệu Văn	Quân	67CĐT2	3	
2223	2223	2551220382	Trương Hồng	Quân	67CTM1	Vắng thi	
2224	2224	2551060669	Vũ Đức	Quân	67CNTT2	3.4	
2225	2225	2551041618	Vũ Minh	Quân	67CX3	5.8	Đạt
2226	2226	2551024869	Vương Minh	Quân	67N2	2.2	
2227	2227	2551122458	Bùi Huy	Quang	67KTĐ3	2.4	
2228	2228	2551193370	Bùi Minh	Quang	67CNSH1	3.6	
2229	2229	2551111861	Đặng Đình	Quang	67CT2	Vắng thi	
2230	2230	2551132044	Đặng Văn	Quang	67GT2	1.6	
2231	2231	2551011360	Đình Văn	Quang	67C1	Vắng thi	
2232	2232	2553025489	Đỗ Trung	Quang	67LUAT KT2	3.6	
2233	2233	2551111862	Đỗ Việt	Quang	67CT3	Vắng thi	
2234	2234	2551220383	Hồ Duy	Quang	67CTM2	4.8	Đạt
2235	2235	2551050118	Hoàng Ngọc	Quang	67CK1	2.6	
2236	2236	2551060671	La Ngọc	Quang	67CNTT1	9.2	Đạt
2237	2237	2551200272	Lê Sỹ	Quang	67CĐT2	4.4	Đạt
2238	2238	2553015353	Lưu Minh	Quang	67LUAT2	3.4	
2239	2239	2553015354	Nguyễn Chí	Quang	67LUAT1	5	Đạt
2240	2240	2551122459	Nguyễn Công	Quang	67KTĐ3	Vắng thi	
2241	2241	2551060672	Nguyễn Duy	Quang	67CNTT2	4.2	Đạt
2242	2242	2551050119	Nguyễn Hữu	Quang	67CK1	Vắng thi	
2243	2243	2554054401	Nguyễn Minh	Quang	67TMĐT2	3.8	
2244	2244	2551011361	Nguyễn Tiến	Quang	67C2	Vắng thi	
2245	2245	2551220384	Nguyễn Văn	Quang	67CTM2	4.4	Đạt
2246	2246	2551271205	Nguyễn Việt	Quang	67ANM2	Vắng thi	
2247	2247	2554083775	Nguyễn Vũ Vinh	Quang	67TCNH2	3	
2248	2248	2551050120	Phạm Đức	Quang	67CK2	4.2	Đạt
2249	2249	2551075106	Phạm Xuân	Quang	67CTN2	5.8	Đạt
2250	2250	2551261073	Tạ Phùng Phú	Quang	67TTNT2	4.6	Đạt
2251	2251	2551170937	Trần Đăng	Quang	67KTPM1	Vắng thi	
2252	2252	2551041621	Trần Hữu	Quang	67CX1	3.6	
2253	2253	2551200273	Trần Lê	Quang	67CĐT2	1.6	
2254	2254	2551242812	Trần Minh	Quang	67ĐTVT2	4	Đạt
2255	2255	2551122460	Trần Trọng	Quang	67KTĐ1	4	Đạt
2256	2256	2551282971	Trần Vinh	Quang	67KTRB2	Vắng thi	
2257	2257	2554074674	Vi Linh	Quang	67LG1	4.8	Đạt
2258	2258	2554014121	Vũ Minh	Quang	67K2	6.8	Đạt
2259	2259	2553015355	Vũ Ngọc	Quang	67LUAT1	3	
2260	2260	2551212626	Nguyễn Hữu	Quảng	67TDH1	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2261	2261	2551193371	Cao Kiên	Quốc	67CNSH2	Vắng thi	
2262	2262	2551011362	Đậu Xuân	Quốc	67C2	Vắng thi	
2263	2263	2551230528	Doãn Anh	Quốc	67KTO1	3.4	
2264	2264	2551142255	Nguyễn Anh	Quốc	67QLXD1	4.2	Đạt
2265	2265	2551122463	Nguyễn Hùng Anh	Quốc	67KTĐ3	Vắng thi	
2266	2266	2551261074	Nguyễn Kiên	Quốc	67TTNT2	4.6	Đạt
2267	2267	2551230529	Trần Anh	Quốc	67KTO2	6	Đạt
2268	2268	2551200274	Võ Đình	Quốc	67CDT2	3	
2269	2269	2551060673	Đào Văn Phú	Quý	67CNTT1	3.8	
2270	2270	2553025490	Lê Ngọc	Quý	67LUAT KT2	5.2	Đạt
2271	2271	2551122465	Nguyễn Phú	Quý	67KTĐ3	2.4	
2272	2272	2554033651	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	67KT1	6.2	Đạt
2273	2273	2551060674	Phạm Minh	Quý	67CNTT2	2.8	
2274	2274	2551060675	Phan Hồng	Quý	67CNTT1	6.6	Đạt
2275	2275	2551271206	Trịnh Đại	Quý	67ANM2	5	Đạt
2276	2276	2554083776	Đặng Thị Tú	Quyên	67TCNH1	6.6	Đạt
2277	2277	2554054402	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	67TMĐT1	2.4	
2278	2278	2554033652	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	67KT2	3.2	
2279	2279	2551261075	Phùng Vũ	Quyên	67TTNT2	6.2	Đạt
2280	2280	2554023514	Trần Thị Hồng	Quyên	67QT2	4.4	Đạt
2281	2281	2551041624	Nguyễn Hữu	Quyên	67CX3	Vắng thi	
2282	2282	2551282973	Phan Văn	Quyên	67KTRB2	3.8	
2283	2283	2551220386	Hoàng	Quyên	67CTM2	2.4	
2284	2284	2551212627	Nguyễn Mạnh	Quyên	67TĐH1	5	Đạt
2285	2285	2551111864	Nguyễn Mạnh	Quyên	67CT3	4.4	Đạt
2286	2286	2551041625	Nguyễn Văn	Quyên	67CX4	3.2	
2287	2287	2551041626	Trần Ngọc	Quyên	67CX3	2	
2288	2288	2551011363	Lò Văn	Quyết	67C1	Vắng thi	
2289	2289	2551212628	Nguyễn Minh	Quyết	67TĐH2	6.6	Đạt
2290	2290	2551111865	Phạm Văn	Quyết	67CT1	5.6	Đạt
2291	2291	2551170938	Phùng Sỹ	Quyết	67KTPM2	6	Đạt
2292	2292	2554054403	Đàm Như	Quỳnh	67TMĐT1	3.8	
2293	2293	2553015356	Đỗ Mạnh	Quỳnh	67LUAT1	Vắng thi	
2294	2294	2551142257	Dương Như	Quỳnh	67QLXD2	Vắng thi	
2295	2295	2551242813	Lê Như	Quỳnh	67ĐTVT2	4.4	Đạt
2296	2296	2551183231	Lò Diệp	Quỳnh	67KTH2	3	
2297	2297	2554044279	Lưu Thị	Quỳnh	67KTXD2	4	Đạt
2298	2298	2554023515	Nguyễn Hương	Quỳnh	67QT1	3.2	
2299	2299	2553015357	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	67LUAT2	Vắng thi	
2300	2300	2554023516	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	67QT2	4.4	Đạt
2301	2301	2554074675	Nguyễn Như	Quỳnh	67LG2	4.2	Đạt
2302	2302	2554083777	Nguyễn Thị	Quỳnh	67TCNH2	4.2	Đạt
2303	2303	2554054405	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	67TMĐT2	5.4	Đạt
2304	2304	2551170939	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	67KTPM1	Vắng thi	
2305	2305	2554093909	Nguyễn Trúc	Quỳnh	67KTA2	Vắng thi	
2306	2306	2554023517	Phạm Như	Quỳnh	67QT2	2.8	
2307	2307	2551142258	Phạm Thị Như	Quỳnh	67QLXD2	3	
2308	2308	2551024871	Phạm Tiến	Quỳnh	67N2	Vắng thi	
2309	2309	2551060677	Phùng Ngọc	Quỳnh	67CNTT2	3.4	
2310	2310	2554014124	Tô Diễm	Quỳnh	67K2	4.2	Đạt
2311	2311	2551170940	Trần Mạnh	Quỳnh	67KTPM1	4	Đạt
2312	2312	2551261076	Trần Thị	Quỳnh	67TTNT2	3.8	
2313	2313	2554083778	Trần Thị Như	Quỳnh	67TCNH1	4	Đạt
2314	2314	2553025491	Vũ Đặng Ngọc	Quỳnh	67LUAT KT1	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2315	2315	2553025492	Lâm Văn	Sắc	67LUAT KT1	3.6	
2316	2316	2551122466	Bùi Thái	Sang	67KTĐ1	5	Đạt
2317	2317	2554044280	Đào Quang	Sang	67KTXD1	Vắng thi	
2318	2318	2551122467	Lê Văn	Sang	67KTĐ2	3.6	
2319	2319	2551142259	Nguyễn Công	Sang	67QLXD3	2.6	
2320	2320	2551132047	Nguyễn Trọng	Sang	67GT1	Vắng thi	
2321	2321	2554014125	Nguyễn Tuấn	Sang	67K2	5	Đạt
2322	2322	2551132048	Nguyễn Đại	Sáng	67GT1	Vắng thi	
2323	2323	2551111866	Nguyễn Đăng	Sáng	67CT2	Vắng thi	
2324	2324	2551242814	Nguyễn Quang	Sáng	67ĐTVT2	5	Đạt
2325	2325	2551160811	Phạm Quang	Sáng	67HTTT1	Vắng thi	
2326	2326	2551200278	Thiều Quang	Sáng	67CĐT1	4	Đạt
2327	2327	2551011366	Bách Công	Son	67C1	Vắng thi	
2328	2328	2551024872	Cao Đức	Son	67N1	3	
2329	2329	2551024873	Cù Minh	Son	67N1	Vắng thi	
2330	2330	2551230531	Đào Danh	Son	67KTO1	4	Đạt
2331	2331	2551060679	Đình Hải	Son	67CNTT2	8	Đạt
2332	2332	2551220387	Đồng Văn Trường	Son	67CTM1	Vắng thi	
2333	2333	2551193373	Hoàng Hải	Son	67CNSH2	2.4	
2334	2334	2551230533	Hoàng Thái	Son	67KTO1	5	Đạt
2335	2335	2551122470	Trần Minh	Tâm	67KTĐ1	3.6	
2336	2336	2551093099	Trần Mỹ	Tâm	67MT2	3.2	
2337	2337	2551193374	Triệu Văn	Tâm	67CNSH2	3	
2338	2338	2551011372	Bùi Thanh	Tân	67C2	3.2	
2339	2339	2551160816	Đặng Ngọc	Tân	67HTTT2	6.6	Đạt
2340	2340	2551122471	Hoàng Đức	Tân	67KTĐ1	3	
2341	2341	2551024876	Nguyễn Nhật	Tân	67N2	6.4	Đạt
2342	2342	2551122473	Đặng Quốc	Thái	67KTĐ3	3.4	
2343	2343	2551093100	Đào Hà	Thái	67MT1	3	
2344	2344	2551034995	Hoàng Nam	Thái	67V1	2.8	
2345	2345	2551183234	Hoàng Nhật	Thái	67KTH2	Vắng thi	
2346	2346	2551160817	Lê Huy	Thái	67HTTT1	6.8	Đạt
2347	2347	2551041634	Nguyễn Bảo	Thái	67CX4	Vắng thi	
2348	2348	2551142267	Nguyễn Đức	Thái	67QLXD2	2.8	
2349	2349	2551170946	Nguyễn Thành	Thái	67KTPM2	Vắng thi	
2350	2350	2551041636	Nguyễn Văn	Thái	67CX3	2.8	
2351	2351	2554014129	Nguyễn Văn	Thái	67K1	Vắng thi	
2352	2352	2551041638	Phan	Thái	67CX1	3	
2353	2353	2553025497	Trần Đông	Thái	67LUAT KT2	Vắng thi	
2354	2354	2551242824	Trần Hoàng	Thái	67ĐTVT3	4.2	Đạt
2355	2355	2551220393	Trần Minh	Thái	67CTM1	3	
2356	2356	2551122474	Trần Trung	Thái	67KTĐ3	3.4	
2357	2357	2551122475	Trịnh Văn	Thái	67KTĐ3	3.2	
2358	2358	2551050128	Trịnh Văn	Thái	67CK2	3.4	
2359	2359	2551075112	Trương Nguyễn Gia	Thái	67CTN1	Vắng thi	
2360	2360	2554074681	Từ Cảnh	Thái	67LG1	3.4	
2361	2361	2554023519	Đặng Thị	Thắm	67QT2	3.2	
2362	2362	2551111868	Vũ Duy	Thắng	67CT2	3.8	
2363	2363	2551200283	Bùi Đức	Thắng	67CĐT1	Vắng thi	
2364	2364	2551105234	Bùi Nguyễn	Thắng	67H2	4.8	Đạt
2365	2365	2551111869	Chữ Đức	Thắng	67CT2	6.2	Đạt
2366	2366	2551220394	Đặng Minh	Thắng	67CTM2	2.6	
2367	2367	2551111870	Đỗ Hữu	Thắng	67CT1	2.2	
2368	2368	2553025498	Đỗ Minh	Thắng	67LUAT KT2	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2369	2369	2551011374	Đỗ Văn	Thắng	67C2	Vắng thi	
2370	2370	2551183235	Dương Trọng	Thắng	67KTH1	Vắng thi	
2371	2371	2551041641	Hoàng Đức	Thắng	67CX2	3.2	
2372	2372	2551093102	Lâm Ngọc Anh	Thắng	67MT1	3.4	
2373	2373	2551200284	Lê Trung	Thắng	67CDT2	5.2	Đạt
2374	2374	2551230541	Lê Văn	Thắng	67KTO1	2.6	
2375	2375	2551041642	Lê Văn Quang	Thắng	67CX3	Vắng thi	
2376	2376	2554083781	Lưu Hà Anh	Thắng	67TCNH2	4	Đạt
2377	2377	2551041643	Nguyễn Đức	Thắng	67CX2	5.2	Đạt
2378	2378	2551282978	Nguyễn Đức	Thắng	67KTRB1	4	Đạt
2379	2379	2551282976	Nguyễn Đức	Thắng	67KTRB1	4.8	Đạt
2380	2380	2551282977	Nguyễn Đức	Thắng	67KTRB2	3.6	
2381	2381	2551142268	Nguyễn Hữu	Thắng	67QLXD3	5.4	Đạt
2382	2382	2551024880	Nguyễn Hữu	Thắng	67N2	8.2	Đạt
2383	2383	2551111871	Nguyễn Minh	Thắng	67CT3	2.4	
2384	2384	2551282979	Nguyễn Nam	Thắng	67KTRB1	4.8	Đạt
2385	2385	2551122476	Nguyễn Tiến	Thắng	67KTĐ2	Vắng thi	
2386	2386	2551041644	Nguyễn Trọng	Thắng	67CX1	4.2	Đạt
2387	2387	2551200285	Nguyễn Văn	Thắng	67CDT2	4	Đạt
2388	2388	2551122477	Phạm Đức	Thắng	67KTĐ2	Vắng thi	
2389	2389	2551060687	Phạm Quang	Thắng	67CNTT2	4	Đạt
2390	2390	2554044284	Phạm Quyết	Thắng	67KTXD2	6.8	Đạt
2391	2391	2554054409	Phạm Thế Toàn	Thắng	67TMĐT2	3.8	
2392	2392	2551160818	Phùng Tất	Thắng	67HTTT1	4.2	Đạt
2393	2393	2551041646	Trần Đình	Thắng	67CX3	Vắng thi	
2394	2394	2551034997	Trần Mạnh	Thắng	67V1	6.8	Đạt
2395	2395	2551041647	Trần Văn	Thắng	67CX4	2.6	
2396	2396	2551050129	Vũ Việt	Thắng	67CK1	4.2	Đạt
2397	2397	2551105235	Bùi Duy	Thanh	67H1	3	
2398	2398	2551093103	Dương Chí	Thanh	67MT2	6.6	Đạt
2399	2399	2551193375	Hoàng Hà	Thanh	67CNSH2	Vắng thi	
2400	2400	2554023520	Ngô Thị Phương	Thanh	67QT1	3.6	
2401	2401	2551160819	Nguyễn Ngọc Thanh	Thanh	67HTTT2	4.8	Đạt
2402	2402	2551282980	Nguyễn Vũ Chí	Thanh	67KTRB1	Vắng thi	
2403	2403	2551050130	Phạm Văn	Thanh	67CK1	Vắng thi	
2404	2404	2551024881	Phan Đình	Thanh	67N2	Vắng thi	
2405	2405	2551105236	Bùi Đức	Thành	67H1	Vắng thi	
2406	2406	2551142269	Đặng Tiến	Thành	67QLXD2	3.2	
2407	2407	2551111874	Đình Thế	Thành	67CT2	2.8	
2408	2408	2551111875	Đỗ Tiến	Thành	67CT1	3.6	
2409	2409	2551183236	Đỗ Tiến	Thành	67KTH2	7	Đạt
2410	2410	2551093105	Doãn Đình	Thành	67MT1	3.4	
2411	2411	2551230544	Đoàn Đức	Thành	67KTO1	6	Đạt
2412	2412	2551041648	Dương Đăng	Thành	67CX1	Vắng thi	
2413	2413	2551093106	Hoàng Sơn	Thành	67MT1	Vắng thi	
2414	2414	2551282981	Lã Duy	Thành	67KTRB1	3.6	
2415	2415	2551093107	La Việt	Thành	67MT1	5.2	Đạt
2416	2416	2551050131	Lại Công	Thành	67CK1	5.4	Đạt
2417	2417	2551282982	Lê Đức	Thành	67KTRB1	3	
2418	2418	2551111876	Lê Phú	Thành	67CT3	2.6	
2419	2419	2551011377	Lê Tất	Thành	67C1	Vắng thi	
2420	2420	2551170948	Nguyễn Bá	Thành	67KTPM1	5.2	Đạt
2421	2421	2551160820	Nguyễn Công	Thành	67HTTT2	4.4	Đạt
2422	2422	2551261083	Nguyễn Công	Thành	67TTNT2	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2423	2423	2551230545	Nguyễn Công	Thành	67KTO1	7.8	Đạt
2424	2424	2551230546	Nguyễn Doãn	Thành	67KTO2	4.2	Đạt
2425	2425	2551060689	Nguyễn Đức	Thành	67CNTT1	4.8	Đạt
2426	2426	2551050132	Nguyễn Duy	Thành	67CK1	5	Đạt
2427	2427	2551230548	Nguyễn Hữu	Thành	67KTO2	Vắng thi	
2428	2428	2551282983	Nguyễn Hữu	Thành	67KTRB1	Vắng thi	
2429	2429	2551060690	Nguyễn Huy	Thành	67CNTT2	7	Đạt
2430	2430	2551230549	Nguyễn Tất	Thành	67KTO1	6.2	Đạt
2431	2431	2551261084	Nguyễn Tiến	Thành	67TTNT1	Vắng thi	
2432	2432	2551193376	Nguyễn Trung	Thành	67CNSH1	7.2	Đạt
2433	2433	2551111877	Nguyễn Văn	Thành	67CT3	2	
2434	2434	2551230550	Nguyễn Xuân	Thành	67KTO2	2.6	
2435	2435	2551170949	Phạm Đăng Tiến	Thành	67KTPM2	Vắng thi	
2436	2436	2554023521	Phạm Đức	Thành	67QT2	Vắng thi	
2437	2437	2551034998	Phạm Văn	Thành	67V1	3	
2438	2438	2551200287	Phạm Văn	Thành	67CĐT2	2.2	
2439	2439	2551230551	Phan Quốc	Thành	67KTO2	4.2	Đạt
2440	2440	2551122479	Trần Đạt	Thành	67KTĐ1	Vắng thi	
2441	2441	2551122480	Trần Ngọc	Thành	67KTĐ1	Vắng thi	
2442	2442	2551060692	Trần Tiến	Thành	67CNTT2	4.6	Đạt
2443	2443	2551105237	Trần Việt	Thành	67H2	3.2	
2444	2444	2551212635	Trịnh Bá	Thành	67TDH2	Vắng thi	
2445	2445	2551271218	Trịnh Quang	Thành	67ANM2	Vắng thi	
2446	2446	2553025499	Đào Thanh	Thảo	67LUAT KT2	4.6	Đạt
2447	2447	2554104773	Đỗ Thị Phương	Thảo	67KTS	4	Đạt
2448	2448	2551024882	Hoàng Thị Phương	Thảo	67N1	2.8	
2449	2449	2554014130	Hoàng Thị Phương	Thảo	67K1	Vắng thi	
2450	2450	2551160822	Lê Thanh	Thảo	67HTTT1	3.8	
2451	2451	2554023522	Nghiêm Phương	Thảo	67QT1	Vắng thi	
2452	2452	2554083784	Ngô Thị Phương	Thảo	67TCNH2	5.8	Đạt
2453	2453	2551034999	Nguyễn Hà Phương	Thảo	67V1	5.8	Đạt
2454	2454	2554023523	Nguyễn Phương	Thảo	67QT1	4.6	Đạt
2455	2455	2554093916	Nguyễn Phương	Thảo	67KTA2	4	Đạt
2456	2456	2554083785	Nguyễn Phương	Thảo	67TCNH2	3	
2457	2457	2554083786	Nguyễn Thanh	Thảo	67TCNH2	3	
2458	2458	2551183238	Nguyễn Thanh	Thảo	67KTH1	Vắng thi	
2459	2459	2551170952	Nguyễn Thị	Thảo	67KTPM2	3	
2460	2460	2554023524	Nguyễn Thị Hiền	Thảo	67QT2	4.8	Đạt
2461	2461	2551282985	Nguyễn Thị Phương	Thảo	67KTRB1	3.8	
2462	2462	2554014131	Nguyễn Thị Phương	Thảo	67K2	Vắng thi	
2463	2463	2551183239	Nguyễn Thị Phương	Thảo	67KTH2	4.8	Đạt
2464	2464	2554083787	Nguyễn Thị Phương	Thảo	67TCNH1	4.2	Đạt
2465	2465	2554033658	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	67KT1	6	Đạt
2466	2466	2554074684	Nông Thị Thanh	Thảo	67LG1	4.2	Đạt
2467	2467	2553015363	Phạm Diệu	Thảo	67LUAT1	5.6	Đạt
2468	2468	2553025500	Phạm Hương	Thảo	67LUAT KT2	Vắng thi	
2469	2469	2554014132	Phạm Phương	Thảo	67K2	4.4	Đạt
2470	2470	2554033659	Phạm Phương	Thảo	67KT2	Vắng thi	
2471	2471	2551142271	Phạm Thanh	Thảo	67QLXD3	3.4	
2472	2472	2551093109	Phạm Thị Phương	Thảo	67MT1	3.4	
2473	2473	2551041652	Phạm Xuân	Thảo	67CX1	3.4	
2474	2474	2551242827	Phùng Thế	Thảo	67ĐTVT1	3	
2475	2475	2551035001	Trần Thị Phương	Thảo	67V1	Vắng thi	
2476	2476	2554113948	Trịnh Thị Phương	Thảo	67ACCA	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2477	2477	2551193378	Trương Thị Thanh	Thảo	67CNSH1	4.6	Đạt
2478	2478	2554074687	Võ Thị	Thảo	67LG2	Vắng thi	
2479	2479	2554054413	Vũ Thị Phương	Thảo	67TMĐT2	5.2	Đạt
2480	2480	2551142261	Hoàng Thái	Sơn	67QLXD1	4.8	Đạt
2481	2481	2551093095	Hoàng Văn	Sơn	67MT2	6.6	Đạt
2482	2482	2551060680	Lê Công	Sơn	67CNTT1	4.8	Đạt
2483	2483	2551242815	Lê Hoàng	Sơn	67ĐTVT1	5	Đạt
2484	2484	2551261078	Lê Nam	Sơn	67TTNT2	7.6	Đạt
2485	2485	2551060681	Lê Văn	Sơn	67CNTT2	4.8	Đạt
2486	2486	2551170944	Mai Đình	Sơn	67KTPM2	3.8	
2487	2487	2551105232	Nguyễn Đăng Trường	Sơn	67H2	Vắng thi	
2488	2488	2551160812	Nguyễn Hoàng Đăng	Sơn	67HTTT1	3.2	
2489	2489	2551041630	Nguyễn Hồng	Sơn	67CX3	1.6	
2490	2490	2551160813	Nguyễn Hồng	Sơn	67HTTT1	3.6	
2491	2491	2551230534	Nguyễn Hùng	Sơn	67KTO1	Vắng thi	
2492	2492	2554075842	Nguyễn Hùng	Sơn	67LG2	Vắng thi	
2493	2493	2551242816	Nguyễn Khánh	Sơn	67ĐTVT2	7.6	Đạt
2494	2494	2551093096	Nguyễn Nam	Sơn	67MT1	Vắng thi	
2495	2495	2551282975	Nguyễn Ngọc	Sơn	67KTRB2	3.6	
2496	2496	2551122468	Nguyễn Thành	Sơn	67KTĐ3	3.8	
2497	2497	2551160815	Nguyễn Tiến	Sơn	67HTTT2	2.6	
2498	2498	2551200279	Nguyễn Trường	Sơn	67CDT1	8.6	Đạt
2499	2499	2551075108	Nguyễn Xuân	Sơn	67CTN2	2.8	
2500	2500	2551230535	Phạm Đình	Sơn	67KTO2	Vắng thi	
2501	2501	2551105233	Thâm Khánh	Sơn	67H2	6	Đạt
2502	2502	2551220391	Trần Ngọc Trường	Sơn	67CTM1	2.2	
2503	2503	2551230536	Trần Quang	Sơn	67KTO2	Vắng thi	
2504	2504	2554074677	Trần Thanh	Sơn	67LG2	Vắng thi	
2505	2505	2551050123	Trịnh Thanh	Sơn	67CK2	Vắng thi	
2506	2506	2551075109	Trương Minh	Sơn	67CTN1	Vắng thi	
2507	2507	2551200280	Vũ Đình Giang	Sơn	67CDT2	8.2	Đạt
2508	2508	2551230537	Vũ Ngọc Hải	Sơn	67KTO1	3.8	
2509	2509	2551242818	Vũ Thái	Sơn	67ĐTVT3	Vắng thi	
2510	2510	2553025494	Nguyễn Thanh	Sông	67LUAT KT2	4.6	Đạt
2511	2511	2551230538	Hoàng Trung	Sỹ	67KTO2	Vắng thi	
2512	2512	2553015359	Phạm Đức	Tá	67LUAT2	Vắng thi	
2513	2513	2551200281	Đình Mạnh	Tài	67CDT1	8.2	Đạt
2514	2514	2551132049	Đỗ Đức	Tài	67GT1	3.6	
2515	2515	2551242820	Lê Anh	Tài	67ĐTVT3	6	Đạt
2516	2516	2551093097	Lê Tuấn	Tài	67MT1	2.8	
2517	2517	2551093098	Nguyễn Khắc	Tài	67MT2	4	Đạt
2518	2518	2551011369	Nguyễn Trọng	Tài	67C1	3.6	
2519	2519	2554074678	Phạm Đức	Tài	67LG1	2.8	
2520	2520	2551142264	Phùng Ngọc	Tài	67QLXD3	5.2	Đạt
2521	2521	2551271212	Trần Anh	Tài	67ANM1	4.4	Đạt
2522	2522	2551212632	Vũ Ngọc	Tài	67TDH2	3.8	
2523	2523	2554083779	Bùi Minh	Tâm	67TCNH1	3.8	
2524	2524	2554093910	Đào Minh	Tâm	67KTA1	Vắng thi	
2525	2525	2553015360	Đình Ngọc Thanh	Tâm	67LUAT1	3	
2526	2526	2551230540	Hà Minh	Tâm	67KTO2	Vắng thi	
2527	2527	2551050125	Hoàng Văn	Tâm	67CK2	7.4	Đạt
2528	2528	2551271213	Lê Khánh	Tâm	67ANM1	Vắng thi	
2529	2529	2551132050	Lương Trọng	Tâm	67GT1	2.8	
2530	2530	2553025496	Nguyễn Đình	Tâm	67LUAT KT1	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2531	2531	2551122469	Nguyễn Đức	Tâm	67KTĐ2	4.6	Đạt
2532	2532	2551075110	Nguyễn Đức	Tâm	67CTN2	Vắng thi	
2533	2533	2553015361	Nguyễn Hoàng	Tâm	67LUAT1	3.6	
2534	2534	2554014126	Nguyễn Minh	Tâm	67K1	3.8	
2535	2535	2554074679	Nguyễn Nhật	Tâm	67LG2	4.8	Đạt
2536	2536	2554054408	Nguyễn Thành	Tâm	67TMĐT1	5.4	Đạt
2537	2537	2551060685	Nguyễn Thị	Tâm	67CNTT1	3.8	
2538	2538	2551142272	Vũ Thị Phương	Thảo	67QLXD1	3.2	
2539	2539	2554083788	Vũ Thị Phương	Thảo	67TCNH2	6.8	Đạt
2540	2540	2551132053	Vũ Mạnh	Thế	67GT1	2	
2541	2541	2551111879	Vương Xuân	Thế	67CT2	8	Đạt
2542	2542	2551105238	Đỗ Thiện	Thế	67H1	2.2	
2543	2543	2551242828	Nguyễn Thị Bảo	Thị	67ĐTVT1	4	Đạt
2544	2544	2551093110	Trần Đức Hiếu	Thiên	67MT2	4	Đạt
2545	2545	2551122481	Nguyễn Đình	Thiện	67KTĐ3	Vắng thi	
2546	2546	2551111880	Nguyễn Hữu	Thiện	67CT1	Vắng thi	
2547	2547	2551060693	Nguyễn Ngọc	Thiện	67CNTT1	4.2	Đạt
2548	2548	2551050134	Nguyễn Phước	Thiện	67CK2	2.8	
2549	2549	2551111881	Nguyễn Thành	Thiện	67CT3	Vắng thi	
2550	2550	2553015364	Phạm Thị Hương	Thiện	67LUAT2	2	
2551	2551	2551050135	Nguyễn Quốc	Thiếp	67CK2	3.6	
2552	2552	2551075115	Vũ Văn	Thiệp	67CTN1	3.2	
2553	2553	2551242829	Bùi Minh	Thiết	67ĐTVT2	8	Đạt
2554	2554	2551041654	Hoàng Minh	Thiết	67CX1	2.4	
2555	2555	2551050136	Phạm Minh	Thiết	67CK2	3	
2556	2556	2551200288	Bùi Đình	Thịnh	67CĐT1	9	Đạt
2557	2557	2554074688	Đào Duy	Thịnh	67LG2	3	
2558	2558	2551200289	Đỗ Hữu	Thịnh	67CĐT2	3.6	
2559	2559	2551183241	Hà Quang	Thịnh	67KTH1	Vắng thi	
2560	2560	2551212637	Hà Thái	Thịnh	67TĐH1	7	Đạt
2561	2561	2551111885	Nguyễn Xuân	Thịnh	67CT2	Vắng thi	
2562	2562	2551041655	Ong Thế	Thịnh	67CX4	Vắng thi	
2563	2563	2553015365	Phạm Văn	Thịnh	67LUAT2	Vắng thi	
2564	2564	2553025501	Phùng Đức	Thịnh	67LUAT KT1	4.4	Đạt
2565	2565	2551261086	Vũ Hưng	Thịnh	67TTNT1	6.8	Đạt
2566	2566	2551183243	Nguyễn Thị	Thơ	67KTH2	3	
2567	2567	2551261087	Nguyễn Thị Anh	Thơ	67TTNT2	3.6	
2568	2568	2551183244	Phạm Anh	Thơ	67KTH2	4.2	Đạt
2569	2569	2551111886	Lê Hữu	Thọ	67CT2	3.2	
2570	2570	2551242831	Nguyễn Vi	Thọ	67ĐTVT2	Vắng thi	
2571	2571	2551160825	Đỗ Thị Kim	Thoa	67HTTT1	5.6	Đạt
2572	2572	2551183245	Nguyễn Thị	Thoa	67KTH1	3.2	
2573	2573	2551111887	Hà Văn	Thông	67CT3	2.8	
2574	2574	2551261088	Lê Văn	Thông	67TTNT2	9.2	Đạt
2575	2575	2551111888	Phan Xuân	Thông	67CT1	3.4	
2576	2576	2551050137	Lê Văn	Thông	67CK1	3.2	
2577	2577	2551122483	Nguyễn Văn	Thông	67KTĐ1	Vắng thi	
2578	2578	2551212640	Trần Duy	Thông	67TĐH1	6.8	Đạt
2579	2579	2551093111	Dương Thị Phan	Thu	67MT1	3.4	
2580	2580	2554014135	Lê Mai	Thu	67K2	3.4	
2581	2581	2554014136	Ngô Thị	Thu	67K1	3.2	
2582	2582	2554064537	Nguyễn Thị	Thu	67QTDL1	3.4	
2583	2583	2554014137	Nguyễn Thị	Thu	67K2	3	
2584	2584	2554054415	Phạm Ngọc	Thu	67TMĐT1	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2585	2585	2551193379	Vi Quỳnh	Thu	67CNSH2	3.2	
2586	2586	2554093917	Vũ Huyền	Thu	67KTA2	6.2	Đạt
2587	2587	2554014138	Bùi Anh	Thu	67K2	4	Đạt
2588	2588	2553025502	Bùi Minh	Thu	67LUAT KT1	Vắng thi	
2589	2589	2554014139	Bùi Thanh	Thu	67K1	5.2	Đạt
2590	2590	2554093918	Đào Thị Vương	Thu	67KTA2	6.8	Đạt
2591	2591	2551142274	Đình Minh	Thu	67QLXD3	7.2	Đạt
2592	2592	2551170954	Đỗ Minh	Thu	67KTPM1	Vắng thi	
2593	2593	2551183246	Đoàn Thị	Thu	67KTH1	Vắng thi	
2594	2594	2554083789	Hoàng Thị	Thu	67TCNH1	3	
2595	2595	2554104776	Lê Minh	Thu	67KTS	3.4	
2596	2596	2551093112	Lê Thị Kim	Thu	67MT2	3.2	
2597	2597	2554023528	Nguyễn Anh	Thu	67QT1	3.8	
2598	2598	2553025503	Nguyễn Anh	Thu	67LUAT KT1	5.4	Đạt
2599	2599	2554044287	Nguyễn Đan	Thu	67KTXD2	Vắng thi	
2600	2600	2551183248	Nguyễn Hồ Anh	Thu	67KTH2	Vắng thi	
2601	2601	2554023529	Nguyễn Thị Anh	Thu	67QT1	2.8	
2602	2602	2551242832	Nguyễn Thị Anh	Thu	67ĐTVT3	Vắng thi	
2603	2603	2554033661	Nguyễn Thị Anh	Thu	67KT1	7	Đạt
2604	2604	2554083791	Phạm Thị Anh	Thu	67TCNH2	4.2	Đạt
2605	2605	2554044288	Quách Anh	Thu	67KTXD1	4.2	Đạt
2606	2606	2554023530	Trần Anh	Thu	67QT2	Vắng thi	
2607	2607	2551060696	Trần Anh	Thu	67CNTT2	10	Đạt
2608	2608	2554033662	Trần Thị Minh	Thu	67KT2	Vắng thi	
2609	2609	2554023531	Trịnh Anh	Thu	67QT1	6.8	Đạt
2610	2610	2554023532	Vũ Anh	Thu	67QT2	5.8	Đạt
2611	2611	2551271221	Cao Thị Hà	Thương	67ANM2	6.2	Đạt
2612	2612	2554074692	Lý Thị	Thương	67LG1	3	
2613	2613	2551160827	Nguyễn Thị Minh	Thương	67HTTT2	4.4	Đạt
2614	2614	2551011383	Vũ Thị Hoài	Thương	67C1	3.4	
2615	2615	2554033663	Phạm Thị	Thường	67KT1	3.8	
2616	2616	2551035004	Đỗ Đức	Thường	67V1	4.2	Đạt
2617	2617	2554033664	Trần Văn	Thường	67KT1	3.8	
2618	2618	2554023533	Nguyễn Phương	Thúy	67QT1	2.6	
2619	2619	2553025504	Trần Hạnh	Thúy	67LUAT KT1	7.4	Đạt
2620	2620	2554113949	Lê Thị	Thùy	67ACCA	3.8	
2621	2621	2551183249	Nguyễn Ngọc Phương	Thùy	67KTH1	2.8	
2622	2622	2554104780	Nguyễn Thu	Thùy	67KTS	3.2	
2623	2623	2554104781	Trần Thị	Thùy	67KTS	6.2	Đạt
2624	2624	2554083792	Vũ Thị Mai	Thùy	67TCNH2	6.2	Đạt
2625	2625	2554014142	Nguyễn Thanh	Thùy	67K2	5.6	Đạt
2626	2626	2554033665	Nguyễn Thị	Thùy	67KT2	6	Đạt
2627	2627	2554054420	Nguyễn Thị Phương	Thùy	67TMĐT1	3.4	
2628	2628	2551105240	Trần Thị Thu	Thùy	67H1	6.2	Đạt
2629	2629	2554014144	Trần Ngọc	Thụy	67K1	6.4	Đạt
2630	2630	2551271222	Trần Văn	Thuyết	67ANM1	2.6	
2631	2631	2553015367	Lê Bảo	Thy	67LUAT1	2.6	
2632	2632	2551035006	Phạm Bảo	Thy	67V2	4.4	Đạt
2633	2633	2554023534	Nguyễn Trịnh Thùy	Tiên	67QT2	3.2	
2634	2634	2554023535	Bùi Văn	Tiên	67QT2	3	
2635	2635	2551183251	Đặng Hồng	Tiên	67KTH2	Vắng thi	
2636	2636	2551200291	Đào Minh	Tiên	67CĐT1	4.2	Đạt
2637	2637	2551170956	Đỗ Đình Xuân	Tiên	67KTPM1	Vắng thi	
2638	2638	2551212642	Đỗ Minh	Tiên	67TDH2	4.6	Đạt

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2639	2639	2551170957	Dương Anh	Tiến	67KTPM1	3.2	
2640	2640	2551170958	Hà Thanh	Tiến	67KTPM2	Vắng thi	
2641	2641	2551060697	Hoàng Minh	Tiến	67CNTT2	3	
2642	2642	2551193382	Lại Việt	Tiến	67CNSH1	2.2	
2643	2643	2551230553	Lê Công	Tiến	67KTO1	3.6	
2644	2644	2551220397	Lê Đình	Tiến	67CTM2	Vắng thi	
2645	2645	2551011384	Lê Ngọc	Tiến	67C2	Vắng thi	
2646	2646	2551132055	Nguyễn Đạt	Tiến	67GT1	Vắng thi	
2647	2647	2551242835	Nguyễn Đức	Tiến	67ĐTVT1	5.8	Đạt
2648	2648	2551035007	Nguyễn Duy	Tiến	67V1	Vắng thi	
2649	2649	2551122487	Nguyễn Hữu Hùng	Tiến	67KTĐ1	Vắng thi	
2650	2650	2551142277	Nguyễn Huy	Tiến	67QLXD1	Vắng thi	
2651	2651	2551111890	Nguyễn Mạnh	Tiến	67CT1	6.2	Đạt
2652	2652	2551230555	Nguyễn Nam	Tiến	67KTO1	3.8	
2653	2653	2551050139	Nguyễn Phú Anh	Tiến	67CK2	3.6	
2654	2654	2551111892	Nguyễn Việt	Tiến	67CT3	8.6	Đạt
2655	2655	2551212643	Nguyễn Việt	Tiến	67TDH1	Vắng thi	
2656	2656	2551230556	Trần Văn	Tiến	67KTO2	Vắng thi	
2657	2657	2551122488	Trần Việt	Tiến	67KTĐ3	Vắng thi	
2658	2658	2551105241	Hoàng Đức	Tiếp	67H2	Vắng thi	
2659	2659	2551193383	Nguyễn Anh	Tiếp	67CNSH1	4.4	Đạt
2660	2660	2551122489	Trần Văn	Tiếp	67KTĐ3	4.8	Đạt
2661	2661	2551024887	Nguyễn Quang	Tĩnh	67N2	4.4	Đạt
2662	2662	2551242836	Trần Đồng Văn	Tĩnh	67ĐTVT2	3.8	
2663	2663	2551060698	Trần Văn	Tĩnh	67CNTT2	3.8	
2664	2664	2551050141	Hoàng Quý	Toán	67CK1	4.4	Đạt
2665	2665	2551200292	Nguyễn Văn	Toán	67CĐT1	5.4	Đạt
2666	2666	2554074694	Bùi Đức	Toàn	67LG2	2.6	
2667	2667	2551170962	Đặng Đình	Toàn	67KTPM2	3.4	
2668	2668	2551282987	Hồ Đức	Toàn	67KTRB2	3	
2669	2669	2551105242	Lê Đức Khánh	Toàn	67H1	5.8	Đạt
2670	2670	2551041657	Lê Tiến	Toàn	67CX4	Vắng thi	
2671	2671	2551060699	Nguyễn Đức	Toàn	67CNTT1	3.4	
2672	2672	2551093114	Nguyễn Hữu	Toàn	67MT1	4.8	Đạt
2673	2673	2551122491	Nguyễn Hữu Đức	Toàn	67KTĐ3	3.2	
2674	2674	2554104782	Nguyễn Văn	Toàn	67KTS	8.4	Đạt
2675	2675	2551261089	Nguyễn Việt	Toàn	67TTNT1	3.4	
2676	2676	2554023537	Nguyễn Xuân	Toàn	67CX1	Vắng thi	
2677	2677	2551035010	Phạm Đỗ Đức	Toàn	67V2	2.4	
2678	2678	2554044290	Phạm Ngọc	Toàn	67KTXD1	4.4	Đạt
2679	2679	2551142278	Phạm Thọ	Toàn	67QLXD2	5.8	Đạt
2680	2680	2551132058	Phan Văn	Toàn	67GT2	Vắng thi	
2681	2681	2551132059	Tạ Quang	Toàn	67GT1	5.2	Đạt
2682	2682	2551093115	Tô Thanh	Toàn	67MT2	3.6	
2683	2683	2551093116	Trần Khánh	Toàn	67MT1	3	
2684	2684	2554023538	Triệu Đức	Toàn	67QT1	5.4	Đạt
2685	2685	2551122493	Đỗ Văn	Toàn	67KTĐ1	Vắng thi	
2686	2686	2551075118	Phan Văn	Tới	67CTN2	4	Đạt
2687	2687	2551024888	Vũ Thanh	Trà	67N2	3.8	
2688	2688	2554033666	Lưu Thị	Trâm	67KT1	2.8	
2689	2689	2553015368	Lường Thị	Trâm	67LUAT2	4	Đạt
2690	2690	2554014145	Nguyễn Trần	Trần	67K2	4.4	Đạt
2691	2691	2554023539	Thân Bảo	Trần	67QT2	3.4	
2692	2692	2554074696	Bùi Mai	Trang	67LG1	3	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2693	2693	2551170963	Bùi Minh	Trang	67KTPM1	Vắng thi	
2694	2694	2554033667	Bùi Thị	Trang	67KT2	2.6	
2695	2695	2553015369	Chu Thị Quỳnh	Trang	67LUAT2	3.2	
2696	2696	2551261090	Đặng Phương	Trang	67TTNT1	7	Đạt
2697	2697	2553025505	Đỗ Hoàng Mai	Trang	67LUAT KT2	5.4	Đạt
2698	2698	2553025506	Đỗ Thị Uyên	Trang	67LUAT KT1	Vắng thi	
2699	2699	2551160829	Dương Thị Thu	Trang	67HTTT2	7	Đạt
2700	2700	2551105246	Hà Thu	Trang	67H1	4.4	Đạt
2701	2701	2554064544	Kiều Thị Diệu	Trang	67QTDL1	3.6	
2702	2702	2554033671	Lê Thu	Trang	67KT1	3.2	
2703	2703	2554083793	Lưu Quỳnh	Trang	67TCNH2	5.6	Đạt
2704	2704	2554093924	Mai Huyền	Trang	67KTA1	2.4	
2705	2705	2554023541	Ngô Thị Thu	Trang	67QT1	4.4	Đạt
2706	2706	2551183253	Nguyễn Hiền	Trang	67KTH1	4.2	Đạt
2707	2707	2553015370	Nguyễn Mai	Trang	67LUAT2	Vắng thi	
2708	2708	2554054422	Nguyễn Minh	Trang	67TMĐT1	5.8	Đạt
2709	2709	2554044291	Nguyễn Ngọc	Trang	67KTXD2	4.8	Đạt
2710	2710	2554033672	Nguyễn Thị	Trang	67KT2	2.9	
2711	2711	2554054424	Nguyễn Thị Hiền	Trang	67TMĐT1	3.4	
2712	2712	2551122503	Nguyễn Nhật	Trung	67KTĐ2	6.6	Đạt
2713	2713	2551041664	Nguyễn Thành	Trung	67CX1	3.2	
2714	2714	2551011390	Nguyễn Thành	Trung	67C2	2.6	
2715	2715	2554074700	Nguyễn Văn	Trung	67LG1	3.2	
2716	2716	2551230559	Phạm Quốc	Trung	67KTO1	4	Đạt
2717	2717	2551041665	Phạm Trần Đức	Trung	67CX1	Vắng thi	
2718	2718	2551212646	Phùng Quang	Trung	67TĐH2	4	Đạt
2719	2719	2551170965	Tạ Việt	Trung	67KTPM1	3	
2720	2720	2551041666	Trần Đắc	Trung	67CX2	2.8	
2721	2721	2553015373	Trần Đoàn Quang	Trung	67LUAT2	Vắng thi	
2722	2722	2551242842	Trần Đức	Trung	67ĐTVT3	5.6	Đạt
2723	2723	2551075121	Trần Ngọc Minh	Trung	67CTN1	3.8	
2724	2724	2551035012	Trần Việt	Trung	67V2	6.4	Đạt
2725	2725	2551050145	Ung Đình	Trung	67CK1	3.8	
2726	2726	2551271227	Hoàng Ngọc	Trường	67ANM2	6.4	Đạt
2727	2727	2551212647	Bùi Quan Văn	Trường	67TĐH1	Vắng thi	
2728	2728	2551122505	Đình Quang	Trường	67KTĐ1	Vắng thi	
2729	2729	2551050146	Đỗ Văn	Trường	67CK1	5.4	Đạt
2730	2730	2551132067	Hoàng Quốc	Trường	67GT1	2.4	
2731	2731	2553025511	Hoàng Xuân	Trường	67LUAT KT2	3.4	
2732	2732	2551183256	Lã Đức	Trường	67KTH2	7	Đạt
2733	2733	2551111899	Nguyễn Kim	Trường	67CT2	Vắng thi	
2734	2734	2551220401	Nguyễn Mạnh	Trường	67CTM1	4.2	Đạt
2735	2735	2551060704	Nguyễn Minh	Trường	67CNTT2	2.8	
2736	2736	2551261095	Nguyễn Quang	Trường	67TTNT2	Vắng thi	
2737	2737	2551282991	Phạm Quang	Trường	67KTRB2	4.2	Đạt
2738	2738	2551122506	Phạm Xuân	Trường	67KTĐ2	4.4	Đạt
2739	2739	2554014150	Phùng Xuân	Trường	67K2	8.6	Đạt
2740	2740	2551050147	Tạ Văn	Trường	67CK1	4.4	Đạt
2741	2741	2551111901	Tạ Văn	Trường	67CT2	3.4	
2742	2742	2551220402	Trịnh Quang	Trường	67CTM2	4.2	Đạt
2743	2743	2551050148	Vũ Xuân	Trường	67CK2	2.8	
2744	2744	2551142287	Vũ Xuân	Trường	67QLXD2	Vắng thi	
2745	2745	2551170967	Bùi Tuấn	Tú	67KTPM1	6.4	Đạt
2746	2746	2551105250	Đỗ Xuân Anh	Tú	67H2	3.2	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2747	2747	2551261096	Dương Văn	Tú	67TTNT1	4	Đạt
2748	2748	2551041670	Hoàng Ngọc Anh	Tú	67CX4	Vắng thi	
2749	2749	2551060705	Lê Nhân	Tú	67CNTT1	3.6	
2750	2750	2554014151	Lê Phương	Tú	67K2	8	Đạt
2751	2751	2551050149	Lương Anh	Tú	67CK1	Vắng thi	
2752	2752	2551220403	Lưu Tuấn	Tú	67CTM1	Vắng thi	
2753	2753	2551050150	Mẫn Bá	Tú	67CK2	Vắng thi	
2754	2754	2551011391	Ngô Anh	Tú	67C1	Vắng thi	
2755	2755	2554074701	Nguyễn Anh	Tú	67LG2	Vắng thi	
2756	2756	2551035014	Nguyễn Anh	Tú	67V1	3.4	
2757	2757	2551122507	Nguyễn Anh	Tú	67KTĐ3	2.4	
2758	2758	2553015374	Nguyễn Anh	Tú	67LUAT2	3.2	
2759	2759	2554033675	Nguyễn Anh	Tú	67ACCA	7.2	Đạt
2760	2760	2551212649	Nguyễn Bá	Tú	67TDH1	Vắng thi	
2761	2761	2553015375	Nguyễn Đình	Tú	67LUAT2	Vắng thi	
2762	2762	2551011392	Nguyễn Đức	Tú	67C2	4	Đạt
2763	2763	2551220404	Nguyễn Hoàng	Tú	67CTM1	4.2	Đạt
2764	2764	2551200294	Nguyễn Lê Anh	Tú	67CĐT2	4.4	Đạt
2765	2765	2551183257	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	67KTH2	3.4	
2766	2766	2551105251	Nguyễn Việt	Tú	67H1	Vắng thi	
2767	2767	2551060706	Phạm Đình	Tú	67CNTT2	4.2	Đạt
2768	2768	2551024892	Phạm Ngọc Tuấn	Tú	67N1	6.6	Đạt
2769	2769	2554044294	Phạm Xuân	Tú	67KTXD1	2.4	
2770	2770	2551122509	Thân Văn	Tú	67KTĐ1	Vắng thi	
2771	2771	2551242848	Trần Anh	Tú	67ĐTVT2	3.4	
2772	2772	2551050151	Trần Công	Tú	67CK1	3.2	
2773	2773	2551132069	Trần Hoàng	Tú	67GT1	2.6	
2774	2774	2554074702	Trần Thế Ngọc	Tú	67LG2	2.2	
2775	2775	2551111905	Vũ Minh	Tự	67CT3	Vắng thi	
2776	2776	2551041673	Nguyễn Anh	Tuần	67CX1	Vắng thi	
2777	2777	2551060707	Nguyễn Bá Hoàng	Tuần	67CNTT2	7.8	Đạt
2778	2778	2551132070	Nguyễn Minh	Tuần	67GT1	Vắng thi	
2779	2779	2551271228	Nguyễn Xuân	Tuần	67ANM2	Vắng thi	
2780	2780	2551200295	Phạm Đức	Tuần	67CĐT2	3	
2781	2781	2551282992	Bùi Anh	Tuần	67KTRB2	5.6	Đạt
2782	2782	2551212651	Bùi Anh	Tuần	67TDH2	Vắng thi	
2783	2783	2551282993	Đỗ Anh	Tuần	67KTRB1	3	
2784	2784	2551220406	Đoàn Đình	Tuần	67CTM2	6.2	Đạt
2785	2785	2551200296	Hà Minh	Tuần	67CĐT2	4	Đạt
2786	2786	2551111908	Hồ Minh	Tuần	67CT2	Vắng thi	
2787	2787	2551041676	Hồ Minh Anh	Tuần	67CX3	2.4	
2788	2788	2551041677	Hoàng Anh	Tuần	67CX3	2.8	
2789	2789	2551111909	Hoàng Mạnh	Tuần	67CT1	Vắng thi	
2790	2790	2553025512	Lê Anh	Tuần	67LUAT KT2	3.4	
2791	2791	2551093124	Lê Minh	Tuần	67MT2	4.4	Đạt
2792	2792	2551183258	Lê Nguyên	Tuần	67KTH2	Vắng thi	
2793	2793	2551132071	Lê Văn	Tuần	67GT2	Vắng thi	
2794	2794	2551242851	Lê Văn	Tuần	67ĐTVT1	2.8	
2795	2795	2551212652	Nguy Quốc	Tuần	67TDH1	4.4	Đạt
2796	2796	2551142291	Nguyễn Anh	Tuần	67QLXD1	Vắng thi	
2797	2797	2554044295	Nguyễn Anh	Tuần	67KTXD1	Vắng thi	
2798	2798	2551111910	Nguyễn Anh	Tuần	67CT3	Vắng thi	
2799	2799	2551142290	Nguyễn Anh	Tuần	67QLXD3	2.2	
2800	2800	2551242853	Nguyễn Đắc Đức	Tuần	67ĐTVT1	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2801	2801	2554064550	Nguyễn Đình Anh	Tuấn	67QTDL2	4.4	Đạt
2802	2802	2551041679	Nguyễn Mạnh	Tuấn	67CX2	4.4	Đạt
2803	2803	2551212653	Nguyễn Minh	Tuấn	67TĐH2	5.6	Đạt
2804	2804	2551282994	Nguyễn Văn	Tuấn	67KTRB2	Vắng thi	
2805	2805	2551041680	Nguyễn Văn	Tuấn	67CX3	Vắng thi	
2806	2806	2551261098	Nguyễn Văn Anh	Tuấn	67TTNT1	3.6	
2807	2807	2551242855	Phạm Anh	Tuấn	67ĐTVT1	6.2	Đạt
2808	2808	2551212654	Phan Hữu	Tuấn	67TĐH1	2.6	
2809	2809	2551261100	Phan Huy	Tuấn	67TTNT2	3	
2810	2810	2551132075	Phong Ngọc	Tuấn	67GT2	8.6	Đạt
2811	2811	2551011394	Quách	Tuấn	67C2	4.2	Đạt
2812	2812	2551220407	Tạ Đức	Tuấn	67CTM1	Vắng thi	
2813	2813	2551105254	Tổng Anh	Tuấn	67H2	2.8	
2814	2814	2551242856	Trần Anh	Tuấn	67ĐTVT2	Vắng thi	
2815	2815	2551111913	Trịnh Minh	Tuấn	67CT2	Vắng thi	
2816	2816	2551193391	Vũ Anh	Tuấn	67CNSH2	Vắng thi	
2817	2817	2551200297	Bùi Đức	Tuệ	67CĐT1	2.2	
2818	2818	2554064551	Chu Minh	Tuệ	67QTDL1	Vắng thi	
2819	2819	2554074703	Nguyễn Minh	Tuệ	67LG1	Vắng thi	
2820	2820	2551105255	Nguyễn Tài	Tuệ	67H1	6	Đạt
2821	2821	2551050152	Nguyễn Tài	Tuệ	67CK2	2.6	
2822	2822	2551132077	Cù Đình	Tùng	67GT1	Vắng thi	
2823	2823	2551132078	Đặng Minh	Tùng	67GT2	2.4	
2824	2824	2551282995	Đặng Thanh	Tùng	67KTRB1	4.6	Đạt
2825	2825	2551142294	Điều Trọng	Tùng	67QLXD1	3.8	
2826	2826	2551212655	Đình Xuân	Tùng	67TĐH2	8	Đạt
2827	2827	2554064552	Đỗ Thanh	Tùng	67QTDL1	Vắng thi	
2828	2828	2551041682	Đỗ Việt	Tùng	67CX1	4	Đạt
2829	2829	2551122513	Đoàn Gia	Tùng	67KTĐ2	3.8	
2830	2830	2553025513	Hoàng	Tùng	67LUAT KT1	Vắng thi	
2831	2831	2554124018	Kim Thế	Tùng	67CNTC	3.4	
2832	2832	2551220409	Lê Thanh	Tùng	67CTM1	7.2	Đạt
2833	2833	2551242857	Lưu Quang	Tùng	67ĐTVT3	Vắng thi	
2834	2834	2551041683	Lưu Quang	Tùng	67CX2	2.6	
2835	2835	2551122514	Nguyễn Bá	Tùng	67KTĐ2	3	
2836	2836	2551212656	Nguyễn Dương	Tùng	67TĐH2	3.8	
2837	2837	2551183260	Nguyễn Duy	Tùng	67KTH1	8.4	Đạt
2838	2838	2551111916	Nguyễn Duy	Tùng	67CT2	2.4	
2839	2839	2553025514	Nguyễn Duy	Tùng	67LUAT KT2	5	Đạt
2840	2840	2551271233	Nguyễn Hoàng	Tùng	67ANM1	3.6	
2841	2841	2554083801	Nguyễn Mạnh	Tùng	67TCNH2	Vắng thi	
2842	2842	2551212657	Nguyễn Việt	Tùng	67TĐH1	Vắng thi	
2843	2843	2551242858	Phạm Hồng	Tùng	67ĐTVT2	Vắng thi	
2844	2844	2551200298	Phạm Văn	Tùng	67CĐT1	Vắng thi	
2845	2845	2551242859	Phạm Việt	Tùng	67ĐTVT3	9	Đạt
2846	2846	2551041685	Trần Quốc	Tùng	67CX3	2.6	
2847	2847	2551041686	Trần Văn	Tùng	67CX2	2.4	
2848	2848	2551041687	Trần Việt	Tùng	67CX2	3	
2849	2849	2551122515	Vũ Duy	Tùng	67KTĐ3	3.4	
2850	2850	2551060709	Phạm Chí	Tường	67CNTT1	3.8	
2851	2851	2551041688	Hoàng Huy	Tường	67CX1	4.4	Đạt
2852	2852	2551242860	Ngô Thị Minh	Tuyên	67ĐTVT2	4.6	Đạt
2853	2853	2551060710	Nguyễn Quang	Tuyên	67CNTT2	4	Đạt
2854	2854	2551242861	Nguyễn Văn	Tuyên	67ĐTVT2	Vắng thi	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2855	2855	2551212659	Đặng Văn	Tuyển	67TĐH2	4	Đạt
2856	2856	2554044297	Lò Văn	Tuyển	67KTXD1	3.4	
2857	2857	2551183254	Nguyễn Thị Huyền	Trang	67KTH1	6.8	Đạt
2858	2858	2551271224	Nguyễn Thị Huyền	Trang	67ANM1	7.4	Đạt
2859	2859	2554033673	Nguyễn Thị Huyền	Trang	67KT1	4.4	Đạt
2860	2860	2553015371	Nguyễn Thị Kiều	Trang	67LUAT2	3.8	
2861	2861	2554083794	Nguyễn Thị Mai	Trang	67TCNH1	3.2	
2862	2862	2554014147	Nguyễn Thị Mai	Trang	67K2	3.4	
2863	2863	2554104785	Nguyễn Thị Minh	Trang	67KTS	Vắng thi	
2864	2864	2553015372	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	67LUAT1	3.2	
2865	2865	2551193384	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	67CNSH1	4	Đạt
2866	2866	2553025507	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	67LUAT KT1	Vắng thi	
2867	2867	2551193385	Nguyễn Thùy	Trang	67CNSH2	Vắng thi	
2868	2868	2554054426	Phạm Thị	Trang	67TMĐT1	4.6	Đạt
2869	2869	2551271225	Phạm Thị Thu	Trang	67ANM1	3	
2870	2870	2554083795	Phan Thị Minh	Trang	67TCNH1	4.6	Đạt
2871	2871	2554104786	Trần Thị Thuý	Trang	67KTS	3.2	
2872	2872	2554014149	Trần Thị Thùy	Trang	67K1	3.8	
2873	2873	2553025508	Vũ Thị	Trang	67LUAT KT2	Vắng thi	
2874	2874	2551160832	Vũ Thùy	Trang	67HTTT1	4.2	Đạt
2875	2875	2551242838	Nguyễn Trọng	Trắng	67ĐTVT3	2.8	
2876	2876	2551122495	Nguyễn Văn	Trắng	67KTĐ2	Vắng thi	
2877	2877	2551060703	Lê Văn	Trí	67CNTT1	5.2	Đạt
2878	2878	2551050143	Nguyễn Hữu	Trí	67CK2	Vắng thi	
2879	2879	2551122496	Nguyễn Minh	Trí	67KTĐ3	5.4	Đạt
2880	2880	2551193388	Nguyễn Minh	Trí	67CNSH2	5.8	Đạt
2881	2881	2551075119	Phạm Đức	Trí	67CTN2	2.8	
2882	2882	2551122497	Chu Danh	Triết	67KTĐ1	8.6	Đạt
2883	2883	2551041659	Mai Minh	Triết	67CX2	Vắng thi	
2884	2884	2551212644	Đậu Đức	Triều	67TĐH2	7.4	Đạt
2885	2885	2554064547	Đình Quốc	Triệu	67QTDL2	Vắng thi	
2886	2886	2554083796	Lê Thị Kim	Trinh	67TCNH1	2.8	
2887	2887	2551230557	Lý Mạnh	Trinh	67KTO2	8.6	Đạt
2888	2888	2551132060	Lê Khánh	Trình	67GT2	Vắng thi	
2889	2889	2551011386	Lường Đức	Trọng	67C2	Vắng thi	
2890	2890	2551111897	Mạc Đức	Trọng	67CT1	Vắng thi	
2891	2891	2551183255	Nguyễn Đức	Trọng	67KTH2	6.4	Đạt
2892	2892	2551230558	Nguyễn Quốc	Trọng	67KTO1	Vắng thi	
2893	2893	2551093120	Nguyễn Tiến	Trọng	67MT2	4.2	Đạt
2894	2894	2551261093	Thái Doãn Thiện	Trọng	67TTNT2	4.2	Đạt
2895	2895	2551024891	Vũ Trí	Trọng	67N2	3.2	
2896	2896	2551093121	Phạm Tấn	Trụ	67MT1	Vắng thi	
2897	2897	2554093929	Nguyễn Thanh	Trúc	67KTA2	Vắng thi	
2898	2898	2551122499	Nguyễn Hữu	Trực	67KTĐ3	4	Đạt
2899	2899	2551011387	Đặng Minh	Trung	67C1	Vắng thi	
2900	2900	2554023542	Đặng Nguyễn Quang	Trung	67QT1	Vắng thi	
2901	2901	2551142283	Đặng Quang	Trung	67QLXD1	Vắng thi	
2902	2902	2551212645	Đặng Văn	Trung	67TĐH1	8.6	Đạt
2903	2903	2554054427	Đình Văn	Trung	67TMĐT2	2.6	
2904	2904	2551011388	Hà Đức	Trung	67C1	2.6	
2905	2905	2551142284	Lê Văn	Trung	67QLXD3	2.8	
2906	2906	2551122501	Mai Văn	Trung	67KTĐ2	Vắng thi	
2907	2907	2551011389	Ngô Huy Bảo	Trung	67C2	Vắng thi	
2908	2908	2553025509	Nguyễn Chí	Trung	67LUAT KT1	3.6	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2909	2909	2551132064	Nguyễn Đức	Trung	67GT2	Vắng thi	
2910	2910	2551105247	Nguyễn Đức	Trung	67H2	4	Đạt
2911	2911	2551111898	Nguyễn Đức	Trung	67CT2	3.6	
2912	2912	2551242839	Nguyễn Minh	Trung	67ĐTVT2	2.2	
2913	2913	2551122502	Nguyễn Ngọc	Trung	67KTĐ3	2.4	
2914	2914	2551242840	Nguyễn Ngọc	Trung	67ĐTVT2	5.2	Đạt
2915	2915	2551230565	Vũ Đức	Tuyển	67KTO2	4.4	Đạt
2916	2916	2551271235	Lê Đình	Tuyển	67ANM1	Vắng thi	
2917	2917	2551035020	Nguyễn Khánh	Tuyển	67V1	Vắng thi	
2918	2918	2551261101	Bùi Lương Anh	Tuyệt	67TTNT2	3.8	
2919	2919	2554074704	Đặng Thị	Tuyệt	67LG2	3.2	
2920	2920	2551142299	Đình Ánh	Tuyệt	67QLXD3	2.8	
2921	2921	2554083804	Lê Ánh	Tuyệt	67TCNH2	Vắng thi	
2922	2922	2554064553	Nguyễn Thị Ánh	Tuyệt	67QTDL2	Vắng thi	
2923	2923	2554074705	Phạm Thị Ánh	Tuyệt	67LG1	4.2	Đạt
2924	2924	2553025515	Trần Thị Ánh	Tuyệt	67LUAT KT2	4	Đạt
2925	2925	2551242862	Đỗ Trần	Uy	67ĐTVT1	3.6	
2926	2926	2551122516	Lý Gia	Uy	67KTĐ3	Vắng thi	
2927	2927	2554074706	Đình Hải	Uyên	67LG1	2.2	
2928	2928	2551142300	Đình Thị Mai	Uyên	67QLXD1	3.6	
2929	2929	2554074707	Lê Thị	Uyên	67LG2	4.8	Đạt
2930	2930	2554093931	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	67KTA2	3.2	
2931	2931	2551011396	Trần Thị Phương	Uyên	67C1	Vắng thi	
2932	2932	2551271237	Nguyễn Thị Thanh	Uyên	67ANM1	Vắng thi	
2933	2933	2551160837	Bùi Thị Hồng	Vân	67HTTT2	3.2	
2934	2934	2554104787	Bùi Thị Thảo	Vân	67KTS	3.4	
2935	2935	2553025516	Bùi Thuý	Vân	67LUAT KT1	8	Đạt
2936	2936	2551041689	Lại Thảo	Vân	67CX2	3.2	
2937	2937	2554054434	Lê Thanh	Vân	67TMĐT1	9.6	Đạt
2938	2938	2554023545	Lê Thị	Vân	67QT1	4.4	Đạt
2939	2939	2551193393	Lê Thị Diệu	Vân	67CNSH2	3.8	
2940	2940	2551183262	Ma Thị	Vân	67KTH2	5.4	Đạt
2941	2941	2554083805	Nguyễn Thị Bích	Vân	67TCNH1	6.4	Đạt
2942	2942	2554014157	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	67K2	3	
2943	2943	2554083806	Nguyễn Thị Thu	Vân	67TCNH2	7.6	Đạt
2944	2944	2554104788	Phạm Thị	Vân	67KTS	5	Đạt
2945	2945	2551093126	Phùng Thanh	Vân	67MT2	4.2	Đạt
2946	2946	2554033677	Trần Thị Thanh	Vân	67KT1	5.8	Đạt
2947	2947	2551282998	Trịnh Thị	Vân	67KTRB2	3.8	
2948	2948	2551193394	Vũ Cẩm	Vân	67CNSH1	6.2	Đạt
2949	2949	2551200299	Nguyễn Duy	Văn	67CĐT2	Vắng thi	
2950	2950	2551193395	Trương Thị Tú	Văn	67CNSH1	4.8	Đạt
2951	2951	2551050154	Nguyễn Bá	Vạn	67CK2	4.4	Đạt
2952	2952	2551111918	Phạm Khánh	Vang	67CT3	Vắng thi	
2953	2953	2554083807	Đào Thảo	Vi	67TCNH1	3.2	
2954	2954	2554044298	Lê Thị	Vi	67KTXD2	3.6	
2955	2955	2553015376	Lê Thị Yến	Vi	67LUAT1	3.8	
2956	2956	2551160838	Nguyễn Hà	Vi	67HTTT2	4.4	Đạt
2957	2957	2553025517	Nguyễn Hồng	Vi	67LUAT KT2	3.8	
2958	2958	2553015377	Nguyễn Thảo	Vi	67LUAT1	5	Đạt
2959	2959	2554033678	Nguyễn Thị Hà	Vi	67KT1	4.6	Đạt
2960	2960	2554044299	Phạm Ngọc Hà	Vi	67KTXD1	3.4	
2961	2961	2554033679	Phạm Thị	Vi	67KT1	2	
2962	2962	2551050155	Nguyễn Nguyên	Viễn	67CK1	2.8	

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
2963	2963	2551122517	Đặng Quốc	Việt	67KTĐ1	3	
2964	2964	2551200301	Hoàng Đức	Việt	67CDT1	4.6	Đạt
2965	2965	2551075123	Hoàng Tiến	Việt	67CTN2	2.4	
2966	2966	2551093128	Lê Quốc	Việt	67MT1	Vắng thi	
2967	2967	2551132081	Nguyễn Đức	Việt	67GT2	6.2	Đạt
2968	2968	2551111919	Nguyễn Duy	Việt	67CT1	Vắng thi	
2969	2969	2551242864	Nguyễn Minh	Việt	67ĐTVT1	3.2	
2970	2970	2551132082	Nguyễn Ngọc	Việt	67GT1	Vắng thi	
2971	2971	2551183263	Nguyễn Quốc	Việt	67KTH2	4	Đạt
2972	2972	2551230567	Nguyễn Tuấn	Việt	67KTO2	5.4	Đạt
2973	2973	2551261102	Nguyễn Tuấn	Việt	67TTNT1	2.2	
2974	2974	2551242865	Nguyễn Văn	Việt	67ĐTVT2	4.4	Đạt
2975	2975	2551183264	Nguyễn Văn	Việt	67KTH1	7.2	Đạt
2976	2976	2551093129	Phạm Anh	Việt	67MT2	2.6	
2977	2977	2551193396	Trần Hoàng	Việt	67CNSH1	Vắng thi	
2978	2978	2551122518	Trần Quang	Việt	67KTĐ2	4.4	Đạt
2979	2979	2551193397	Trần Quốc	Việt	67CNSH2	3.2	
2980	2980	2551122519	Trần Tuấn	Việt	67KTĐ2	Vắng thi	
2981	2981	2551282999	Trịnh Quốc	Việt	67KTRB1	3.2	
2982	2982	2551122520	Trương Quốc	Việt	67KTĐ3	3.2	
2983	2983	2551011397	Bùi Hoàng	Vinh	67C2	Vắng thi	
2984	2984	2551132083	Bùi Quang	Vinh	67GT2	Vắng thi	
2985	2985	2551230568	Bùi Thế	Vinh	67KTO1	Vắng thi	
2986	2986	2551220411	Đặng Tiến	Vinh	67CTM2	5.2	Đạt
2987	2987	2551132085	Đỗ Thành	Vinh	67GT1	Vắng thi	
2988	2988	2551093130	Đỗ Thành	Vinh	67MT1	3.4	
2989	2989	2551242866	Dư Quang	Vinh	67ĐTVT2	5.8	Đạt
2990	2990	2551142302	Hoàng Quang	Vinh	67QLXD2	3	
2991	2991	2551230571	Lê Quý	Vinh	67KTO2	Vắng thi	
2992	2992	2551050157	Lương Thế	Vinh	67CK2	4	Đạt
2993	2993	2551024897	Ngô Trường	Vinh	67N1	3.6	
2994	2994	2551041693	Ngô Tuấn	Vinh	67CX3	4.2	Đạt
2995	2995	2551170974	Nguy Công	Vinh	67KTPM2	7.2	Đạt
2996	2996	2551160839	Nguyễn Đức	Vinh	67HTTT1	4.6	Đạt
2997	2997	2551220412	Nguyễn Đức	Vinh	67CTM1	4.6	Đạt
2998	2998	2553015378	Nguyễn Duy Quang	Vinh	67LUAT1	3	
2999	2999	2554064557	Nguyễn Khánh	Vinh	67QTDL2	3.6	
3000	3000	2551242867	Nguyễn Quang	Vinh	67ĐTVT1	4.4	Đạt
3001	3001	2551230572	Nguyễn Quang	Vinh	67KTO1	6.2	Đạt
3002	3002	2551132086	Nguyễn Tài	Vinh	67GT2	3.4	
3003	3003	2551242868	Nguyễn Văn	Vinh	67ĐTVT1	3.6	
3004	3004	2554124020	Nguyễn Văn	Vinh	67CNTC	3	
3005	3005	2551212663	Phạm Quang	Vinh	67TDH1	Vắng thi	
3006	3006	2551105258	Phí Ngọc	Vinh	67H1	Vắng thi	
3007	3007	2553015379	Trịnh Tuấn	Vinh	67LUAT2	Vắng thi	
3008	3008	2551220413	Vũ Quang	Vinh	67CTM2	2.8	
3009	3009	2551283001	Vũ Quang	Vinh	67KTRB1	3.4	
3010	3010	2551050158	Vũ Quang	Vinh	67CK2	4	Đạt
3011	3011	2551111922	Vũ Trí	Vinh	67CT2	Vắng thi	
3012	3012	2551160840	Bằng Anh	Vũ	67HTTT2	3.4	
3013	3013	2551261104	Bùi Anh	Vũ	67TTNT2	Vắng thi	
3014	3014	2551050159	Bùi Văn Minh	Vũ	67CK1	4.8	Đạt
3015	3015	2551041698	Cao Hoàng Anh	Vũ	67CX4	3.2	
3016	3016	2553025518	Đặng Anh	Vũ	67LUAT KT1	6	Đạt

TT	SBD	Mã số	Họ và tên	Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
3017	3017	2551105259	Đoàn Mạnh Vũ	67H2	3.2	
3018	3018	2551193398	Dương Cảnh Vũ	67CNSH2	Vắng thi	
3019	3019	2551200302	Hà Minh Vũ	67CĐT2	8	Đạt
3020	3020	2554064558	Hoàng Anh Vũ	67QTDL1	6.8	Đạt
3021	3021	2551142305	Hoàng Lê Triệu Vũ	67QLXD3	Vắng thi	
3022	3022	2551050160	Lê Minh Vũ	67CK2	6.6	Đạt
3023	3023	2553025519	Lê Nguyên Vũ	67LUAT KT2	5.2	Đạt
3024	3024	2551183266	Lưu Công Vũ	67KTH1	4.2	Đạt
3025	3025	2551122521	Lưu Minh Vũ	67KTĐ2	Vắng thi	
3026	3026	2551200303	Mai Trọng Thành Vũ	67CĐT1	3.8	
3027	3027	2551261106	Nguyễn Anh Vũ	67TTNT1	6.8	Đạt
3028	3028	2553015380	Nguyễn Huy Vũ	67LUAT1	4	Đạt
3029	3029	2551142307	Nguyễn Minh Vũ	67QLXD3	Vắng thi	
3030	3030	2551212664	Nguyễn Minh Vũ	67TĐH2	6.6	Đạt
3031	3031	2551242869	Nguyễn Quý Vũ	67ĐTVT3	3.2	
3032	3032	2551111923	Nguyễn Trường Vũ	67CT2	3.8	
3033	3033	2551183267	Nguyễn Tuấn Vũ	67KTH2	Vắng thi	
3034	3034	2551122522	Nguyễn Văn Vũ	67KTĐ3	Vắng thi	
3035	3035	2551271241	Nguyễn Văn Lâm Vũ	67ANM2	2.8	
3036	3036	2551075126	Phan Anh Vũ	67CTN2	5.8	Đạt
3037	3037	2551035023	Tô Quang Anh Vũ	67V1	5.6	Đạt
3038	3038	2551200304	Tô Văn Vũ	67CĐT2	3.6	
3039	3039	2551132087	Trần Vũ	67GT1	3	
3040	3040	2551035025	Trần Doãn Minh Vũ	67V1	5.8	Đạt
3041	3041	2551271242	Nguyễn Thị Hồng Vui	67ANM2	Vắng thi	
3042	3042	2554093933	Tổng Hồng Vui	67ACCA	Vắng thi	
3043	3043	2551170977	Dương Đức Vương	67KTPM2	1.8	
3044	3044	2551220414	Khúc Minh Vương	67CTM2	4.6	Đạt
3045	3045	2551075128	Nguyễn Bá Vương	67CTN1	Vắng thi	
3046	3046	2551050162	Nguyễn Trần Công Vương	67CK1	Vắng thi	
3047	3047	2551050163	Nguyễn Văn Vương	67CK1	Vắng thi	
3048	3048	2551093133	Nguyễn Văn Vương	67MT2	3.6	
3049	3049	2554014159	Cao Bảo Vy	67K2	4.8	Đạt
3050	3050	2554074711	Đoàn Thái Minh Vy	67LG1	9.2	Đạt
3051	3051	2554093934	Đoàn Yên Vy	67KTA2	3.4	
3052	3052	2554124022	Ngô Thị Trà Vy	67CNTC	Vắng thi	
3053	3053	2553015381	Nguyễn Hà Vy	67LUAT2	5	Đạt
3054	3054	2554083810	Nguyễn Tường Vy	67TCNH1	5.4	Đạt
3055	3055	2553015382	Phạm Lâm Tường Vy	67LUAT1	4.8	Đạt
3056	3056	2554054437	Tạ Khánh Vy	67TMĐT2	2.4	
3057	3057	2554064562	Trần Hà Vy	67QTDL1	3.4	
3058	3058	2553025520	Trương Thị Yên Vy	67LUAT KT1	2.4	
3059	3059	2554044303	Vũ Mai Phương Vy	67KTXD1	9.2	Đạt
3060	3060	2551024898	Phạm Hoàng Vy	67N2	Vắng thi	
3061	3061	2551093134	Đỗ Thanh Xuân	67MT1	3.8	
3062	3062	2554033680	Hoàng Thị Xuân	67KT2	Vắng thi	
3063	3063	2551193399	Nghiêm Thị Thanh Xuân	67CNSH1	2.8	
3064	3064	2554093935	Nguyễn Thanh Xuân	67KTA1	3	
3065	3065	2554064564	Nguyễn Thị Thanh Xuân	67QTDL2	5.2	Đạt
3066	3066	2551160842	Phạm Thị Kim Xuân	67HTTT2	2.4	
3067	3067	2551093135	Trần Văn Xứng	67MT1	Vắng thi	
3068	3068	2551183268	Đặng Thị Xương	67KTH1	Vắng thi	
3069	3069	2554023548	Nguyễn Đào Ngọc Yên	67QT1	4.2	Đạt
3070	3070	2551160843	Bùi Hải Yên	67HTTT1	6.2	Đạt

TT	SBD	Mã số	Họ và tên		Lớp	Kết quả thi	Ghi chú
3071	3071	2554093936	Cao Thị Minh	Yên	67KTA1	4.4	Đạt
3072	3072	2551142309	Đặng Thị Hải	Yên	67QLXD2	Vắng thi	
3073	3073	2551035026	Đặng Thị Hải	Yên	67V2	2.8	
3074	3074	2554023549	Đào Hải	Yên	67QT2	3.2	
3075	3075	2551060711	Lê Hải	Yên	67CNTT1	7	Đạt
3076	3076	2554044304	Nguyễn Hải	Yên	67KTXD2	4.8	Đạt
3077	3077	2551160844	Nguyễn Thị	Yên	67HTTT1	3.8	
3078	3078	2554033681	Nguyễn Thị Hải	Yên	67KT2	7.2	Đạt
3079	3079	2551142310	Phạm Thanh	Yên	67QLXD1	Vắng thi	
3080	3080	2554033682	Phạm Thị Hải	Yên	67KT1	4	Đạt
3081	3081	2551261108	Phạm Thị Thảo	Yên	67TTNT1	7.6	Đạt
3082	3082	2554064565	Phùng Thị Hải	Yên	67QTDL1	3.2	
3083	3083	2551075129	Quảng Thị Bảo	Yên	67CTN1	1.4	
3084	3084	2554093939	Trần Bảo	Yên	67KTA1	4.6	Đạt
3085	3085	2554054438	Trần Lê Bảo	Yên	67TMĐT1	5.6	Đạt
3086	3086	2551193400	Trịnh Ngọc	Yên	67CNSH2	7.2	Đạt
3087	3087	2554033683	Vũ Thị Hải	Yên	67KT1	2.8	
3088	3088	2554064566	Vương Hoàng	Yên	67QTDL2	Vắng thi	

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Website nhà trường;
- Lưu: VT, PĐT(HT.03b).

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Khắc Thạc